



VŨ ĐỨC SAO BIỂN

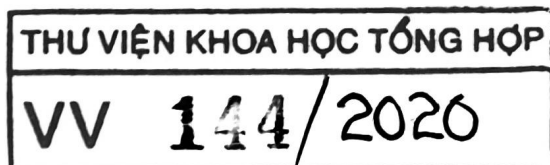
Phượng ca



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HOA - VĂN NGHỆ

Vũ Đức Sao Biển

Phương ca



Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ
Thành phố Hồ Chí Minh - 2019

Lời nói đầu

Sau lưng mỗi người có một quãng đời mà người ta gọi là ngày xưa. Đối với tôi, ngày xưa là những tháng năm được học bậc trung học thơ mộng. Những năm học ấy thật đáng yêu, thật hồn nhiên. Đáng yêu và hồn nhiên bởi đây là giai đoạn chuẩn bị cho mỗi chúng ta bước vào đời.

Tôi yêu ngày xưa của tôi dù tuổi thơ ấy chưa thật sự được bằng an và hạnh phúc. Bây giờ ở cái tuổi vào chiều, tôi nhìn lại tuổi thơ và thật sự không nghĩ ra mình đã bắt đầu vào đời như thế. Quả nhiên, thuở vào đời thật có nhiều điều đáng nhớ và đáng được chia sẻ với mọi người.

Quyển sách này khởi đầu từ bài viết đầu tiên đăng trên *Mực Tím*. Tôi đã nghĩ đến việc ghi lại những dấu ấn đáng nhớ trong tuổi vào đời của mình. Thời gian trôi qua mấy chục năm, những đau khổ và hạnh phúc trên đường đời cũng nhiều nhưng không thể xóa nhòa được ký ức. Tôi đã cố gắng lục lại những trang rời trong miền ký ức, trong cả khu vực vô thức vốn từ lâu ngủ yên, để viết lại thành quyển hồi ức này. Tôi gọi nó là *Phượng ca*.

Quyển sách viết ra cho các bạn học sinh trung học. Ngày nay, cái học, cái vui chơi của các bạn có thể khác cái học, cái vui chơi của chúng tôi ngày xưa, nhưng tựu trung, mỗi đời

người chúng ta đã trải qua một thời trung học thú vị. Trong tập sách này, có những trang viết tỏa rạng niềm vui rực rỡ; có những trang viết nỗi đau chi xiết mênh mông. Nhưng ngay trong niềm vui hay nỗi đau, tôi vẫn cảm thấy cái hạnh phúc kỳ diệu khi được sống và làm người. Bởi chỉ có con người mới cảm nhận được những trải nghiệm ấy.

Tôi đi trên đường đời, cầm một đóa hoa mà không biết gửi về đâu, tặng ai. Thôi thì hãy gửi tặng ngày xưa thân ái của chúng ta, của tôi và của các bạn - thời phượng ca của mỗi chúng ta. Tôi mừng tượng ra có chỗ sẽ khiến bạn cảm thấy se lòng, có đoạn sẽ làm bạn bật cười ha hả khi đọc quyển sách. Đó là sự chia sẻ. Tôi xin cảm ơn bạn.

Bạn có về đất Quảng Nam, xin ở lại miền đất ấy một thời gian. Phía Tây là núi cao vờn vợi, phía Đông là biển xanh màu ngọc biếc. Dòng sông Thu băng qua bao nhiêu ghềnh thác, nối núi non với đồng bằng. Cuối sông Thu là thành phố Hội An - một thành phố hiền triết và thơ mộng, di sản văn hóa vật thể của thế giới. Trái tim tôi lớn lên giữa thành phố Hội An, trong màu rêu xanh của phố cổ đó.

Quyển sách này hé mở một phần tâm hồn của một người Quảng Nam, trưởng thành từ Hội An.

Thân ái,

Vũ Đức Sao Biển

Tân Thới Nhất, tháng 4 - 2018

*Giữa thu vàng, bên đồi sim trái chín;
Một mình ta ngồi hát tuổi thơ bay.*

(Thu, hát cho người - 1968)

Phượng ca

VŨ DỨC SAO BIỂN

Phượng ở miền Trung, phượng tươi thắm hơn ngàn hoa. Chờ mùa hè
sang, phượng nở đón ta về. Người về miền Trung, đi hết bao con đường
xưa. Thăm hết bao kỷ niệm buồn. Mới biết đời cô đơn. Chào phượng bình
minh, đôi má thắm tươi hồn nhiên. Giữa đời bình yên, phượng đâu biết muộn
phiên. Một thời ta đi theo bóng công danh phù du. Sơn phấn ai phai nhạt
màu. Ta biết lòng phượng đau. Ôi, hỡi hoa phượng ơi.
Ta cũng như phượng thôi. Một thời ta nhớ thương người. Một thời ta
hát cho người. Một thời lênh đênh như bóng con thuyền trôi. Ta cũng như người
xưa. Vai áo xanh bạc phơ. Một đời Tư Mã Giang Châu. Trở về trên
bến giang đầu. Để lòng tương tư hoa cũ trót phai màu.
Phượng là loài hoa mà ta vẫn yêu ngày xưa. Phượng từ ngàn
năm phượng nở đến bây giờ. Người về miền Trung, trông thấy em trong màu
hoa. Tiếng nói chân phương mặn mà. Nên viết thành phượng ca.

Mời bạn scan mã QR code
để nghe ca khúc *Phượng ca*.



Làng tôi



Tôi sinh ra trên vùng rừng núi của huyện Tam Kỳ năm 1947. Tam Kỳ ngày ấy là huyện cực nam của tỉnh Quảng Nam, giáp giới với tỉnh Quảng Ngãi. Cha mẹ tôi gốc người huyện Duy Xuyên. Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh, cha mẹ tôi bỏ quê nhà dẫn các con đi tản cư vào vùng kháng chiến Tam Kỳ. Người địa phương gọi chúng tôi là “dân tản cư”. Mẹ sinh tôi ra trong một buổi sáng có tiếng bom người Pháp đánh xuống nổ ùng oàng. Rồi mẹ tôi bế con về một làng ven biển để nuôi nấng. Phải đến năm 1955, gia đình tôi mới trở về quê gốc ở huyện Duy Xuyên.

Từ tám tuổi, tôi mới biết được quê nhà mình. Làng tôi ngày ấy có tên là Xuyên An, nay đổi lại là xã Duy Vinh. Làng nằm hướng Đông của quốc lộ, cách quốc lộ khoảng bảy cây số. Đó là một bán đảo giữa nơi giao nước của

sông Thu ở hướng Đông, sông Ly Ly ở hướng Tây và sông Trường Giang ở hướng Nam. Cả ba dòng sông đều góp nước cùng chảy về Cửa Đại.

Làng nằm trong vùng giao nước của ba dòng sông lớn, cận biển. Tên làng là cái tên rất xưa do tổ phụ mang từ Thanh Hóa vào đặt lại cho miền đất mới để đỡ nhớ quê nhà. Trên 550 năm trước, trên đường về phương Nam khẩn hoang lập làng, những người lưu dân Thanh - Nghệ nghèo xa xứ không đem theo được một tài sản nào ngoài nỗi thương nhớ quê cha đất tổ. Họ lấy tên đất ngoài Thanh - Nghệ đặt tên cho những làng mới ở đất Quảng Nam. Tên làng tôi ngày xưa là Bàn Thạch.

Làng Bàn Thạch ngày ấy còn nghèo xơ xác. Sau chiến tranh, những cư dân cũ trở về, căn bản tài sản chẳng có gì nhiều ngoài một đàn con nheo nhóc, ốm đói. Cha mẹ tôi sinh được mười người con; bốn người đã chết trong chiến tranh; sáu người còn sống sót. Tôi là đứa con thứ mười; sau tôi là thằng em út.

Tôi sinh ra giữa thời bom đạn tang thương; quê nhà đói nghèo; phương tiện chăm sóc y tế hoàn toàn không có. Thân thể tôi gầy gò. Thời thơ ấu sống giữa làng biển ở Tam Kỳ, tôi bị những trận đau ốm triền miên mà không có thuốc men chữa trị. Tôi sống được trên đời như một phép lạ.

Tôi lớn lên trong không gian xanh của làng quê, hồn nhiên như cỏ như cây. Chúng tôi ngày ấy không có

ai được làm khai sinh. Tám tuổi, tôi mới được đi học. Ngày xưa ở Tam Kỳ, người ta chưa làm trường học, con em chưa dám đi học vì sợ bom đạn của người Pháp. Cho nên trở về làng, tôi đi học trễ. Hễ trễ thì phải học nhảy lớp. Tôi học bốn năm, xong bậc tiểu học mới được làm thế vì khai sinh, được dự thi vào lớp đệ thất¹ trường trung học Trần Quý Cáp năm 1959.

Tôi yêu thương cha mẹ, anh chị em trong gia đình. Tôi biết gia đình mình đã trải qua những khổ nạn, đau đớn trong chiến tranh. Tôi còn là trẻ con cũng phải gánh chịu, chia sẻ một phần những khổ nạn, đau đớn ấy. Tôi biết gia đình mình nghèo nên học rất chăm chỉ.

Từ năm mười một tuổi, tôi phải xa làng, đi học ở Hội An. Từ năm mười ba tuổi, tôi đã tự lo cho mình, không tiêu tốn một đồng bạc nào của cha mẹ. Tôi tự hào vì biết mình phải tự lập sớm. Và nhờ sống tự lập sớm nên tôi khá tự tin trên đường đời sau này, ngay trong những tháng ngày gian nan nhất. Những năm học trung học ở Hội An là những năm thơ mộng nhất của đời tôi.

Bây giờ, tôi đã là một ông già, cứ hoài niệm quá khứ. Tôi thương yêu bà con làng tôi, những con người hiền lành chăm chỉ một đời lo vất vả kiếm sống. Nhiều năm qua, vào ngày mùng 9 Tết âm lịch, tôi trở về làng, làm một show diễn quyên góp tiền giúp bà con nghèo làm nhà. Tôi tự bỏ tiền ra để lo chuyện đi đứng, ăn ở cho

1. Lớp đệ thất: Lớp 6

mình. Tôi chỉ mong góp một chút công sức cùng các anh ở địa phương để kiếm được vài ba triệu đồng, chia hết cho bà con nghèo giúp họ có thể làm được một ngôi nhà mới khá hơn ngôi nhà cũ.

Ngày mùng 9 Tết hàng năm đã trở thành ngày hội làng đông vui, ấm áp tình cảm đùm bọc lẫn nhau. Những căn nhà tranh xiêu vẹo, dột nát nay đã được thay bằng nhà xây vách gạch, lợp tôn. Tôi làm để trả nợ tình nghĩa cho bà con, để tự nhắc nhở lòng mình rằng tôi đã từ làng quê đó mà đi vào đời.

Làng ở lưng chừng địa vực, không gần quốc lộ nên làm nông cũng không được, mua bán hay công nghiệp cũng không xong. Làng nằm trong tầm bão lụt nên có bão to lụt lớn tràn về là ưu tiên có nhà trôi, cầu sập. Trên năm trăm năm chục năm qua, làng tôi là như thế, cứ chắt chiu xây dựng mười năm, chỉ cần một mùa bão lụt lớn là trắng tay. Ngay trong những ngày thơ ấu, tôi đã biết bà con làng tôi nghèo.

Nó nghèo như bao nhiêu làng quê khác của miền Trung thân yêu. Bà con tôi ở cách thành phố Hội An trên dưới năm cây số nhưng có người suốt đời không ăn được bát cao lầu hay tô phở và cũng chẳng biết nó ra làm sao. Họ không đi đâu xa làng bởi vì họ chẳng có đồng bạc nào. Suốt đời, họ lam lũ bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, ngồi trên khung cửi dệt chiếu. Chiếu hoa dệt cho đời được vẽ lên những chữ Hán *Phúc, Lộc, Thọ* mà bà con tôi thì chưa bao giờ được hưởng đủ niềm vui chứa đựng trong ba chữ ấy.

Trừ mùa đông, những con sông làng tôi xanh biếc suốt ba mùa còn lại, lãnh mạn và tươi đẹp nhưng thiếu phù sa. Sông thiếu phù sa thì chẳng nói chuyện sản xuất nông nghiệp được. Nó chỉ có giá trị nuôi lớn tâm hồn của giai nhân và danh sĩ. Nhưng như ta biết, sông về với biển cả thì không còn hồn sông nữa. Người làng tôi cũng vậy, có ra đi nhiều nhưng ít khi trở về đủ. Bởi mỗi người đều mang trái tim phiêu du lãnh mạn của dòng sông.

Thiếu phù sa thì đất không màu mỡ. Đất không màu mỡ thì con người phải gia công lắm mới kiếm được cái ăn, cái mặc. Bao đời nay, làng tôi nắng bụi mưa sinh. Bây giờ thì những lối đi trong làng đã được tráng xi-măng nên trông khá quang đãng. Nhà tranh không còn, thay vào đó là nhà lợp ngói, lợp tôn. Mấy chục năm, mái tranh lên ngói, lên tôn nhưng con người ở dưới các mái nhà ấy vẫn còn nghèo. Nghèo bởi vì đất đai vùng cận duyên vừa nhỏ hẹp, vừa khô cằn. Nghèo bởi vì gần như không tìm ra được một hướng xuất xứ¹ cho đời mình trên một vùng đất khắc nghiệt.

Về làng là về với những mảnh ruộng nhỏ, có mảnh chỉ chừng hai chiếc chiếu. Vốn xưa, ruộng cũng tương đối lớn. Nhưng rồi không có gì cho con sau khi con lập gia đình, những ông cha bà mẹ đành phải cắt cho một vạt ruộng. Người con có vạt ruộng ấy sau này lại cắt nó ra chia cho các con của mình. Cắt mãi, ruộng trở thành

1. Xuất xứ: (từ cũ) ra làm quan hoặc lui về ở ẩn.



những vạt nhỏ, manh mún; những bờ thửa chỉ vừa đủ đặt một bàn chân đi.

Cây lúa thương người nông dân dầm mưa dãi nắng, mùa xuân cho những bông vàng hực. Mùi rạ mới cắt thơm thơm, nghe thân thiết như tình người, tình đất. Thân rạ không cao lắm nhưng người làng cũng ráng chở về nhà để chất thành đụn rơm. Lúa ở đây chỉ trồng để ăn, nhà nào nhà nấy cũng vừa đủ ăn; không có dư đem bán cho người. Nhiều người sợ đói trong những ngày giáp hạt, trong mùa đông. Cho nên, không ai nỡ bán lúa gạo.

Về làng là về với những mảnh vườn. Những mảnh vườn đó khó có thể gọi là rẫy bởi thế đất ở đây không cao. Chúng chỉ cao hơn những mảnh ruộng và vì không thể trồng lúa trên đó nên người ta trồng vườn. Vườn khổ qua, vườn bắp, vườn sắn, vườn khoai lang xanh tốt quanh năm nhờ nước thủy lợi về và nhờ bàn tay tần tảo sớm hôm của người nông dân chôn chất. Rất nhiều khi, vườn cứu ruộng. Trước đây, năm nào không đủ gạo ăn thì có khoai, có sắn qua ngày.

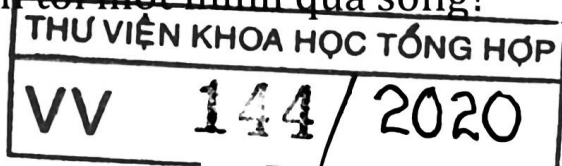
Về làng là về với những lũy tre xanh. Từ bao đời nay, tre đã che chở cho con người vượt qua những trận bão lụt. Có những lũy tre còm tả tơi sau những phong ba cuộc sống, lại ra măng và phủ màu xanh lại. Đi dưới những đường tre, nghe tiếng lá rì rào trên đầu, nhớ quá chừng quá đổi những ngày xưa thân ái, những ngày ta mới vào tuổi mười tám.

Về làng là nhìn thấy những vạt dương liễu xanh mọc trên những bờ cát trắng. Sông đã từng ngàn năm qua bên bồi bên lở. Nơi nào bồi là có bóng liễu dương xanh mọc lên, góp phần giữ đất. Đất làng không nhiều lắm; và đất là của người sống nên phải giữ gìn để còn được sống. Bên sông chiều, những cây dương liễu trông buồn hiu hắt như thiếu phụ đứng chờ chồng về.

Đứng ở làng nhìn về hướng Tây, ta thấy núi. Núi thật trầm tư và hiền triết. Người làng tôi gọi hướng núi là nguồn. Đêm trước, trời đổ mưa nguồn thì hôm sau, nước ba dòng sông làng tôi đục. Trong nước đục từ nguồn tràn về, có bầy cá ngạnh tức trứng đi tìm chỗ đẻ. Người làng tôi tạm gác mọi chuyện, vác cần đi câu cá ngạnh. Bữa ăn có canh chua cá ngạnh là quà tặng hào phóng của mưa nguồn.

Làng thật thân yêu. Mùi rơm rạ, mùi phân trâu bò, mùi thơm của sợi lác mới chẻ phơi trong nắng lụa mùa xuân khiến cho làng có một mùi tổng hợp khá đặc biệt. Nó gây nhớ lạ lòng. Tháng 3 dương lịch, cái Tết vừa đi qua, hoa sầu đâu nở trong cơn gió còn rét lạnh chấm phá những vạt màu tím lãnh mạn thật đáng yêu.

Về làng là đi tìm bóng con đò xưa. Chiếc cầu bê-tông mới, kết cấu vững chắc vẽ một đường cong văn minh sống động qua con sông xưa không làm phai mờ nỗi nhớ về con đò ngang nhỏ một quai chèo. Bạn tôi ơi, đời đưa em về đâu để hôm nay, giữa ngày xuân thắm, chỉ còn tôi một mình qua sông?





Đêm mùng 9 Tết, người làng được nghe những bài xuân ca và tình ca nồng thắm. Làng như sống lại trong những giai điệu lãng mạn của âm nhạc, tạm quên đi bao nỗi buồn lo, toan tính áo cơm. Tôi chỉ mong đem lại cho người làng một chút niềm vui, một chút thoát tục trong mùa xuân mới. Người nhạc sĩ không có gì hơn ngoài trái tim mong tận hiến cho đời.

Ngày mai, tôi xa làng. Tôi cũng chẳng biết có ngày trở lại thăm nơi này hay không. Nhưng thôi, nghĩ tới ngày mai làm gì. Tôi sẽ đi qua một trời mây trắng khác; bạn sẽ vẫn còn đó giữa cuộc đời hiện thực. Tôi hy vọng bạn sẽ có ngày trở lại thăm làng. Bạn sẽ đi qua những con đường tôi đi và sẽ nhớ lại chính nơi này làm nên tuổi mười tám, một phần tâm hồn tôi.

Một chuyện quê mùa



Lớp đệ ngũ ngày ấy tức là lớp tám ngày nay. Hai năm trước đó, tôi còn quá nhỏ, mới học lớp đệ thất và đệ lục¹ thì chưa có gì đáng nhớ. Tôi bắt đầu những mẩu chuyện của mình với năm tôi lên lớp đệ ngũ² niên khóa 1961-1962. Trường tôi học là trường Trần Quý Cáp - ngôi trường công lập lớn nhất của tỉnh Quảng Nam, đóng tại Hội An. Thành phố Hội An - thủ phủ của tỉnh thuở ấy, là một thành phố nhỏ, hiền triết với những mái ngói rêu phong, những con đường im ắng. Nó nằm hướng đông cách quốc lộ 1 mười cây số, thềm thùng e ấp như một cô gái mới lớn. Đêm đêm, thành phố ngọt ngào hương hoa ngọc lan.

1. Lớp đệ lục: Lớp 7

2. Lớp đệ ngũ: Lớp 8

Sân trường Trần Quý Cáp trồng thật nhiều gốc phượng. Những cây phượng tới mùa đông rụng hết lá, chỉ còn những cành nhánh khẳng khiu đứng chịu gió rét và mưa lạnh. Qua mùa xuân, phượng ra lá non và cuối xuân đầu hạ thì đâm hoa rực rỡ. Cái màu lửa của hoa phượng thật hấp dẫn tuổi thơ tôi, khơi gợi trong tôi những ký ức thật đẹp về ngôi trường này.

Trước đó, khi học hai lớp đệ thất và đệ lục, tôi ở trọ ăn cơm tháng trong một căn nhà người quen ở khu vực chùa Bà Mụ. Ngôi chùa này do bà con người Hoa xây dựng, sau nhiều năm tháng, dường như bị bỏ quên. Khu vực này thật im ắng. Nhà tôi ở trọ có hai hướng: một đường kiệt (hẻm) trở ra đường Lê Lợi, một hẻm lớn đổ ra đường Phan Châu Trinh.

Ở trọ trong khu vực này, tôi may mắn được làm quen với nhạc sĩ nổi tiếng Lê Trọng Nguyễn. Nhà ông cách nhà tôi ở trọ chừng vài chục mét. Ông là cậu ruột của chị HTH - bạn cùng học chung lớp với tôi. Tôi không có được hân hạnh học nhạc với ông nhưng học được rất nhiều điều từ tác phẩm âm nhạc của ông. Ca khúc của ông luôn mang dáng dấp âm nhạc bán cổ điển của Pháp.

Mỗi tháng, cha mẹ tôi phải trả cho chủ nhà trọ 300 đồng tiền ăn ở. Cha mẹ tôi nghèo, 300 đồng lúc bấy giờ là một món tiền lớn. Cứ nghĩ tới đó, tôi càng yêu thương cha mẹ tôi. Lòng tôi thầm mong có một chỗ nào đó dạy

kèm cho các em học sinh tiểu học để đỡ tốn tiền của cha mẹ. Cha mẹ tôi vốn nghèo, những đồng tiền quý giá ấy dành để nuôi anh trai của tôi đang học tại trường bán công Sào Nam, Duy Xuyên.

“Lù khù có ông cù độ mạng”, tôi tình cờ quen ông Huỳnh Lăng, nhà ở 36 Phan Bội Châu. Ông Lăng có một con gái đầu lòng học lớp năm và hai đứa cháu trai học lớp ba và lớp tư. Ông muốn có một người kèm cặp cho cả ba em cùng học. Đặc biệt, ông muốn con gái đầu lòng phải thi đậu vào lớp đệ thất trường Trần Quý Cáp. Vậy là tôi được ông chọn làm người dạy kèm cho cả ba em, được nuôi ăn cơm trong nhà. Nhiệm vụ của tôi là phải kèm cho em Thanh đủ sức thi đậu vào lớp đệ thất và hai em còn lại lên lớp.

Nhà ông Lăng là một nhà giàu có ở Hội An. Ông thật tử tế, dành hẳn cho tôi căn lầu một rộng rãi làm chỗ học hành, ăn ở và dạy kèm các em. Buổi tối, các em học với tôi từ 7 giờ đến 9 giờ. Từ đó, tôi tự lập, không còn phải tốn một đồng tiền nào của cha mẹ. Tôi lên đệ ngũ mới thật sự an tâm học tập, không còn phải lo kiếm chỗ ở, ăn cơm tháng như hai năm trước nữa.

Anh trai thứ tám của tôi sinh năm 1942, tuổi Nhâm Ngọ nhưng học trễ và lận đận vô kể. Từ lớp 1, anh học chung lớp với tôi. Phải đợi đến năm 1957, làng tôi mới có một trường tiểu học. Anh thi hỏng lớp đệ thất trường trung học công lập nên phải học trường bán công. Học ở trường bán công thì phải đóng tiền.



Cha mẹ tôi mua cho anh chiếc xe đạp để đi học. Anh em tôi chỉ có thể gặp mặt nhau vào tối thứ Bảy và ngày Chủ nhật hàng tuần.

Năm đệ ngũ thì chưa có kỷ niệm gì đáng nhớ ngoài một vị thầy mà tất cả chúng tôi đều... sợ hãi. Đó là thầy TK, dạy môn tiếng Pháp. Thầy dạy rất giỏi, phương pháp sư phạm rất hay. Học với thầy, học sinh phải tự sắm một cuốn *carnet*¹ để ghi chép các từ mới. Mỗi từ như vậy được đặt trong một câu văn cụ thể. Cho nên, học sinh của thầy rất phong phú vốn từ và vốn câu, có thể nói chuyện với... Tây được.

Cái đáng sợ là đứa nào không thuộc bài thì bị thầy đánh, mà lại đánh rất đau! Trời ơi, “chưởng pháp” của thầy cực kỳ lăng lệ, đặc biệt là cú rờ-ve² -tục gọi là hồi chưởng. Đứa nào bị thầy “chưởng” luôn luôn dính hai cú, một bằng lòng bàn tay, một bằng mu bàn tay. Cái mu bàn tay rờ-ve nặng hơn cái lòng bàn tay. Chưởng pháp thầy lâm ly ảo diệu đến nỗi không đứa nào tránh né được. Và cũng chẳng có đứa nào dám tránh né với thầy bởi tránh né thì bị lãnh *rappel*³ - nghĩa là nhân đôi hình phạt!

“Trò Hợi, số 32”. Tôi đứng lên như cái máy và nói như... cassette: “Thưa thầy, số 32: *Tropical* – thuộc về

1. Canet: Sổ tay

2. Rờ-ve: Revert - giao bóng nghịch tay.

3. Rappel: Gấp đôi.

nhiệt đới. *Vietnam est un pays tropical* - Việt Nam là nước thuộc về nhiệt đới”. “*Très bien* - Tốt lắm”. Đứa nào không nhớ số thứ tự và từ, không đặt câu được hoặc không thuộc câu mẫu thì ăn... hai chương. Thuộc một trong hai cái, ăn một chương. Phải phản xạ nhanh như cassette nói thì mới được điểm *très bien*.

Ngày đó, chưa có khái niệm lập trình ra đời. Thế nhưng như một quán tính, đứa nào cũng phải lập trình số thứ tự các chữ và câu trong đầu óc. Giờ Pháp văn căng thẳng như tình hình nước Iraq đánh nhau với quân Taliban. Học xong giờ Pháp văn của thầy, nhiều đứa trai cũng như gái, má đỏ hây hây. Đó là quân xui xẻo hoặc làm biếng không học bài, bị thầy kiểm tra bất ngờ và... chương. Thầy chương bất kể đứa nào, từ con của thường dân tới con phó tỉnh trưởng! Nghĩa là thầy không ngán một ai và cũng chẳng có ai dám kiện thưa chi thầy.

Xưng với thầy, cả lớp phải xưng “con”. Đứa nào đại dột hay ngu ngốc xưng “em”, thầy “bẻ” ngay: “Cái chi? Máy người mà xưng em với tôi hả? Phải xưng là con! Máy người chỉ được xưng em với con Bồ Câu thôi”. “Con Bồ Câu” mà thầy đề cập đến là cô MH, con gái yêu của thầy, đang dạy trong trường. Bồ Câu là tên gọi thân mật của cô ở nhà. Cô MH là cô giáo trẻ vừa tốt nghiệp sư phạm, dạy một số lớp trong trường, dù không dạy lớp chúng tôi. Trước cô, chúng tôi xưng em thì xưng con trước thầy là chuyện phải đạo rồi.

Chuyện sau đây mới thật quê mùa. Có một lần, thầy bệnh. Thăng Nguyễn Nhự - lớp trưởng bàn với tôi: “Mình tổ chức đi thăm thầy TK. Nghe nói thầy đang điều trị tại nhà”. Ban đầu, tôi hơi ngần ngại nhưng rồi cũng phải đồng ý với hấn. Tôi là lớp phó, hấn nói vậy thì cũng đúng đạo lý thôi. Thầy cô của chúng tôi có bao nhiêu người đâu. Thầy TDT dạy Văn đã bị tai nạn giao thông, qua đời tại Huế mà chúng tôi không thể đi viếng được. Giờ thì thầy TK bệnh.

Thăng Nhự bảo phải mua một ít trái cây. Trái cây mua xong, hỏi lại cả lớp không đứa nào dám đi. Thì thôi, chỉ có hai “nhà nhỏ” này là dám. Hai đứa đợi sau 6 giờ tối, đi bộ đến nhà thầy. Gặp cô MH, cô bảo: “Hai em vào đây, chờ một chút nhé. Ba cô đang nghe đài BBC”. Từ trên lầu vọng xuống giọng phát thanh “Đây là đài BBC, Luân Đôn, xin kính chào quý vị thính giả. Trong giây lát, chương trình Việt ngữ sẽ được truyền đi trên các làn sóng 31 thước và 41 thước...”.

Thuở chờ đợi, thời gian thật rét. Đúng 7 giờ, thầy từ trên lầu bước xuống: “Cái chi đó, các con hề?”. Tôi ngon ăn, đứng lên khoanh tay thưa: “Thưa thầy, cả lớp nghe tin thầy bệnh, bảo chúng con đại diện đến thăm thầy. Kính chúc thầy mau khỏe”. Thầy cười: “Cám ơn hai con. Bệnh thì có bệnh thiệt, nhưng chỉ là đổi thay thời tiết thôi mà. Thăm thú làm chi? Còn cái chi đây?”. Thăng Nhự đứng lên: “Thưa thầy, chỉ là một ít trái cây”. Thầy

rầy ngay: “Quý lớp có mấy đồng, con mua làm cái chi? Mua trái cây là ý của con nào đây?”. Thăng Nhựt: “Dạ, của con”. “Con đem về đi!”.

Bộ mặt thằng Nhựt quê ra một cục, gần giống cái mâm thau. Trời ơi, trên đường về, chúng tôi quê mùa hết chỗ nói. Tôi chửi thằng Nhựt không tiếc lời. Hấn chửi lại tôi: “Mi là đồ ngu. Răng tau hỏi mà mi không cản tau?”. Tôi đã định... đánh lộn với hấn nhưng nghĩ lại chuyện cãi nhau mà đánh lộn thì dị quá. Dẫu sao, hấn nói cũng có lý. Mình đã cầu an, không can gián thì một phần sự vụ quê mùa này là lỗi của mình. Từ đó về sau, cả lớp kiềng¹, không dám đi thăm mà mua trái cây biếu thầy cô nào nữa. Nói nào ngay, thầy cô bệnh chúng tôi cũng hăng hái đi thăm nhưng chỉ dám đi... tay không.

Tám năm sau, tôi tốt nghiệp đại học, về dạy tại Bạc Liêu. Học sinh của tôi là các em lớp đệ nhất; nam thường là mười tám tuổi, nữ có em mười chín, hai mươi tuổi. Tôi dặn lòng: Phải thương yêu học sinh của mình, đừng bao giờ nổi nóng trước các em. Tôi học được ở thầy TK tính nghiêm túc và nghiêm khắc của đời sư phạm nhưng tôi sẽ không bao giờ - vâng không bao giờ, tôi “chưởng” học trò của mình. Mà xin lỗi, “chưởng” các em thì coi kỳ quá.

1. Kiềng: Không dám đến

Ai ăn chè bà Chi?



Năm đệ tứ, tôi được nhà trường cấp cho một học bổng toàn phần 240 đồng và tặng một phần thưởng học sinh xuất sắc toàn trường. Trong lễ phát thưởng, thầy chủ lễ¹ gọi đó là phần thưởng đặc biệt của ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục gửi tặng. Tôi nghe vậy thì biết vậy, lòng thầm cảm động, không hiểu tại sao ông Bộ trưởng ở tận Sài Gòn mà gửi cái phần thưởng này ra được đến Quảng Nam tặng mình. Đây là lần đầu tiên, thằng học trò nghèo mặt rệp² có được một số tiền lớn. Hăn nghĩ đến chuyện phải mời bạn bè ăn một cái chi chi đó. Cái chi chi đó kêu bằng là... chè bà Chi.

1. Thầy chủ lễ: Người điều khiển chương trình.

2. Mặt rệp: Nghèo rớt mồng tơi.

Bà Chỉ là một người danh tiếng trong thành phố Hội An mà bá tánh trường trung học Trần Quý Cáp đều phải biết. Đó là một người phụ nữ lớn tuổi, quanh năm chỉ mặc một bộ đồ đen, ăn ở dơ hầy, mắt luôn luôn... toét ghen. Thậm chí, một nguồn tin thông thạo cho biết bà Chỉ mỗi tháng chỉ tắm một lần vào đúng giờ Ngọ! Có đứa còn đoán chắc rằng trong suốt ba tháng mùa đông, bà dứt khoát... không tắm! Với bà, nước và xà bông chỉ là những xa xỉ phẩm vô ích trên đời và động từ “tắm rửa” chỉ là từ ngữ có trong từ điển tiếng Việt. Bà tích cực chống lại sự tắm rửa như chúng ta tích cực chống vi trùng.

Người phụ nữ ấy chỉ bán mỗi một món chè đậu đen nấu với đường tán - cái món ăn dễ ợt mà tất cả nhân dân miền Trung đều nấu được. Ấy vậy mà dân nghèo thành thị đang học trường Trần Quý Cáp đều mê chè bà Chỉ. Mê vì bà nấu đậu đen rất mềm, nước đậm và rất ngọt. Và trên hết, chúng tôi mê vì... giá rẻ.

Bà Chỉ luôn luôn tự hào về thương hiệu của mình. Bà ngồi bên lề đường Nguyễn Duy Hiệu, đối diện với nhà máy đèn do người Pháp để lại. Tài sản của bà chỉ gồm hai chiếc bàn và tám chiếc ghế nhỏ cực thấp. Bà “ra hàng” đúng 10 giờ sáng, “dọn hàng” đúng 5 giờ chiều. Đứa nào đến ăn trễ ráng chịu, bà không thềm bán. Nói chung, bà là một phụ nữ bình dân rất hách... xì dầu.

Bà Chỉ bán duy nhất một món chè đậu đen nóng, đứa nào ưng ăn chè lạnh cứ tự nhiên đi... chỗ khác mà

ăn. Mỗi chén chè của bà giá một đồng, phía trên là nước, ở dưới có khoảng vài chục hạt đậu đen nấu nhừ. Đậu nhừ đến nỗi chưa vào tới miệng đã tan ra thành bột. Nó ngọt một cách ma quái và phù hợp tỳ vị¹ của người phương Đông nói chung và học sinh nghèo Trần Quý Cáp nói riêng một cách kịch liệt.

Cái gì của bà Chỉ xem ra cũng tạm được trừ... hai bàn tay. Hai bàn tay bà cứ y như mới rút từ trong đồng than ra; mười đầu móng tay đen xỉn. Mùa đông, bà vừa cầm chén múc chè, vừa ho hen. Thỉnh thoảng, bà khịt mũi một cái rồi quẹt nhanh bàn tay mặt của mình vào... ống quần. May mắn là bà cầm chén chè bằng tay trái, múc chè bằng tay mặt. Cái đó là bằng chứng hùng hồn nói lên rằng bà Chỉ cũng có ý thức giữ gìn vệ sinh và tôn trọng khách ăn chè. Có lẽ nhờ vậy mà vi trùng không lây lan qua cán vá². Nói tóm lại, bà có nhã ý bảo vệ an toàn thực phẩm nhưng nhận thức có hạn chế nên hay khịt mũi mà thôi. Cũng may cho bà, thời ấy chưa có thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm nên không ai đến khám xét cửa hàng của bà. Do vậy, cửa hàng đó “thọ” rất lâu!

Bà Chỉ ít nói, có lẽ là một phụ nữ tiết kiệm lời lẽ bậc nhất của tỉnh Quảng Nam. Khi tự xưng về mình, bà Chỉ xưng là “họ”. Khi gọi khách hàng, bà Chỉ gọi “mấy người”, dù rằng chỉ có một người ngồi ăn. “Mấy người

1. Tỳ vị: Bao tử

2. Cán vá: Tay bị tật cong lại như cán vá (muôi/ muổng lớn múc canh)

đưa năm đồng, làm rằng họ có bốn đồng thối lại đây?" - bà Chỉ cảm râm.

Khách ăn chè bà Chỉ toàn là con dân nghèo trường Trần Quý Cáp. Đám nhà giàu, nhà sang có ăn chè thì đã lên quán bà Sở, có ghiền phở thì đã tới phở đình Ông Voi trên đường Lê Lợi. Dân giàu sang chê quán bà Chỉ dơ; bà Chỉ cũng chê dân giàu sang không biết ăn chè. "Cái đồ yêu nớ mà biết ăn chè chi? Mà chè rằng lại bán tới hai đồng? Họ bán có một đồng đây mà còn trộm trầy trộm trật, đừng nói hai đồng" - bà bình luận. Bà Chỉ chuyên bán cho con nhà nghèo, lạc cha xa mẹ, khổ rách áo ôm, ba năm mới được mấy đồng rủng rỉnh trong túi cỡ như... tui.

Đứa nào vác mặt tới ăn chè, xin cứ lặng lẽ ngồi xuống cái ghế thấp chũn. Hoặc nếu chê ghế thì khách ngồi bệt xuống đất, ăn đứng hoặc nằm lăn bên vệ đường mà ăn cũng không sao. Bà Chỉ không buồn hỏi, lặng lẽ múc một chén chè. Ăn xong, con nhà nghèo móc tiền trả rồi cứ việc ra đi, chẳng ai nói với ai một lời vàng đá. Bà Chỉ ghét nhất là câu: "Một đồng hả bà?". Đứa nào ngu ngốc (hoặc nhà quê) hỏi bà như vậy, bà cự ngay: "Một đồng chớ mấy? Hỏi chi hỏi hoài, điếc lỗ tai". Thật là một "thương hiệu" cực kỳ văn minh thương nghiệp và rất kiệm lời.

Tôi đái đám bạn ăn chè vào một ngày cuối tháng 5-1963. Trai có, gái có, cùng học một lớp nên ồn ào như... cái chợ nhỏ. Bà Chỉ lặng lẽ bán chè, múc chưa kịp



mười chén thì đã có đứa cháu ăn đưa chén vào đề nghị bà... bán tiếp chén thứ hai. Bà Chỉ cự: “Làm cái chi mà ăn mau rứa? Để họ múc cho kịp chớ. Mấy người đòi ăn nữa, họ không bán đâu”. “Họ” có nghĩa là tiếng tự xưng của bà Chỉ, cũng như nhà vua tự xưng mình là “trẫm” vậy. Nghe bà cự, thằng cháu ăn ồn ào ngớ ra, không dám thò chén tới. Chỉ tới khi bà chịu bán qua tua thứ hai thì con ma đói này mới dám đưa chén, cười cầu tài. Thiệt quê hết chỗ nói!

Tóm lại, mỗi đứa tui tui ăn hai chén chè đậu đen nóng, mồ hôi mồ kê vã ra cũng kha khá. Ấy gọi là ăn mừng rửa học bổng. Ăn xong, cả bọn qua câu lạc bộ âm nhạc nghe thầy Lê Chấn Quang chơi piano moderne. Rồi ai về “dinh” nấy, ăn cơm chiều, học bài để đầu tháng 6 thi lấy bằng diplôme¹.

Bây giờ, bà Chỉ đã ra người thiên cổ. Cuộc sống tiến lên văn minh hiện đại nhưng tìm đâu ra được một bà Chỉ quý hiếm vừa bán chè, vừa quệt nước mũi vào quần? Lũ bạn ăn chè ngày đó đã thành ông nội bà nội, ông ngoại bà ngoại, phiêu dạt bốn phương. Từ những chiếc ghế thấp chũn đó, đã có những nhân vật lớn (và to con mập mập!) đi vào đời.

Mùa xuân, tôi trở lại Hội An, đi qua đường Nguyễn Duy Hiệu, lòng thầm nhớ quán chè bà Chỉ. Bây giờ thì tôi giàu sang quá cỡ rồi, có tới vài... triệu đồng

1. Diplôme: Trung học

trong túi. Nếu có chè bà Chỉ, tôi phải ăn vài chục chén cho bổ ghét. Nhưng than ôi, tìm đâu ra giữa thành phố Hội An này một bà Chỉ hồn nhiên, dơ hầy bán chè trên lề đường năm xưa?

Tôi bị phạt cầm tước



Trường trung học Trần Quý Cáp nằm đầu lưng với nhà máy nhiệt điện bên đường Nguyễn Duy Hiệu. Nhà máy này là công trình cổ lỗ sĩ nhất của người Pháp xây dựng trên đất Hội An. Những ông tây bà đầm đi khỏi Hội An không để lại gì nhiều ngoài một nhà máy nhiệt điện to đùng, chạy dầu phun khói khét lẹt. Suốt ngày, nhà máy chạy ầm ầm như... xe lửa, khói đen thui, đi ngang đó ta cứ tưởng đang bị động đất. Nhà máy phát ra một dòng điện rất ngộ. Nó chỉ đủ sức đốt sáng những bóng đèn tròn cà giựt cà giựt. Cũng may là sau lưng trường có một khoảng đất rộng; giữa trường và nhà máy được người Pháp xây một hàng rào kiên cố cao cỡ trên hai mét nên tiếng ồn của xe lửa - xin lỗi, của nhà máy, không ảnh hưởng tới chuyện học hành của chúng tôi.

Khoảng đất rộng sau trường trở thành một... sơn trại Lương Sơn bạc khá an toàn. Ở đó, không có hai đại đầu lĩnh cỡ Tiều Cái, Tống Giang làm chủ. “Quần hùng” rần mắt, nghịch ngợm nhất của trường Trần Quý Cáp tụ họp về đây trong giờ ra chơi hay lúc nghỉ tiết bất thường, tha hồ “đàm đạo”. Các “tiểu thư” thì ra chơi ngoài sân, ít khi dám héo lánh tới đây. Cũng dễ hiểu thôi bởi nơi đây nhiều tay nam sinh hay... tè bậy vào tường. Hình như chữ Hán có nói tới điều đó. Bằng chứng là câu “Bất học diện tường” - Kẻ không học hành thì quay mặt nhìn vào vách! Mà nhìn vào vách thì có nghĩa là đang... tè bậy.

Nói đàm đạo là nói cho lịch sự. Quần hùng ra đây chỉ để lén lút làm những trò tinh nghịch, những trò không thể làm ở sân trường được. Mà đứa nào dám làm trước sân trường thì cứ gọi là gồng mình chịu đòn như chơi. Ngày đó, học sinh trung học vẫn còn bị đánh bằng roi mây. Tất nhiên, “tội ác” nào trời găm không nả mới bị đánh. Mà trong số “phạm nhân” thì con trai là nhiều nhất. Cho nên, anh em trai tráng phải rút về... sơn trại.

Mùa đông năm 1962 lạnh cắt da cắt thịt. Bốn vị anh hùng lớp đệ tứ P2, trong đó có tôi, kéo nhau ra sơn trại sau trường làm chuyện nghịch ngợm. Ấy là vì lớp vừa nhận được... hỷ tín: Cô HT dạy tiếng Pháp bị bệnh bất ngờ, phải nghỉ học hai tiết. Cái câu “*Madame, permettez-moi d’aller au besoin*” - Thưa cô, cho phép con ra ngoài không nhất thiết phải nói nữa. Bốn vị anh hùng

đường hoàng ra sơn trại, ngồi chồm hổm để... thương nghị việc đời.

Việc đời thì chẳng có chi đáng nói. Bốn thằng ngồi buồn thiu. Tay trưởng lớp Nguyễn Nhựt lớn nhất bọn, mở miệng than: “Lạnh quá!”. Tiếng than của hắn tác động tới tâm hồn và trí tuệ của tay phó lớp là... tôi! Hắn đã mặc áo len dài tay mà còn than vậy, huống chi tôi không có áo len, chỉ mặc một cái áo sơ mi ngắn tay vải mỏng như lá lúa? Tôi rùng mình một cái, than “Lạnh thiệt!”. Nhựt hỏi: “Có đưa mô còn tiền không?”. Ba vị anh hùng còn lại: “Để làm chi?”. Nhựt đồng dục: “Mua... thuốc lá hút!”.

Thời đó, bác Mãi cai trường, bán thuốc Ruby giá ba đồng bốn miếng. “Ba đồng bốn miếng Ruby/ Hút thì nói hút, không thì nói không” - ca dao “nhân dân” Trần Quý Cáp đã có câu làm chứng như vậy. Chúng tôi góp được... một đồng rưỡi, đưa cho vị anh hùng không có tiền góp và nhỏ con nhất bọn là thằng Huỳnh Hà đi mua. Thằng này ngộ lắm; người hắn nhỏ, da hắn đen. Cặp chân hắn có màu của chì. Lớp đặt cho hắn cái tên Gà rừng chân chì.

Gà rừng chân chì coi vậy mà rất lanh lợi. *Tây Du ký* của Ngô Thừa Ân xây dựng hai nhân vật Tinh Tế Quỷ và Linh Lợi Trùng chuyên môn để cho các đại vương sai vặt, thường là đi thám thính tình hình. Thằng Hà còn lanh lợi hơn cả Tinh Tế Quỷ và Linh Lợi Trùng. Đi mua cái gì, bọn tôi cũng biểu hắn đi.

Tuy vậy, tôi vẫn dặn hấn: “Mi đi cho khéo khéo nghe, đừng để bị thầy CDC bắt đó”. Thầy CDC là cha của thằng Châu Toàn Huệ, học cùng lớp với chúng tôi. Thầy làm giám thị theo cung cách “công pháp bất vị thân” nên đứa nào sai phạm cũng có thể bị thầy quất roi mây vào mông. Khuôn mặt thầy hiền hậu, nuôi chim và trồng kiểng thật giỏi; “tiên pháp” đánh roi mây của thầy cực kỳ đáng hãi nên thằng học trò nào cũng kính hờn.

Một lát sau, Hà quay về, móc túi quần đưa ra một điếu Ruby cong vèo, trả lại năm cắc. Hấn cảm râm: “Năm nỉ gãy lưỡi, ổng mới chịu bán cho một điếu”. Ấy là vì thuốc lá chỉ bán cho các thầy và các anh lớn lớp đệ nhất (lớp 12). Cỡ chúng tôi hút thuốc là phạm húy¹! Thì thôi, bốn thằng chung nhau một điếu Ruby cũng chỉ nhằm tìm hiểu cái mùi thuốc nó ra răng².

Lớp trưởng Nguyễn Như quả là tay góm mặt. Hấn còn đem theo cả một cái... thùng diêm (hộp quẹt). Không hiểu sao, người Quảng Nam chúng tôi đột xuất kính trọng cái hộp quẹt, phong nó lên tới chức... cái thùng diêm. Cái chi của người Quảng Nam cũng to lớn, cũng dềnh dàng hết. Thí dụ, cái máy ảnh được phong lên làm... cái bàn hình. Hộp quẹt lên chức thùng diêm có lẽ cũng nằm trong tinh thần kính trọng đó.

1. Phạm húy: Tránh không được nhắc đến.

2. Ra răng: Ra làm sao, như thế nào (phương ngữ).

Thằng Nhựt bật que diêm châm điếu thuốc rất nhà nghề, hút một hơi dài rồi đưa qua tôi. Tôi cũng hút một hơi rồi đưa cho thằng Hà. Thằng Hà hút một hơi chuyền qua thằng Trần Văn Long. Thằng Long hút xong, điếu thuốc lại qua tới tay lớp trưởng Nhựt. Mọi việc diễn ra công bằng, sòng phẳng; điếu thuốc qua tay bốn vị anh hùng hút vội, trở thành mềm oặt như con sâu.

Trừ thằng Nhựt, ba anh hùng còn lại đều ho và sặc khói. Cái mùi thuốc lá khét lẹt, chẳng thơm tho gì. Tuy vậy, phải công nhận hơi thuốc lá chống lạnh hay thiệt tình. Thằng nào thằng nấy nghe máu chạy rần rần lên não, người ăm kịch liệt hẳn lên.

Bỗng nhiên, thầy CDC, giám thị khối đệ tứ, cầm cây roi mây danh tiếng hoàn cầu, đi dọc hiên sau trường về hướng sơn trại. Thầy đi thông thả, có vẻ giống như một nhà thơ đi tìm thi hứng hơn là một giám thị mẫn cán với nhiệm vụ tìm ra những thằng học trò ba đá¹ vi phạm kỷ luật. Nhanh như một tay ảo thuật nhà nghề, thằng Hà vùi điếu thuốc vào bãi cỏ rồi để mấy cuốn tập dè lên trên. Làm xong mấy động tác đó, hẳn ngồi xuống khoanh tay lại, y như một thằng con ngoan ngoãn, thấy mà phát ghét!

Thầy giám thị vừa tới, bốn vị anh hùng trở lại tư thế nghiêm túc như bốn Lạt Ma Tây Tạng ngồi... tham Thiền trên đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn. “Mấy trò ngồi làm

1. Ba đá: Cứng đầu.

cái chi ở đây hè?” - thầy giám thị hỏi. Thăng Nhựt mau miệng: “Thưa thầy, mấy đứa con ngồi nói chuyện”. Thầy giám thị: “Nói chuyện hả? Chuyện chi con hè?”. Bốn vị anh hùng đều tịt ngòi. Trời ơi, nói tụi con ngồi học bài nghe ra phải đạo hơn không? Thăng Nhựt quả thiệt là đồ ngu. Chẳng lẽ lại khai ra chuyện vừa chung được một đồng mua một điếu Ruby hút lén?

Bỗng dưng, thầy giám thị hít hít lỗ mũi, đánh hơi. Chém chết cái không khí của bầu trời mùa đông Quảng Nam đi! Không khí chi mà cứ đặc quánh, lạnh nhưng không có một chút gió. Mùi khói thuốc còn vương trên bãi cỏ, đọng lại lưng chừng trong không gian, không chịu bay đi hòa tan vào mùi khói nhà đèn khét lẹt bên kia vách. Thầy giám thị hỏi: “Mấy con lén hút thuốc phải không?”. Rồi không đợi cho bọn phạm tội phân giải đôi lời - nói theo ngôn ngữ trong tường hát bội, thầy chụp bàn tay phải Thăng Nhựt đưa lên nhìn. Một chút ám khói vàng vàng còn trên đầu ngón tay giữa của hắn. Chết tiệt cái nhựa thuốc của điếu Ruby!

Đã vậy, thằng Hà còn đại dột liếc mắt nhìn mấy cuốn tập của hắn bỏ dưới cỏ. Tập thì phải giữ trong người chứ làm sao lại bỏ dưới bãi cỏ được, hở trời? Thằng này không biết quý chuộng việc học tập, không biết tôn trọng chữ nghĩa thánh hiền chút nào. Nội một cái tội đó cũng đủ mang ra mà chém rồi, chưa nói tới những hình phạt khác! Thầy giám thị cúi xuống cầm mấy quyển tập lên, tìm ra được cái tàn thuốc lá dài

khoảng hai phân. Mỗi đứa chúng tôi mới vừa chơi được hai hơi. Khám người thằng Nhựt, thầy tịch thu được... cái thùng diêm.

Tang chứng, vật chứng đầy đủ, chỉ có trời mới cãi được. “Vụ án” bị truy tố tại chỗ. Thầy giám thị mở sổ tay ra ghi nhanh: “*Lớp đệ tứ P2 - Nhựt, Hợi, Hà, Long lén hút thuốc*”. Thầy tuyên bố tội danh và hình phạt một cách chắc nịch: “Sáng Chủ nhật, các con bị phạt cấm túc một buổi. Tám giờ đem tập và bút vào trường, lên phòng giám thị. Nghe rõ chưa?”.

Bốn thằng nhìn nhau kinh hãi. Vậy là mất toi một ngày Chủ nhật cùng với bạn ta NTH về quê. Rồi ta sẽ ăn nói với cha mẹ ta thế nào đây, nhỉ nhỉ?

Lại... cấm túc



Cấm túc có nghĩa là cấm cái chân đi lại, phải ngồi một chỗ để làm một công việc gì đó. Bạn có thể hiểu hai chữ cấm túc là... bó giò. Với học sinh ngày xưa, bị phạt cấm túc có nghĩa là phải đem sách vở vào trường ngày Chủ nhật, thi hành “án phạt giam” tại chỗ do giám thị chỉ định.

Bị phạt cấm túc là bạn không được về nhà, không được dạo phố ngắm... các bông hoa nhỏ lớp dưới, không được làm cái gì hết trừ chuyện... vào trường ngồi viết bài cấm túc do giám thị ra đề. Bây giờ già rồi, ngồi nghĩ lại mới thấy hình thức phạt cấm túc có một giá trị khá tích cực. Đó là hình phạt nhằm đưa học sinh vào khuôn phép, học thêm vài ba tiết tự nguyện. Nói là phạt chứ thật sự đó là giáo dục.

Đúng tám giờ sáng Chủ nhật tuần ấy, bốn vị anh hùng - xin lỗi, bốn con mèo ngoan ngoãn nhất của tỉnh



Quảng Nam, cầm bút và tập vở vào trường. Lạ nhỉ, cái trường Trần Quý Cáp này bình thường rần rần tiếng đọc bài, rần rần tiếng reo cười mà Chủ nhật vắng như chùa Bà Đanh¹. Nó lặng lẽ như một ngôi nhà thờ mà ông thủ từ² đi vắng. Nó im ắng đến nỗi tiếng đập cánh của một con chim sẻ bay qua cũng nghe rõ. Nó buồn hiu buồn hắt.

Bốn con mèo ngoan ngoãn khoanh tay đứng trước thầy giám thị. Thầy bảo: “Vào phòng tứ P2, ngồi tới 11 giờ, chép 200 lần câu phạt ghi sẵn và làm cho xong đề Pháp văn theo yêu cầu thầy ghi trên bảng”.

Bốn thằng ngồi bốn bàn khác nhau, tiu nghỉu không dám nói một lời vàng đá nào. Bị phạt thì còn cái chi để mà nói? Bắt đầu, tôi mở tập ra và chép: “1 - Từ nay về sau, con không dám hút thuốc trong sân sau của trường nữa. 2 - Từ nay về sau, con không dám...”. Tôi thuộc loại “nhà nho” văn hay chữ tốt, chép đều trên 200 câu cực kỳ đúng ngữ pháp, đúng chính tả; đánh số thứ tự từng câu đầy đủ. Tôi nói đầy đủ vì tôi biết có những thằng học trò ăn gian, không đánh số thứ tự từng câu một mà đánh số thứ tự theo kiểu 1 nhảy lên 10. Chúng nó chỉ chép chín câu nhưng đánh số nhảy vọt thành 10 như vậy để... ăn gian các thầy giám thị một câu. Đã có những thằng ăn gian như vậy mà... lọt lưới kiểm tra. Cũng có những thằng ăn gian bị bắt quả tang, phải chép

1. Chùa Bà Đanh: Vắng vẻ không có người.

2. Ông thủ từ: Người giữ đền/ chùa.

lại gấp đôi. Tôi là con dân làm ăn ngay thẳng, mua ngay bán thật, viết câu nào đánh số câu đó. Mỗi trang vở học trò có 22 dòng. Đứa nào ăn gian có ngày... thọ nạn.

Qua tới đoạn chép một bài Pháp văn thuộc lòng, tôi đã định chép bài thơ *Adieu* của Apollinaire nhưng rồi kịp nghĩ lại. Thầy giám thị của chúng tôi có vẻ mặt mà với... cây roi mây hơn là thơ phú. Tôi mà cao hứng chép bậy một cái không chừng bị thầy vặn hỏi lời thôi: “Làm sao con còn nhỏ mà đã thuộc bài thơ chia tay người yêu, con hè? Rứa chớ con yêu đứa con gái mô, con hỉ?”. Hỏi như vậy sự vụ càng lúc càng rách việc ra, chắc chết quá.

Tôi bèn chép một đoạn đã học thuộc lòng trong quyển sách giáo khoa *Cours de langue et de civilisation francaise*¹: “*Monsieur Vincent sort de l’ eau... Il se couche sur la sable près de madame Vincent qui fait sécher son dos au soleil...*”. Bản dịch của tôi mới bay bướm, đúng là bút pháp của một nhà nho thiên tài bị... cấm túc: “*Ông Vincent bước ra khỏi nước... Ông nằm xuống mặt cát bên cạnh bà Vincent khi bà đang nằm sượt nắng đôi vai...*”.

Năm chục năm rồi, tôi xa tiếng Pháp. Tôi cũng không còn quyển *Cours de langue et de civilisation francaise*, chỉ nhớ như vậy, có sai sót xin bạn đọc thứ lỗi. Thầy giám thị cầm cây roi mây lượn qua, lờm lờm

1. Ngôn ngữ và văn minh Pháp

nhìn chúng tôi. Tôi lại chuyên cần làm việc hơn. Tôi tự hứa với lòng tuần sau phải tìm cách bắt nạt thằng Châu Toàn Huệ bởi thằng này là con của thầy; vào lớp học luôn luôn ngồi cạnh tôi. Cái chi chớ bắt nạt thằng này thì dễ lắm. Mà tôi thì hay thù vật. Tôi có một quyển sổ thù vật trong đầu, đưa mô làm cái chi cái chi tôi nhớ kỹ và ghi vào sổ ấy. Có dịp là tôi giở sổ ra. Kim Dung từng viết “Người quân tử báo thù mười năm chưa muộn”. Kinh chưa?

Phạt đã viết đủ, bài đã làm xong. Các “trò” khác cũng đã làm xong phần phạt cấm túc, xem ra tác phong có vẻ ngựa ngáy. Thừa giấy thì phải vẽ voi, tôi thừa thì giờ nên đâm ra muốn... nói hươu nói vượn. Tôi nói: “Bây chừ mình làm cái chi, tụi bay hè?”. Thằng Nhự nói: “Mi hát lại bài *Mẹ có hay chăng con về đi*”. Đúng là cái thằng mù nhạc! Tựa của nhạc sĩ Phạm Duy là *Người về* mà hần chẳng biết cái chi hết trơn.

Nhưng trời xui đất khiến tôi phải bị... cấm túc nữa. Đáng lẽ hát một bài đúng sở trường của mình như bài *Người về* vừa ngắn gọn, vừa an toàn thì tôi lại có vẻ yêu... âm nhạc dân tộc hơn. Tôi nói: “Không có cây guitare, tau không hát. Thôi để tau... hát bội cho tụi bay xem. Hễ tau gọi đến “Quân bay” thì ba đưa bay phải “Dạ” cho lớn nghe”.

Bên làng tôi hay tổ chức hát bội vào dịp tế xuân ở Lăng Bà. Đào kép hát mãi trên sân khấu, tuồng tích qua lại chỉ bấy nhiêu nên tôi... thuộc tuồng lúc nào cũng

không biết. Phải biểu diễn cho mấy thằng em trai này biết kỹ năng hát bội của tôi. Tôi lấy chiếc ghế dành cho thầy cô ngồi giảng bài đưa ra giữa bục giảng. Tréo hai chân lại ngồi làm vua, tôi lấy giọng, hát câu xưng danh khá rùng rợn:

- *Như ta đây:*

Đặng ngôi trời sửa trị.

Trẫm xưng hiệu Đường vương.

Ngồi ngai vàng ngoảnh mặt xuống nam phương.

Cả trăm họ cúi đầu thờ bặc khuyết.

Đây i i,

Trăm họ cúi đầu thờ bặc khuyết ư ư.

Quân bay!

Ba thằng còn lại đồng thanh:

- *Dạ!*

- *Dem rượu ra cho trẫm.*

Để trẫm mời quý phi.

Này Thái Chân mỹ tửu ngàn ly.

Cùng Đường đế lương duyên một dạ.

Bỗng một giọng khá thô bạo, không lấy chi làm nghệ thuật lẫn vang lên: “Tâu bệ hạ, xin kính mời bệ hạ xuống cho! Tôi bắt được quả tang bệ hạ đang làm tuồng rồi”. Đó là giọng thầy giám thị CDC! Cây roi mây như

như trên đầu Đường vương và ba tên cận thần. Cả triều đình vua nhà Đường mặt cắt không còn một giọt máu. Riêng nhà vua thì sợ hung.

Tôi cúi đầu năn nỉ: “Con lạy thầy. Bài phạt tội con đã làm xong hết rồi. Mấy đứa con chỉ giỡn chơi một chút”. Thầy cười khô như ngói mùa hè: “Tâu bệ hạ, để tôi kiểm tra lại. Tôi sẽ phạt ba tên cận thần của bệ hạ, mỗi tên một roi. Vì kính trọng bệ hạ đang làm vua nên bệ hạ khỏi bị roi mây nhưng Chủ nhật tuần tới, bệ hạ sẽ... vào trường làm bài phạt cấm túc nữa!”.

Thầy bắt từng cận thần của tôi nằm xuống bục giảng, quất roi mây. Tiếng trường tiên vút một cái từ trên đập xuống theo thế Thái Sơn áp đỉnh chạm vào mông người, nghe sao mà hãi hùng kinh khủng. Thầy đánh bọn bị phạt cấm túc trong trường Trần Quý Cáp mà không chừng nhân dân dưới biển Cửa Đại cũng nghe. Đã vậy, từ ba bộ mông ấy, bụi bay lên mịt mù. Đúng là quân ở dơ, có cái quần tây mà cũng không biết giặt giũ! Cháy nhà ra mặt chuột; không bị đánh thì không lòi ra bọn ở dơ.

Ba thằng bị đòn đưa tay xoa lia lia ba bộ mông. Riêng bộ mông tôi - bộ mông nghèo nàn, lạc hậu vì ít thịt nhất của miền Trung Trung bộ mà bị một roi này, chắc chết quá! Nghĩ sang chuyện bị phạt cấm túc nữa, tôi lại buồn thiu như cơm nguội. Hình như thánh nhân có dạy: “Thà bị roi mây còn hơn nửa ngày cấm túc”.

Ủy mẹ là mẹ ơi!

Mẹ một dạo ngũ canh trông đợi.

Con hai tuần cấm túc liên miên.

Đây i i.

Cấm túc i hai tuần.

Nín i i... thở!

Vậy là tuần sau đó, tôi đi cấm túc. Một mình. Chưa kịp bắt nạt thẳng Huệ con thầy thì đã vướng cấm túc nữa. Cái đó đúng là khốn khổ khốn nạn.

Người cho mượn áo



*Áo vải thô nặng trĩu, dãi xuân thu cho đượm sắc
cần lao.*

*Cơm phiếu mẫu hẩm sì, đòi tuế nguyệt phải ngậm
ngùi tâm khổ.*

*H*a i câu trên nằm trong bài *Tài tử đa cùng* phú của nhà văn Cao Bá Quát. Than ôi, Cao tiên sinh ngày xưa dẫu nghèo thì cũng còn có chiếc áo vải thô mặc ấm thân và bát cơm của người mẹ nuôi giặt áo bên sông Hoài Âm cho ăn no lòng. Còn cái thời vãn sinh nghèo, mùa đông không có được chiếc áo vải thô để mặc, lạnh tê tái như... sầu vương biên ải.

Nói nào ngay, mẹ tôi cũng có nhã ý sắm cho con trai một cái áo len. Mùa đông Quảng Nam mà con người không có áo ấm để mặc thì quả là quá coi thường trời đất. Năm tôi lên lớp đệ ngũ, mẹ đi Hội An mua hai búp len đỏ màu rượu Bordeaux, nhờ chị hàng xóm đan cho

tôi chiếc áo len cổ trái tim, không tay. Với tôi, một chiếc áo len không tay cũng đã là quá sang trọng rồi. Đúng ra là từ nhỏ đến giờ, tôi không có được chiếc áo len. Một chiếc áo len là phần thưởng cho thằng con ngoan mới lớn. Chị hàng xóm đã thận trọng đo khổ người của tôi rồi mới đan áo.

Thế nhưng, mẹ tôi tính... nhầm. Hai búp len ấy chỉ đủ đan chiếc áo cho một thằng bé sáu tuổi, trong khi tôi đã... mười lăm tuổi. Chị hàng xóm nói mẹ mua thêm len. Mẹ bận công việc nhà, không đi mua được, gửi tiền nhờ người khác qua Hội An mua giùm. Người ấy mua... đại, không ra cái màu Bordeaux nữa mà lại ra cái màu đỏ gạch. Chị hàng xóm vẫn đan áo. Thành thử tôi có một cái áo len rất xì-tin: Vạt trước đỏ gạch, vạt sau đỏ Bordeaux. Nếu mặc chiếc áo len danh tiếng đó ở thời đại này, tôi đã là người mẫu số 1, không chừng được chụp hình màu đăng trên báo *Mực Tím* hay tập san *Áo Trắng*. Nhưng ở thời đó, người ta lại... cười.

Đầu tiên, bọn con trai trong lớp gọi tôi là thằng nhà quê. Chúng thấy tôi vào lớp thì đồng thanh đọc một tràng dài, thơ không ra thơ, vè chẳng phải vè: "*Nhà quê cút dê kêu thuốc tể, hũ bể kêu hũ lành, củ hành kêu củ nghệ*". Sau nữa là mặc chiếc áo mẹ cho, tôi thật ấm lòng nhưng cơ khổ là lũ bạn tôi cứ chê bai đủ thứ. "Bà" HTH phê: "Tướng ông đẹp trai (?) mà mặc cái áo ni coi dị kỳ toi quá". "Dị" trong tiếng Quảng Nam nhà tôi có nghĩa là đáng mắc cỡ, đáng xấu hổ. Sau đó nữa, thằng Nhựt lớp



trưởng phán: “Cái áo len chi coi “bình” quá rứa mi?”. Rồi tới thằng Huỳnh Hà chửi: “Mi là thằng trước sau không như một”. Cả lớp thống nhất đặt tên cho tôi là thằng “Hội deux couleurs” - *Hội hai màu*.

Ông Kiên Giang viết vở cải lương *Dưới hai màu áo* được người ta hoan hô, có người xem còn đổ nước mắt khóc thương. Còn tôi mặc chiếc áo len hai màu bị lời ong tiếng ve chê ỏng chê eo, chê nghèo chê khổ. Ngày đó mà tôi làm vua chắc đã đem bọn con trai trong lớp ra chém từng thằng rồi. Bọn trong lớp đúng là đám không có con mắt thẩm mỹ, không đi trước thời đại! Tuy vậy, tôi cũng... sợ chúng cười. Tôi không dám mặc chiếc áo đó nữa, đành xếp lại để nhớ mẹ, chỉ mặc ban đêm khi đi ngủ. Trời vẫn lạnh như sâu vương biên ải!

Mùa đông năm 1962, một hôm, tôi tới nhà thằng Nguyễn Văn Tấn chơi. Thằng này người Huế, cái mặt tròn quay, chân tay mũm mĩm, đôi mắt màu hạt dẻ cực kỳ dễ thương. Trong lớp học, hấn ngồi cạnh tôi. Hấn giỏi tiếng Pháp; cái tên *Hội deux couleurs* của tôi là do hấn đặt. Hấn còn là tác giả của một vở đối danh tiếng mà chưa một nhà nho nào trong lớp đối lại được: “*Hội hù heo, heo hét; Hội hết hồn*”. Hai đứa đều học giỏi, quyết thi đậu hạng bình trong kỳ thi trung học tới đây.

Tấn là con của bác Nguyễn Và - phó tỉnh trưởng Quảng Nam. Bác Và rất hiền, làm tới phó tỉnh trưởng nhưng vẫn sống thanh cao. Những người lớn ở thành phố Hội An đều ca ngợi phong cách bình dị, gần gũi

của bác. Bác gái cũng rất hiền, cứ y như một người mẹ ruột đối với các bạn học của con. Tôi khoái đến chơi với thằng Tấn bởi trong cái nhà ấy, chúng tôi làm cái gì cũng được. Sau khi khoanh tay chào hai bác, tôi được thằng Tấn dẫn vào phòng riêng của hẳn.

Hai thằng ăn kẹo, nói chuyện Nam Tào, Bắc Đẩu cả hai tiếng đồng hồ. Tôi muốn ra về. Tấn mở cửa kiếng ra. Hơi lạnh mùa đông bên ngoài phà vào khiến tôi rét run ngay. Thằng Tấn hỏi: “Mi lạnh hả?”. “Ời, tau lạnh quá”. “Mi lấy cái áo của tau mặc tạm đi”. “Rửa áo mô mi mặc chống lạnh?”. “Tau có cả chục cái áo lạnh, mi đừng lo. Để tau đưa cho mi một cái hỉ? Mi lấy mặc luôn đi nghe?”.

Hắn vào trong, xách ra cho tôi một cái áo veste. Trời ạ, chiếc áo mang nhãn hiệu Guillaume của Pháp, may cực đẹp bằng nỉ xám dày mo, phía trong lót vải satin màu khói hương. Nó mới tinh, còn thơm mùi long não ủ áo. Nhìn cái áo sang quá, tôi ngại. Cha mẹ tôi từng dạy đừng nhờ vả ai điều gì. Tôi cũng chưa bao giờ nhờ vả bạn bè tôi điều gì.

Tôi lắc đầu, bảo không chịu mặc. Thằng Tấn bảo: “Thằng khỉ, mặc áo vào đi. Áo mới đó, tau chưa mặc đâu. Cho mi khai trương luôn”. Tôi nhìn sâu vào khuôn mặt hẳn. Khuôn mặt hẳn thật sự chân thành. Mà bên ngoài thì trời lạnh quá. Không ngần ngại nữa, tôi chơi cái áo vào ngay và có cảm giác mình đang ngồi trước... lò sưởi.

Thằng Tấn đi qua đi lại, ngắm nghía tôi y như hần là thợ may may ra cái áo. Hần khen: “Được lắm, mi mặc vào vừa lắm thằng nhà quê *deux couleurs*! Mi mặc áo này coi rất đẹp trai. Muốn mặc tới hồi mô thì mặc; cứ giữ mặc luôn đi. Tau cho luôn mi đó”. Tôi nói: “Không. Tau chỉ mượn”.

Tôi chào hai bác, ra về. Chiều hôm đó, thành phố Hội An bỗng xuất hiện một nhân vật hào sĩ giang hồ lạ. Anh ta mặc phía trên chiếc áo veste cực kỳ, phía dưới là cái quần kaki xanh cũ kỹ, mang đôi dép xăng-đan, dạo qua các phố coi rất bảnh tởn. Nhân vật danh chấn giang hồ ấy là... tôi! Hình như, các bông hoa đệ ngũ đi học về chiều hôm ấy nhìn tôi có vẻ say sưa và say đắm (?).

Sáng hôm sau, tôi vào lớp đệ tứ P2 với chiếc áo mặc khín¹ của thằng Tấn, dưới chân mang giày ba-ta đàn hoàng. “Chiếc áo không làm nên thầy tu” - tục ngữ nói vậy, nhưng chiếc áo veste mặc khín của bạn thì làm nên thằng... lớp phó là tôi. Bá tánh nam tả nữ hữu trong lớp thấy tôi có áo veste mới đều có vẻ phục lẫn cán cuốc! Mấy thằng nam sinh xúm lại, có thằng còn xin tôi cởi áo ra, cho mặc thử một chút để lấy hơi... áo ấm mùa đông nước Pháp. Tất nhiên, tôi rộng rãi cho chúng mặc khoảng vài ba phút để biết thế nào là áo veste. Có thằng chờ lâu quá chưa được mặc, chửi: “Mau đi mấy ông

1. Mặc khín: Mặc đồ cũ người khác đã mặc rồi.

làng. Kiểu ni bắt họ chờ đến... khi thành ông già cũng chưa được mặc thử áo veste!”.

Trước nay, nói dóc không bao giờ phải đóng thuế. Ngành thuế Hội An ngày đó cũng nhờn đức, có lẽ chưa khi nào bắt mấy thằng học trò nói dóc phải đóng thuế. Nhưng trước câu hỏi của những thằng con trai trong lớp “Áo đâu mà đẹp quá rứa mi?”, tôi không thể mặt dày mày dạn nói dóc với bọn hần là tôi may hay tôi mua, dù nói vậy nghe có vẻ oai hùng man rợ hơn là mình bảo áo khín. Tôi vừa nói thiệt, vừa nói dóc: “Đây là cái áo số một của thằng Tấn. Hần có tất cả chín cái, mang nhãn hiệu các nước Pháp, Anh, Bồ Đào Nha, Y Pha Nho, Nam Tư Lạp Phu, Ba Tây... Hần đưa tau mặc để bọn bay đừng gọi tau là thằng nhà quê *deux couleurs* nữa. Thằng mô còn gọi tau như rứa, tau giết ngay!”. Bá tánh một lần nữa đều phục lẫn phục lóc.

Tôi thật sự ấm áp qua hết mùa đông năm ấy nhờ chiếc áo mặc khín của thằng Tấn. Buổi sáng ra đi, buổi trưa trở về; tôi luôn giữ cho áo sạch, không bị mưa ướt. Mỗi khi thấy tôi vào lớp với cái áo đó, hần tỏ ra rất vừa ý, gật gù cái đầu. Hần dặn tôi: “Mi phải nhớ cài nút áo cổ sơ-mi lại. Tau ở nhà có cha mẹ, anh chị không nói làm chi. Mi đi ở trọ một mình, cảm ho là chỉ có nước vào nhà thương thí ngay. Mà mi chết thì tui tau lại tốn tiền đi đám”. Cái thằng nói làm tôi cảm động hết sức.

Khi những tia nắng mùa xuân mới về, trời ấm hần lên. Tôi định giặt áo trả bạn. Ông chủ nhà cho tôi ở trọ

can: “Áo ni em phải đưa vào tiệm giặt ủi. Em giặt ẩu, hư áo của bạn đó”. Vâng lời ông, tôi đưa áo lên giặt ở chợ Hội An. Đến ông chủ tiệm cũng cầm chiếc áo lên ngắm và khen: “Em có cái áo đẹp quá”.

Tôi đem chiếc áo đến nhà gửi lại cho Tấn. Thấy tôi đến trả áo, Tấn cự tôi: “Răng mi không giữ mà mặc? Tau còn biết bao nhiêu áo ấm. Mi muốn giặt ủi, đưa tau giặt ủi có được không? Bày đặt đưa giặt ủi làm chi cho tốn tiền?”. Cái thằng chửi tôi mà nghe thiệt dễ thương. Tôi nhìn hắn, dấm nhẹ vào bụng hắn một cái, toét miệng ra cười. Hắn nói: “Cứ giữ mà mặc đi chơi Tết đi”. Bác gái nghe vậy, cũng nói vào: “Con cứ giữ mặc đi con. Thằng Tấn còn nhiều áo lắm”. Tôi nói: “Cám ơn bác. Tết này con có áo mới rồi”. Nói là nói vậy cho mẹ của bạn yên tâm chứ mặt tôi làm chi có được áo mới.

Năm sau, chúng tôi lên đệ tam. Thằng Nguyễn Văn Tấn bịn rịn chia tay tôi, theo gia đình ra Huế học. Từ đó, chúng tôi bất tin nhau. Tôi xa thằng Nguyễn Văn Tấn từ bấy đến bây giờ. Tuy xa hắn nhưng tôi vẫn nghĩ: Nếu thằng này ra làm công chức thì chắc là hắn rất tử tế với nhân dân. Hắn thật sự thương yêu người nghèo. Cái thằng mới thiệt dễ thương!

Cá sông quê



Từ năm đệ ngũ trở đi, mỗi mùa hè sang là tôi có đến chín mươi ngày tuyệt vời. Ấy là vì ngoài thì giờ rong chơi, tôi còn có cái thú vui câu cá. Làng tôi có nhiều người câu cá kinh nghiệm. Học theo cách của họ, tôi cũng đi câu. Và chính nhờ đắc thủ được kỹ năng này, tôi đã nuôi được vợ con trong mười năm gieo neo của cuộc đời mình sau này.

Làng tôi nằm giữa các dòng sông; sông nào cũng đầy tôm cá. Các dòng sông đều giáp với cửa biển nên quanh năm nước sông đều mặn, trừ mùa đông ra. Mùa đông nước lũ nguồn đổ về, đẩy dòng nước mặn trở lại với biển. Đó là mùa dễ sợ nhất với bà con Quảng Nam chúng tôi, bởi mùa đông năm nào cũng là mùa lũ lụt, đói kém.

Do ở gần cửa biển nên sông nước làng tôi rất giàu tôm cá. Nơi nước ngọt trên nguồn đổ xuống gặp dòng nước mặn dưới biển lên tạo ra một thứ nước lợ, gọi là *nước chè hai*. Làng tôi có khu vực nước chè hai. Tôm cá dễ sinh sản trong vùng nước này. Loại cá nhiều nhất ở sông Thu và sông Ly Ly là cá hanh, cá hồng và cá bống mú. Đàn cá từ cửa biển đi ngược dòng lên làng tôi. Câu cá trở thành thú vui phổ biến của người lớn và trẻ con chúng tôi.

Đầu mùa hè, tôi thường lên nhà bác Trùm Loan - sui gia của cha tôi, xin bác vài cây trúc. Bác rất hiền và vui tính. Sân nhà bác là một khu vườn nhỏ thơ mộng, trồng mấy bụi trúc rất lý tưởng. Bác đốn cho mấy cây trúc tươi, không quên chọn những cây thân thẳng và ngọn cây vút nhỏ đều cho tôi. Cần câu phải dịu dàng như vậy thì khi giật con cá mới không sốc; con cá lớn dẫu có vẫy vùng thì cần cũng không gãy ngang được.

Tôi đem trúc tươi về, thận trọng lấy dao bén gọt từng mắt cần sao cho đẹp. Bắt chước bác Phó Bảy - một người câu danh tiếng trong làng, tôi cũng đếm mắt cây từ đầu cần xuống "*Chậm, chày may rủi; chậm chũi thì may; chậm, chày, may*". Tôi cắt cây cần ở khúc "*may*". Bác Phó Bảy dạy phải cắt cây cần ở khúc may này thì... câu mới có cá.

Phơi vài ngày, mình cây trúc se lại. Lúc này, cây trúc rất dẻo. Bạn biết đấy, nắng gió mùa hè miền Trung ta phơi con cộp cũng chết khô chứ đừng nói là phơi cây

trúc. Phơi xong, tôi quạt lửa than, hòa muối vào dầu phộng, uốn cần câu. Để mắt trúc trên lửa than cho nóng, tôi chấm dầu phộng vào. Dầu sôi lên, thấm vào mắt trúc, tạo cho các mắt sức chịu đựng, dai ra và không bao giờ gãy bất tử. Hễ cần gãy giữa chừng, bạn có thể sấy con cá như chơi. Mà con cá sấy bao giờ cũng là con cá lớn!

Phía sau nhà ông Huỳnh Lăng - chủ nhà của tôi đang ở, có anh Hai Nhung là một thợ làm lưỡi câu danh tiếng ở Hội An. Anh lấy những dây thép làm cái triên¹ của vỏ bánh xe đạp ra, uốn thành lưỡi câu. Bàn tay khéo léo của anh làm nên không biết bao nhiêu chiếc lưỡi câu đủ kích cỡ, nhạy hơn cả lưỡi câu Atlas của Mỹ. Người đi câu nào cũng đến đặt anh uốn lưỡi câu.

Anh dạy tôi cách tóm lưỡi câu. Tôi học cách tóm lưỡi câu, cách tra cục chì vào dây câu, cách cột dây câu vào cần. Hôm nào có tiền, tôi hào phóng mua năm cắc tôm làm mồi. Hôm nào không có tiền, tôi bảo em ruột ra chợ cá, tìm mấy người quen xin tôm biển lẫn lộn trong mớ cá sô².

Chiều xuống mát trời, tôi cầm cần, em tôi cầm hộp mồi và cái giỏ ra bến đá sông Ly Ly ngồi câu. Cá hanh, cá hồng đi kiếm ăn vào sát bờ nên cần câu ngắn cỡ hai mét là tiện nhất. Thỉnh thoảng phước chủ may thầy, vớ

1. Cái triên: Phần vỏ xe bơm lên nằm trong niềng xe không bung ra. Trong triên xe có hại sợi kẽm tốt, người ta lấy uốn lưỡi câu.

2. Cá sô: Cá vụn đủ loại, không phân biệt, thường dùng nấu cho heo ăn.

được một con hồng hay con mú lớn là anh em vác cần về. Một con cá ba trăm gam, hai anh em ăn đã một nghỉ; câu làm gì nữa.

Thế nhưng, thú vị nhất vẫn là câu cá đêm trắng bên nhánh sông Thu. Tôi phải làm mồi sẵn, cắt ra từng miếng cỡ đầu ngón tay út, tra một chút muối cho mồi sẵn mình. Đợi trăng sắp lên, anh em chúng tôi ra bến chợ sông Thu ngồi câu. Trăng mọc, nước bắt đầu lớn. Đàn cá hanh theo thủy triều lên đi ngược dòng sông, đói mồi, tấp vào sát bờ kiếm ăn. Thả miếng mồi xuống, trong vòng một phút, con cá đầu tiên ăn kéo cần đi là ta biết bầy cá đang đợi... dưới sông. Cứ vậy, anh giật cá lên; em gỡ cá bỏ vào giỏ. Chúng tôi câu khoảng một giờ đã được vài ba chục con. Vậy là chúng tôi phải về nhà để còn kịp thời thắp đèn khuya làm cá nữa.

Mùa lũ xuống, gần như cả làng ra sông Ly Ly câu cá. Nước lũ là nước ngọt từ nguồn đổ về khiến cá hanh vốn chỉ quen với nước mặn, rất mất. Chúng đói mồi kinh khủng, thường phải tấp vào sát bờ kiếm ăn. Câu cá mùa này chỉ cần mồi trùn, mà trùn thì không thiếu. Người câu chỉ cần thả mồi cách bờ một mét, cứ thế mà giật cá. Có người còn tràn trề hy vọng, lấy... thùng thiếc ra đựng cá!

Món mà anh em chúng tôi thích nhất vẫn là cá chiên vàng ăn với nước mắm ớt tỏi. Nếu là ban ngày, chúng tôi làm món cá nướng trên lửa than. Ngoài ra thì chịu, tôi không biết làm món gì khác.

Những ngày có mưa nguồn thì rất tuyệt. Tôi đổi cách, đi câu cá ngạnh. Làm sao để biết có mưa nguồn? Ở quê tôi, biển chỉ cách nguồn khoảng ba chục cây số đường chim bay. Buổi chiều hôm trước, tự nhiên mé biển nổi sấm chớp. Tôi đi mua năm cắc tôm tươi, tra một chút muối vào và để tôm qua đêm cho có mùi. Đêm ấy, mưa sẽ rơi trên phía nguồn - trên dãy Trường Sơn trùng trùng điệp điệp kia. Bao giờ cũng vậy, quê tôi có chớp biển là có mưa nguồn.

Tôi tra vào cần câu một chiếc phao, thay vào một cục chì nhẹ. Nước mưa nguồn chảy xuống các suối; suối chảy ra các dòng sông; các dòng sông đổ vào sông Ly Ly. Mới hôm qua, sông Ly Ly xanh trong như một đôi mắt đẹp thì hôm nay sau trận mưa nguồn; nước đã đục ngầu màu phù sa của núi đồi. Bầy cá ngạnh trên các hồ đập trung du theo con nước đục ấy xuôi về hướng hạ du. Bản năng sinh tồn và truyền giống khiến chúng tìm vào các lung dừa, các nhánh rẽ của sông Ly Ly tìm chỗ ăn mồi và đẻ trứng. Tôi tìm vào các lung dừa câu cá ngạnh.

Con cá ngạnh hình thù giống như con cá chốt Nam bộ, chỉ khác một cái là mình nó màu xanh; mình cá chốt màu trắng. Cá ngạnh rất mê mồi, đặc biệt thích mồi hôi (như tôm ủ qua đêm). Cá ngạnh mê mồi kinh khủng; con đầu tiên ăn câu là cả bầy cá đứng lại chỗ ấy chờ mồi do mùi hôi của mồi khuếch tán trong dòng nước. Cứ thế, tôi móc mồi thả xuống, giật cá lên không kịp. Câu

được khoảng một ký cá, anh em chúng tôi về nhà; để giành cá đó ngày mai câu tiếp!

Mẹ tôi nấu món canh chua cá ngạnh khá ngon. Trong món canh chua nấu theo kiểu miền Trung, bà bỏ thêm thơm, khế, chuối chát. Con cá ngạnh ốm, ít thịt nhưng bù lại chúng có một cặp trứng vàng nghệ, to như hai ngón tay út, ăn bùi và béo, ngon không chê vào đâu được.

Sông Thu, sông Ly Ly và sông Trường Giang đã nuôi lớn tâm hồn và thể xác tôi. Đặc biệt là sông Ly Ly, mùa hè sang có những ngày nước cạn sát; tôi có thể đi qua bên kia sông mà nước chỉ trên đầu gối một chút. Thật lạ lùng, con sông ấy rất nhiều cá tôm. Bà con quê tôi chỉ mong mùa hè đến là xuống sông cào hến. Những con hến nhỏ xíu như chiếc móng tay được rửa sạch, cho vào lò nấu lên. Vỏ tách ra vỏ, ruột tách ra ruột; người ta có một món hến và nước hến ngọt ngào mà tất cả những chất tạo vị ngọt ngày nay không thể làm ra được.

Sông quê! Tôi ngồi câu cá trên sông quê, nhìn đồi núi mờ màng mà mơ đến trùng khơi lãng mạn. Một ngày nào đó, tôi trưởng thành sẽ giong một chiếc buồm lớn cho đời mình, từ giã những con sông quê này tiến ra biển cả.

Làng lẩm ma



Làng tôi ở hạ du, nơi ba dòng sông lớn hợp lưu. Nó đúng là cái rốn lũ của tỉnh Quảng Nam. Vì vậy mà niềm tin tâm linh của người làng thường mang theo yếu tố đồng bãi, sông nước. Gần như năm nào có lụt lớn, người làng cũng tìm thấy xác người chết trôi từ nơi khác về. Trong năm 1959, xác người chết trôi về nhiều hơn, không đợi đến mùa lụt. Người làng tôi nói đó là nạn nhân của chính trị của chế độ Ngô Đình Diệm, những người bị tình nghi, bị giết ở đập Vĩnh Trinh. Xác họ trôi ra sông Thu. Người làng tôi vớt những xác chết ấy lên, chôn cất tử tế để hoàn thành bổn phận với người xấu số và mơ hồ nghĩ đến niềm tin tích lũy một chút ân đức cho con cháu đời sau.

Làng có hai cồn. Cồn Phấn ở hướng Tây, cao nhất làng, chôn những người trong làng qua đời. Cồn Châm ở

hướng Đông, thế đất thấp hơn, chôn những bà con chết không rõ nguồn gốc, quê quán. Ngoài ra, đầu làng còn có một gò mả giữa vùng ruộng gọi là ao Năm Xe. Cả ba nơi đều là... nơi ma ở!

Ngày ấy, làng chưa có điện. Trừ những đêm có trăng ra, các đêm còn lại đều tối om om. Hai bên là hai dòng sông im lìm, lâu lâu mới có ánh thuyền chài đi qua với ngọn đèn hột vịt leo lét. Những lũy tre, những vạt dương liễu, những đồng lúa bao quanh làng tạo thành một màn đen mù mịt, bí hiểm. Chợ Bàn Thạch còn khá, hai bên nhà cửa đối mặt nhau, buổi tối còn sáng được một chút với ánh đèn măng-sông của các nhà khá giả. Ngoài khu vực chợ ra, ai lỡ có việc đi đêm phải thắp cái đèn bão hoặc cầm theo bó đuốc. Làng nghèo đến nỗi không có tiếng hát phát ra từ radio. Một vài ánh lửa đèn dầu bập bùng lấp khuất đâu đó trong những mái tranh xa xa càng làm cho làng thêm tĩnh mịch.

Ông Bốn Chỉnh - người đưa đồ cho bọn học sinh chúng tôi qua sông Thu, từng nói với tôi: “Mười nê, làng mình rứa chớ ma nhiều lắm đó mi nghe”. Tôi hỏi: “Răng chú biết? Chú gặp ma hồi mô chưa?”. Ông Bốn Chỉnh cười, nói một câu lơ lửng: “Ma gặp tau chớ tau chưa gặp hần. Cách đây mấy bữa, dưới thôn Đông có thằng nó đi chơi một mình. Tối đó, hần không về nhà, sáng hôm sau cũng không về. Rứa là nhà hần nhờ một số trai tráng đi tìm. Chiều hôm sau, họ tìm thấy hần nằm trong... bụi tre gai. Mi biết cái đó kêu là cái chi không?”. “Dạ không

biết”. “Kêu là ma giú. Chỉ có ma mới giú được người vô giữa bụi tre”.

Chữ “giú” trong tiếng Quảng Nam có nghĩa là giấu. Người đi một mình trong đêm, dễ bị ma bắt giấu vào bụi tre, hốc đá hay... nghĩa địa. Hóa ra, ma cỏ cũng biết bắt người đem giấu vào nơi lẩn khuất mặc dù ta không rõ mục đích việc bắt giấu ấy để làm gì. Tôi hình dung ra bụi tre gai. “Nhứt đốn tre, nhì ve gái” - theo ông Bốn Chỉnh, là hai việc khó động trời trên đời này. Ve gái - tức tán gái, xem ra đã khó khăn nhưng cũng không khó bằng đốn tre. Bụi tre mọc dày khít, gai tre đâm ra tua tủa từ các nhánh. Muốn đốn được cây tre giữa bụi tre ấy quả thật khó khăn. Một người khỏe mạnh, muốn lọt vào giữa bụi tre gai đã là chuyện khó tin. Nay có người nằm trong bụi tre gai thì chỉ có... ma mới đem người ta giấu vào đó được.

Tôi hỏi: “Anh nớ sống không chú?”. “Hắn sống nhần. Khi đưa được hắn ra khỏi bụi tre, hắn như thẳng ngủ say, chỉ có cái miệng là còn ngậm đầy sinh lầy. Hỏi cái chi, hắn cũng không nói ra được, cứ ngơ ngác như lạc mất ba hồn bốn vía. Mi không tin, xuống thôn Đông mà hỏi”.

Tất nhiên là tôi tin ông Bốn Chỉnh. Không riêng gì ông, nhiều người trong làng tôi đều nói chuyện làng có nhiều ma. Ma da từ dưới sông lên, mình trơn nhớt và có mùi tanh của cá nhám. Ma đuốc từ trong những nghĩa địa chôn người chết theo hướng gió chạy ra đường tấp

vào chân người đi đêm. Ma chó đêm trắng về “ám” mấy con chó khiến chúng cứ nhìn theo hướng ánh trắng mà tru lên. Ma chết yếu mặc toàn áo quần màu trắng từ trên cây đa leo xuống, múa nháy trong đêm mà chân không chạm mặt đất...

Tôi có cô bạn gái người cùng làng, học dưới tôi hai lớp. Trưa thứ Bảy nào, bạn tôi cũng đứng trên bến đò Hội An đợi tôi để cùng qua đò về làng. Chiều Chủ nhật nào, bạn tôi cũng đứng đợi tôi trên bến đò qua sông Thu để đi bộ về lại Hội An. Mỗi lần qua sông, cô đều giành đi trước, bảo tôi phải đi sau lưng cô. Mùa thu và mùa đông, sương phủ mờ đường quê, cô đi trước chỉ cách tôi vài bước. Cô thường nói: “Nhớ đi gần em nghe. Đừng bỏ em một mình nghe. Đi một mình, em sợ lắm”. Tôi biết cô này là vua, xin lỗi, là tiểu thư sợ ma.

Con ma coi vậy mà thật được việc. Bạn tôi đi bộ cùng tôi suốt hai năm học, khoảng... vài trăm lần. Chúng tôi đi như vậy mà ít khi nói chuyện với nhau. Vả chăng, cũng chẳng có chuyện gì để mà nói. Tôi chỉ buồn cười ở chỗ cô luôn luôn cột tóc bằng sợi dây thun. Mỗi khi cô bước đi, cái đuôi gà ấy cứ lúc lắc, đong đưa một cách ngộ nghĩnh. Thôi vậy, thà câm mà giữ đạo nhà!

Có một lần trong đời, một ngày mùa thu, tôi thay mặt cha tôi, đi đám giỗ với ông Hương Bốn. Ông mặc áo dài khăn đóng, tôi mặc quần áo học sinh, mang giày ba-ta. Trên đường về đêm ấy, ngang qua vùng Ao Năm Xe, có ánh lửa lân tinh bay ra từ khu nghĩa địa. Ông Hương Bốn chạy,

tôi cũng chạy. Ông già chạy... thua tôi, áo quần rách tôi tả. Ông Hương Bốn cho biết đó là ma đuốc!

Tôi đem điều ấy thuật lại cho thầy dạy vạn vật nghe và hỏi ý kiến của thầy. Thầy bảo trong khu nghĩa địa thường có chất lân tinh từ xương cốt của các người chết thoát ra. Chất lân tinh ấy gặp điều kiện thì cháy tự do trong không khí chứ không phải là hồn ma bóng quế gì. Tôi vừa an tâm, vừa... thất vọng vì niềm tin vào ma cỏ của mình có vẻ bị lung lay tận gốc rễ.

Có một lần đi chơi về khuya, tôi và ba người bạn cùng nhìn thấy qua bóng trăng mờ mờ hai cục gì đó đen thui trên cái bến đá trước nhà. Có tiếng chân chúng tôi đi đến, hai cái bóng đen nháy ùm xuống sông Ly Ly. Cả bọn chúng tôi hoảng hốt, chạy về nhà. Thằng Lê Văn Kiểu - sau này làm thơ lấy bút danh là Kiều Uyên, lấy cái đèn pin, rủ tôi quay ra bến đá. Bến chỉ còn một vũng nước, bốc mùi tanh của cá. Thằng bạn quyết đoán đó là ma da. Tôi đem chuyện kể cho cô Vạn vật học của tôi nghe. Cô nói: “Đó có thể là cặp rái cá đi ăn đêm, em à”. Tôi lại thêm một lần nữa thất vọng về... con ma da!

Làng tôi có nhiều nhà thơ. Thơ của họ là thơ... bình dân, tình ý không lấy chi làm lãng mạn cho lắm nhưng ngôn ngữ thật thú vị, thật buồn cười. Một trong những nhà thơ bình dân ấy là ông Sáu Sửu. Bình thường, ông ít nói nhưng nếu “nạp” vào vài ly rượu gạo là thơ ông tuôn ra xối xả, ào ạt. Câu thơ danh tiếng của ông là:



Làng tôi có lắm con ma.

Nhưng tôi sợ nhất vẫn là... ma phấm.

Học tiếng Pháp, tôi biết chữ *ma phấm* là phiên âm từ chữ *Ma femme* - có nghĩa là “vợ tôi”. Hóa ra, ông Sáu Sầu sợ vợ của ông ấy. *Ma phấm* vẫn là ma đáng sợ nhất. Và người đàn ông nào có gia đình cũng có quyền lợi và nghĩa vụ phải sợ loại ma mà họ gọi là *ma phấm*. Và như vậy, cơ bản làng tôi có nhiều ma, bởi những người đàn ông đều có vợ!

Đây, Mừng Luông!



Một hôm, nhà nho trẻ đang tĩnh tọa trên căn gác trọ tụng bài vạn vật *Hệ thần kinh não tủy* đến độ lâm ly biến ảo thì có tiếng léo nhéo của oanh reo, yến gọi dưới nhà. Cái gì vậy cà? Cái gì mà không để người ta tu hành, học tập khi kỳ thi lấy bằng diplôme đang tới sát nách vậy cà?

Tôi vẫn thường chăm chỉ học bài và bảo đảm tất cả các môn học bài đều thuộc lòng. Cái học và cái thi ngày ấy đòi hỏi như vậy. Ra đề thi, người ta chỉ ra có một chữ hay một cụm từ. Thí dụ môn Hóa: *Amoniac*. Thí dụ môn vạn vật học: *Hệ thần kinh não tủy*. Thí sinh phải học thuộc mà làm. Vạn vật học là một môn khó nhai nhất nên lại càng phải coi nó là... kinh nhật tụng. Mà khó nhai nhất vẫn là bài *Hệ thần kinh não tủy*. Vậy mà có người tới phá cuộc thanh tu ấy của tôi.

Tôi ra balcon, nhìn xuống dưới đường. Hóa ra, khách tới là cô TL - nhà ở đối diện nhà tôi và cô XN cùng học lớp đệ lục với TL. Cả hai đều mặc áo dài trắng tử tế, cứ y như là đi học. TL thì ít nói nhưng XN lại nói năng hoạt bát như... quen nhau từ kiếp trước. XN vẫy tôi: “Anh xuống giúp tụi em cái này một chút”. Trời ơi, giọng lười con nhóc này ngọt còn hơn đường phèn. Tôi bèn xiêm áo tề chỉnh, xuống lầu.

Phải nói thật lòng là tôi rất không muốn nói chuyện với con gái. Bạn gái học cùng lớp tôi đã không muốn nói chuyện huống chi bạn gái khác lớp, khác khóa, khác tuổi. Mỗi lần đứng trước bạn gái, tôi vẫn dè dặt làm sao ấy. Nhưng tôi vẫn quý TL, cô bạn hàng xóm. TL là con gái bác Nguyễn Ba - một phó tỉnh trưởng hiền hậu và trong sạch của tỉnh Quảng Nam, nhà ở đối diện nhà tôi đang ở trọ. TL nói giọng Huế ngọt ngào và dịu dàng. Cho nên, phải xuống gác để “hòa đàm”.

TL vẫn như bình thường, nghiêm cẩn ít nói nhưng XN thì nói như chim hót: “Anh đang làm chi rứa?”. “Học bài. Tháng sau anh thi rồi”. XN vừa nịnh, vừa dụ dỗ... trai vị thành niên: “Anh học giỏi, thi không rớt mô mà lo. Anh mang cái đàn vào trường, hát giúp lớp em chút hỷ?”. “Mấy em tập hát, cần chi nhờ tới anh?”. “Không phải mô. Tụi em tập múa để đi dự thi. Cả con TL cũng múa nữa đó. Anh phải hát bài ni giùm tụi em chớ không thì... con TL không thèm làm hàng xóm nói chuyện với anh mô”.

TL người gốc Huế, nhà đối diện với nhà tôi ở trọ. Trong hai năm tôi về ở trên đường Phan Bội Châu này, TL đã nhiều lần bước qua đường ngồi nghe tôi hát nhưng con bé ít nói. Ca khúc mà TL thích nhất vẫn là *Bến xuân* của Văn Cao và Phạm Duy. “*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước/ Em đến chơi một lần/ Bao lũ chim rừng họp đoàn trên khắp bến xuân*”. Mỗi khi tôi hát, TL thường khoanh tay lại, đôi mắt mơ màng, lặng lẽ ngồi nghe rất chăm chỉ và thành kính. Hai năm quen nhau, TL chỉ nói với tôi chừng bốn hay năm câu gì đó! Tôi cười: “TL không thèm nói chuyện với anh đâu. Nhưng quý vị đã thỉnh thì anh đi”. XN mừng lắm, chụp lấy cây đàn đeo trên vai. Ba chúng tôi vào trường.

Chiều thứ Bảy, sân trường vắng ngắt nhưng nữ sinh lớp đệ lục của TL thì gần như có mặt đầy đủ. Thấy tôi tới, cô B - con của ông chủ cà phê Tiêu, vỗ tay: “Hoan hô TL nhé! Mi mời được anh Hợi tới rồi”. TL cười lặng lẽ “Không có mô”. Rồi cô đưa cho tôi một bản nhạc: “Mười hai bạn lớp em múa bài này. Anh hát cho tụi em múa nhé”.

Tôi coi bản nhạc. Đó là ca khúc *Trăng Mùng Luông* của nhạc sĩ Lê Dinh thì phải. Bài hát cung Mi thứ, điệu boléro. Tôi thử hát:

Đây Mùng Luông,

Nhớ xưa thác ghềnh cheo leo.

Bóng ai lưng còng lưng đeo.

Còn chờ đợi ai tháng năm nơi bản nghèo...



Rồi tôi hát. Cô B làm “đạo diễn” cho các bạn múa. Trong tổp múa có cả TL và XN. Giai điệu của bài hát khá đẹp, ca từ dễ thương. Tôi chơi qua điệu calypso cho bài hát rộn ràng thêm một chút, khử bớt nỗi buồn cố hữu của boléro.

Đây Mường Luông,

Ánh trăng buông trên đồi xa.

Tiếng ca nghe sao mặn mà,

Thoáng vang nơi phương trời về nơi bản xa...

Các bạn đệ lục tự tập múa vậy mà hay ghê. Họ uốn dẻo những đôi tay, uốn dẻo những tấm lưng, hóa thân thành những cô sơn nữ trên bản Mường Luông xa lạ nào đó. Họ đem về đây, giữa thành phố Hội An, một thoáng lãng mạn thanh bình của cao nguyên xa vắng. Họ múa thật nhịp nhàng, tự tin. Ai sai đến đâu, B uốn nắn giúp đến đó.

Họ múa hăng hái quá đến nỗi tôi hát cả chục lần, muốn khô cổ họng. Ngày ấy, chúng tôi chưa có phương tiện thu lại tiếng hát nên tôi cứ phải... hát hoài. Giai điệu bài hát khá đẹp khiến tôi nhớ ngay và càng hát, càng thấy Mường Luông chi chi đó không còn xa lạ nữa. Khi lớp ngưng tập múa, TL đến bên tôi, hiền như một ma soeur: “Anh hát hay lắm. Hôm tui em lên sân khấu thi, anh mang guitare hát trực tiếp cho tui em múa nghe. Nhớ nghe!”. Bạn đã thả thả ra lệnh như vậy, tôi đành phải vui vẻ mà gật đầu. Cái đó kêu bằng là hy sinh vì đại nghĩa.

Đêm ấy tôi về, ngồi lấy thước vẽ dòng nhạc trên cuốn tập học trò. Tôi thử chép lại thanh nhạc bài *Trăng Mường Luông* theo trí nhớ. Bài hát cung Mi thứ, điệu boléro dẫu sao cũng dễ... nhai. Sáng hôm sau đi học, tôi mượn lại bản gốc của B và so sánh với bản chép lại theo trí nhớ của mình. Tôi thở phào nhẹ nhõm: Bản của tôi chép lại chỉ sai vài chi tiết ở các chỗ có nốt lặn lấy hơi. Cao độ và trường độ các nốt không sai! Tôi tin mình có thể làm hơn thế nữa.

Bạn đọc có tin không, đó là một bước lớn đưa tôi đắc thủ được kỹ năng chép nhạc theo trí nhớ sau này. Và nó cũng là bước đầu đưa tôi đến với việc sáng tác ca khúc âm nhạc. Tôi học từ tác phẩm những người đi trước cách khai thác các quãng âm, cách chuyển âm giai sao cho ca khúc của mình không đơn điệu, cách viết ca từ... Tôi tự hào thuộc được nhiều ca khúc của các nhạc sĩ tiền bối.

Nhiều ban nhạc ở Đài Phát thanh Sài Gòn sau này muốn hát một ca khúc cũ nhưng lại không tìm ra văn bản của ca khúc ấy. Đơn giản là họ không có thì giờ để tìm. Họ thường nhờ tôi chép lại, ngay tại phòng thu của Đài Phát thanh. Tôi làm ngay việc ấy. Mỗi bản chép lại của tôi được họ trả tiền tươi 30 đồng. Tiền lãnh ngay tại chỗ, sau khi đưa bản nhạc và hát “nháp” lại cho họ nghe. Ba chục đồng có nghĩa là ăn được mười bữa cơm xã hội. Tất cả bắt đầu với *Trăng Mường Luông*.

Phở Mộng Thu



Lâu ngày rồi, tôi quên mất tên con đường ấy giữa thành phố Hội An. Hình như tên đường là Cường Để thì phải. Trí nhớ của tôi chỉ còn giữ lại được hướng đi. Từ ngã tư Nguyễn Duy Hiệu - Hoàng Diệu, ta nhắm mắt đi về hướng bên hông chợ Hội An. Qua khỏi chợ chừng trăm mét, ta tới một hội quán của bà con người Hoa. Hội quán này nằm chính giữa ngã ba đường, nhìn thẳng ra bờ sông. Đó là “đại bản doanh” của phở Mộng Thu - cái quán phở bình dân nổi tiếng sau quán chè bà Chỉ mà con dân nghèo trường Trần Quý Cáp đều biết đến.

Hai chữ Mộng Thu có lẽ nhắc bạn nghĩ đến một cái tên thơ mộng, du dương, lãng mạn cực kỳ. Vâng, tôi cũng đã từng nghĩ như các bạn. Không có gì đẹp bằng một giấc mơ mùa thu thơ mộng, êm đềm có lá thu rơi

trên dòng sông xanh biếc. Tuy nhiên, cái tên Mộng Thu do con dân nghèo trường Trần Quý Cáp đặt cho quán phở ấy rất bị bà chủ quán... phản đối kịch liệt. Đứa nào đại dốt nói hai chữ Mộng Thu du dương ấy trước mặt bà là bị bà chửi ngay, không chừng còn bị đập chổi chà lên mặt. Bà phản đối cái tên ấy là phải, bởi lẽ Mộng Thu là tiếng nói lái của... mẹ Thông - tên thật của bà. Mẹ Thông tức là... Mộng Thu. Nó chẳng có chi là thơ mộng, lãng mạn và cũng không dính dáng gì đến mùa thu cả.

Trong ngôn ngữ của bà con Quảng Nam, chữ mẹ mang theo một hàm ý thân mật đơn giản. Hễ người phụ nữ nào lớn tuổi hoặc đã có chồng thì được gọi là mẹ. Quán của bà nghèo, không có biển hiệu. Tên thật của bà là bà Thông. Một tay rắn mắt nào đó gọi quán phở của mẹ Thông là... Mộng Thu. Quần chúng đông đảo cứ theo truyền thống nghịch ngợm ấy mà gọi. Mộng Thu từ đó trở thành thương hiệu phở danh tiếng.

Mẹ Thông ra quán phở bình dân, dọn hàng ngay mặt đường. Mùa đông, quán... nghỉ bán vì không có cái gì che mưa. Mùa hè, quán bán từ 5 giờ khi nắng tắt tới đêm khuya. Mỗi tô phở ở đây giá một đồng rưỡi, gồm có một mớ cộng phở khô ngâm trụng trong nước sôi cho mềm ra, cộng với ba lát rưỡi thịt bò và một ít giá trụng. Tôi nói ba lát rưỡi vì cách chi trên tô phở ấy cũng có một thẻo thịt nhỏ xíu chưa xứng đáng gọi là lát. Mà ba lát rưỡi thịt ấy lại mỏng như lá lúa. Phở của quán Mộng Thu không rau, không dưa, không gia vị nào khác.

Khách nào muốn ăn mặn, xin cứ thoải mái nêm nước mắm vào. Còn khát nước thì ráng chịu.

Mụ Thông chỉ bán phở bình dân phục vụ các nhà nho nghèo. Đứa nào có tiền muốn ăn sang, xin ra quán phở đình Ông Voi, có nhà cửa bàn ghế tử tế, có cả dừa đu đủ nhai nghe rào rào, dai dai. Phở mụ Thông cóc cần bàn ghế. Nói nào ngay, mụ Thông chỉ có sáu cái ghế đầu, một cái bàn. Hết. Người thứ bảy phải đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi xồm bên vệ đường mà ăn đều được.

Mụ Thông bán phở với khuôn mặt hằm hằm. Lúc nào, bà ta cũng sẵn sàng sinh sự với khách, không nói chuyện với bất cứ một ai, cũng không cần hỏi khách ăn gì. Bởi bà chỉ bán mỗi một món phở tái và chỉ bán với giá ổn định một đồng rưỡi. Cũng chẳng có ai phụ bà bung phở mời khách. Bà làm tất tần tât mọi công việc, từ nấu phở tới dọn bàn, lau bàn, quét nền quán. Làm mà mắt lờm lờm như muốn ăn tươi nuốt sống khách vào ăn phở. Nói đúng hơn, khách vào đây ăn phở còn bà thì “ăn” khách.

Tôi ăn phở Mộng Thu được vài lần; mỗi lần ăn là trong bụng cười thầm. Tôi từng dặn mình đừng bao giờ đại dột nói ra hai chữ Mộng Thu và cũng vì nghĩ đến hai chữ quái kiệt đó mà tôi buồn cười trong bụng. Mụ Thông dư sức biết trước khi đến ăn, bọn học sinh tinh nghịch bình luận thế nào về hai chữ Mộng Thu. Mụ lờm lờm nhìn khách, chỉ đợi chúng sơ hở nói ra là

chửi cho một tràng tiếng Đức bằng âm vị Quảng Nam chánh cống. Đại gì mà nói, hờ trời?

Phở Mộng Thu không ngon, cũng không dở. Bảo đó là phở cũng được mà bảo đó là nước ốc cũng không sai. Nhưng ba lát rươi thịt bò tái nằm cong queo trên mặt tô phở là một cái gì rất hiện thực, hấp dẫn bao tử của các thằng học trò nghèo. Mớ giá để ở phía dưới tô cũng là một cái gì rất hiện thực. Ăn hết bánh phở và thịt, húp hết cái... dung dịch nửa trong nửa đục đó vào bao tử, nhà nho nghèo cũng có thể lưng lửng bụng để thức tới ba giờ sáng học bài thi.

Phở Mộng Thu cũng như chè bà Chỉ làm nên “thương hiệu” trong lòng con dân nghèo của trường Trần Quý Cáp. Đứa nào học ở trường Diên Hồng thì không bao giờ biết đến hai thương hiệu nghèo nàn, lạc hậu nhưng danh tiếng này. Bởi trường Diên Hồng là trường tư thực. Chỉ có con nhà giàu mới có tiền đi đóng học phí học trường tư thực và do vậy dư tiền để đi ăn quán ngon ngoài phở Mộng Thu và chè bà Chỉ. Quán nghèo chỉ dành cho dân nghèo như chúng tôi.

Học đàn qua cửa sổ



Năm 1959, năm tôi thi đậu vào lớp đệ thất (lớp 6) trường Trần Quý Cáp, được anh Hai tôi tặng cho cây đàn mandoline. Đó là cây đàn cũ của Pháp, tra bộ dây Argentine rất tốt. Tiếng đàn reo rất đẹp. Có lẽ đó là phần thưởng quý nhất trong đời tôi.

Cả làng tôi ngày ấy chỉ có anh Trịnh Mẹo đi sinh hoạt gia đình Phật tử biết chơi đàn mandoline. Anh Mẹo cắt những miếng giấy nhỏ, viết tên nốt rồi dán vào cần đàn, dưới dây. Anh chỉ tôi cách bấm các phím đàn, cách rung dây (trémolo). Tôi tự học mandoline và tập chơi những bài giản dị.

Khi vào học lớp đệ thất, nhạc sĩ Lê Chấn Quang là thầy dạy nhạc đầu tiên của chúng tôi. Thầy Quang có kiến thức âm nhạc khá rộng. *“Âm nhạc là một nghệ thuật kết hợp và tiết tấu những âm thanh trầm bổng để làm*

thỏa mãn thính giác của người nghe” - đó là câu định nghĩa về âm nhạc được thầy dạy trong tiết học đầu tiên. Thầy Quang thật tài hoa. Những ngón tay thầy thon dài, đúng là được sinh ra để thích nghi với yêu cầu chơi đàn. Thầy chơi guitare, accordéon, piano đều hay.

Một người thầy khác của tôi là ông La Gia Đình - cháu của nhạc sĩ La Hối (La Dzoãn Chánh, tác giả của *Xuân và tuổi trẻ*) cũng là nhạc sĩ chơi violon rất tuyệt. Ông La Gia Đình cao lớn nhưng những ngón tay của ông cực kỳ khéo léo. Ông người Hoa, hiền hậu. Tôi thật sự hạnh phúc khi được học nhạc pháp với hai thầy.

Thành phố Hội An là nơi đầu tiên của nước ta chính thức có tổ chức khuyến nhạc ra đời năm 1943. Người nhạc sĩ gốc Quảng Đông La Hối bị Nhật giết năm 1945, chết khi còn rất trẻ. Nhưng những gì ông làm được cho phong trào khuyến nhạc ở Hội An thật đáng trân trọng. Kịp đến nửa sau của thế kỷ 20 thì lớp đàn em của ông đã thật sự đưa âm nhạc vào đời sống người Hội An.

Tôi mới học được hai năm nhạc pháp, tự mày mò chơi được một chút đàn mandoline. Ngày đi học qua sông Thu, tôi nghe ông lái đò Bốn Chính hát những bài tình ca của Phạm Duy, Trần Hoàn, Hoàng Giác, Lê Thương... mà lòng tràn đầy cảm xúc. Tôi đã mơ trở thành nhạc sĩ, viết ra được những ca khúc như các vị tiền bối đó. Kịp đến khi nhìn các thầy của mình chơi đàn, lòng tôi càng mơ được trở thành nhạc sĩ hơn. Mà

Hội An, Quảng Nam là miền đất hình thành những tên tuổi lớn của nhạc sĩ đương đại. Căn nhà đẹp nằm đối diện trường tư thực Diên Hồng ngày ấy là câu lạc bộ âm nhạc. Lên lớp đệ ngũ, đệ tứ, ngày nào tôi cũng bỏ vài giờ vào câu lạc bộ xem lóm các thầy chơi nhạc.

Thầy Lê Chấn Quang thường chơi guitare chỉ dẫn các anh chị các lớp lớn hát ca khúc. Tôi đứng ngoài cửa sổ, chăm chú nhìn vào bàn tay trái của ông thoăn thoắt chuyển âm giai trên cần đàn. Những ngón tay ông thật tài hoa, điều khiển sáu dây đàn rung lên giai điệu thật đẹp. Rồi tôi về nhà trọ, mượn cây guitare cũ bên hàng xóm, giở ca khúc mà thầy dạy trò hát trong câu lạc bộ ra, tập xử lý những âm giai theo cách thầy đã chuyển. Tôi biết chơi guitare nhờ học lóm của thầy.

Một hôm, tôi lên câu lạc bộ, nghe tiếng piano vang ra như suối đổ. Thầy Lê Chấn Quang đang chơi *Come back to Sorrento*¹. Tay ông lướt trên đàn phím ngà, thỉnh thoảng ngón cái và ngón út của bàn tay mặt xò ra rung lên quãng 8 (octave - bát độ) nghe thật sững tai. Đứng ở ngoài cửa sổ nhìn vào, tôi say sưa thả hồn mơ mộng theo tiếng đàn của thầy. Tôi biết nhà mình nghèo, ước mơ có một cây piano là điều không tưởng. Ngón tay tôi cũng không đủ dài để có thể học và chơi thành công piano. Nhưng không ai cấm được một anh học trò say sưa đi học lóm cách thầy đàn. Phải đến gần 50 năm sau,

1. Come back to Sorrento: Tên 1 bản nhạc, nghĩa là Trở về mái nhà xưa.

tôi mới mua được cây đàn piano cho cháu nội tôi. Đời ông đã thềm cây đàn từ thời thơ ấu, vậy nay mua cho cháu nội để bù trừ vậy.

Bạn đọc tin hay không thì tôi không biết nhưng tôi đã “học” nhạc một cách lâm sàng như vậy. Nghĩa là tôi bỏ qua những lý thuyết âm nhạc vốn rất phức tạp để đi ngay vào thao tác thực hành. Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung học Độc Cô cửu kiếm cũng lược bỏ những lý thuyết dài dòng, những biến hóa phức tạp. Tôi “học” lóm nhạc cũng vậy. Thầy thị phạm thế nào, trò làm theo như vậy, y chang kiểu ta học võ.

Thời ấy, tôi ở trọ tại đường Phan Bội Châu, Hội An. Buổi chiều, tôi ra trước balcon, cầm guitare và hát những bài tình ca. *Sérénade* (Mộ khúc) của Schubert, *Bến xuân* của Phạm Duy, *Thiên thai* của Văn Cao, *Thu quyến rũ* của Đoàn Chuẩn và Từ Linh, *Nắng chiều* của Lê Trọng Nguyễn... là những ca khúc nuôi lớn tâm hồn tôi.

Cô bạn nhà ở bên kia đường học dưới tôi hai lớp, nghe tiếng đàn rung lên là nhẹ nhàng mở cửa ra ngồi nghe tôi hát. Hai tay cô khoanh trước ngực, mắt lim dim, thành kính như nghe vị... linh mục giảng đạo. Trời ạ, vị khán giả trung thành ấy không trả cho tôi một đồng thù lao nào, kín đáo đến cả một nụ cười cũng chẳng có. Thế nhưng, tôi thật cảm hứng khi được hát cho bạn nghe. Cái đó kêu bằng là... vì quần chúng yêu nghệ thuật mà sẵn sàng hát “chùa” và vì ca sĩ mà quần chúng sẵn sàng nghe nhạc miếu!

Mà nghĩ cũng phải đạo thôi. Đã có một thằng học sinh đi học lóm học chùa cách chơi đàn của thầy mình qua cửa sổ thì cũng có một cô học sinh ngồi nghe nhạc miếu vọng từ bên kia đường. Cái gì chùa miếu nghe ra cũng thú vị. *Âm nhạc là một nghệ thuật kết hợp và tiết tấu các âm thanh trầm bổng để làm thỏa mãn thính giác của người nghe* mà lại. Mấy tháng sau, gặp nhau tình cờ trong sân trường, bạn mới ném cho tôi một nụ cười chào. Đúng là cát nhật hoàng đạo, phước chủ may thầy!

Trên đất Quảng Nam và trong lòng thành phố Hội An, có nhiều nhạc sĩ tài hoa khác. Nhạc sĩ Dương Minh Ninh đã nổi tiếng trước năm 1954 khắp cả khu 5, nhạc sĩ Lan Đài đã nổi tiếng sau 1955 với bài *Quán chiều*. Nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn - cậu ruột của một bạn học cùng lớp, đã nổi tiếng với *Nắng chiều* và *Bến giang đầu* khi còn khá trẻ. Thời ấy, âm nhạc chỉ phát qua Đài Phát thanh. Tôi say mê hai ca khúc này của ông đến nỗi mỗi khi radio phát là phải dừng lại để lắng nghe.

Không khí của Hội An là không khí lãng mạn của một thành phố âm nhạc. Gần như đi đâu người ta cũng có thể nghe được tiếng đàn, giọng hát phát ra từ các ngôi nhà, các sân vườn. Nó có một cái vẻ gì đó quyến rũ và hấp dẫn con người - cái mà ngay một thành phố lớn như Đà Nẵng cũng không có được. Lòng tôi vẫn luôn ấp ủ một mơ ước xa vời - trở thành nhạc sĩ.

Tôi dành dụm từng đồng bạc nghèo nàn của mình, mua thêm những sách vở âm nhạc và tự học. Tôi giờ

những ca khúc của các nhạc sĩ tiền bối ra, học từng nét nhạc, từng cách chuyển âm giai. Hai tác giả mà tôi học được nhiều nhất là Phạm Duy và Lê Trọng Nguyễn. Tác phẩm âm nhạc của họ thật tuyệt, có hồn có vía đâu ra đó. Tôi tin rằng sự cố gắng của mình có thể bổ sung cho sự thiếu hụt vì làm con một nhà nghèo.

Ngủ biển



Tôi sinh ra và lớn lên trong một làng nghèo ven biển tỉnh Quảng Nam. Đó là làng Tam Thăng, nay thuộc thành phố Tam Kỳ. Biển ở Tam Thăng được gọi là biển ngang, nước ít sóng và bờ cát thoải đến nỗi nó còn có tên là Tĩnh Thủy. Biển đối với tôi không lạ; ngày nào tôi cũng thở hơi gió biển; đêm nào tôi cũng nghe sóng biển vỗ.

Có vài lần, tôi đã ra bãi biển xem bà con đánh lưới quát. Tay lưới dài, một đầu cắm trên bãi biển, đầu còn lại được một chiếc thúng chai bơi ra trăm thước rải dài theo mặt biển. Cứ thế người ta kéo lưới vào sát bờ. Cá tôm ngày ấy thật nhiều, đánh sát bờ như vậy mà có khi cũng được cả bầy cá hổ, cá nục. Còn cá nục, cá cơm thì nhiều vô kể. Nhưng tôi thích nhất vẫn là con cá chuồn.

Cá chuồn cánh dài, bay trên mặt nước lượn như chim rồi bay vào... lưới của bà con.

Khi lớn lên học trung học, tôi ít khi ra biển dù biển Cửa Đại chỉ cách Hội An năm cây số. Ấy là vì tôi không có chiếc xe đạp. Chiếc xe đạp thời ấy là một cái gì quý hiếm, chỉ có con nhà khá giả mới được cha mẹ mua cho. Tôi thì không bao giờ dám mơ đến một chiếc xe đạp.

Lớp có thằng Trần Văn Long, một người dân xã biển Cẩm Thanh chánh cống. Thằng Long tướng tầm thước nhưng vai u thịt bắp, ngực nở như ức con bò mộng, đi học thường đội cái mũ cối. Tánh tình hẩn hiên queo, học hành không dở cũng không giỏi, ít khi nói chuyện cười đùa với ai. Hẩn chỉ đợi thằng khác nói bông lơn là hé miệng cười góp. Tôi thuộc giống dân hiếu sự nên học chung lớp bốn năm mà ít khi chơi chung với hẩn. Thế nhưng, hẩn lại khoái tôi. Hẩn ngồi sau lưng tôi, khi làm bài thi xong, tôi để giấy qua một bên và nghiêng bài cho hẩn “địa”.

Trời xui đất khiến, một hôm hẩn nói với tôi: “Chiều mai, mi về nhà tau ở Cửa Đại chơi”. Tôi mừng rỡ: “Đi bằng cái chi? Tau không có xe đạp”. Hẩn cười: “Tau có xe. Tau chở mi về nhà rồi chở mi lên lại”. Người quân tử nói một lời nặng hơn chín cái bao cát. Thằng Long là người quân tử thứ thiệt. Chiều hôm sau, chúng tôi đã về tới nhà hẩn.

Sau khi làm thủ tục chào người lớn và trả lời những câu hỏi xã giao, chúng tôi ăn cơm. Trời ạ, bữa

cơm ngon chi mà ngon lạ lòng với mực tươi, cá tươi vừa đánh bắt dưới biển lên, với không khí rôm rả tiếng cười tiếng nói. Cả nhà mười mấy người cùng ngồi ăn, vui hết biết. Ông bác hiền queo, là một ngư dân ăn sóng nói gió, cứ giục “Ăn đi con!”. Tôi ăn no đến nỗi canh hông ra. Đêm xuống, con trăng hạ tuần chưa lên; thằng Long nói: “Hai đứa mình ra biển ngủ”.

Chúng tôi đem theo hai chiếc gối. Chiếc thuyền của nhà thằng Long đã cắm sào cạnh bãi biển, lắc lư nhẹ theo nhịp từng con sóng vỗ. Lại phải cởi quần dài, lội ra mép thuyền. Nước chỉ lên đến đầu gối, thật mát. Biển thật dịu dàng ru chúng tôi vào giấc ngủ sớm. Ngàn sao nhấp nháy trên cao. Sau vài câu chuyện bông lơn tầm phào, chúng tôi rơi ngay vào giấc ngủ. Vả chăng thằng Long cũng là thằng ít nói. Cái thằng như con nít, lăn ra ngủ ngon ơ.

Nửa khuya, hình như thủy triều lên. Bóng trăng hạ tuần vàng nhạt rải đầy trong lòng thuyền và chiếc thuyền bồng bênh, lắc lư theo từng nhịp sóng. Chưa bao giờ trong đời, tôi được hưởng cái cảm giác bồng bênh sương khói như thế này. Tôi như trên đường bay, đi lạc vào giấc mơ tiên. Con đường bay thật huyền ảo, lãng mạn. Thầy chúng tôi thường dạy về điển tích Từ Thức lên tiên. Có cõi Thiên Thai nào đợi chờ chúng tôi không nhỉ?

Tôi lại rơi vào giấc ngủ thật êm đềm. Đến khi giật mình tỉnh giấc thì trời đã bình minh, phương Đông

bừng sáng một góc. Mặt trời sắp lên. Thuyền nằm chờ vơ trên bãi cát, thủy triều đã xuống rồi. Có tiếng chim hót trong rừng dương liễu xanh. Thằng Long ngáp dài một cái: “Mi ngủ được không?”. “Được, ngủ ngon lắm. Hồi khuya, tau nghe thuyền mình bỗng bênh, y như tau nửa mê nửa tỉnh”. “Rứa là mi say sóng nhẹ đó. Có đũa say sóng nặng, thấy bảy ông trời xanh, ba ông trời vàng”.

Thuyền nhà Long có nước ngọt. Chúng tôi đánh răng, rửa mặt xong lại làm một bữa tiệc... tắm biển. Chưa có một biển nào lý tưởng như Cửa Đại, ra xa bờ khoảng trăm mét mà nước chỉ tới ngang mình. Long bơi giỏi, ra thật xa bờ. Tôi không biết bơi, chỉ dám đứng ở chỗ nước ngang qua rốn, nhìn thằng Long vùng vẫy trên sóng. Nước thật mát, thật êm. Tôi gội rửa tâm hồn trong dòng nước mát thanh khiết của biển Cửa Đại.

Người Quảng Nam thật lãng mạn. Đây là cửa biển Đại Chiêm; họ gọi tắt là Cửa Đại. Rồi một con người lãng mạn đầu tiên nào đó gọi trại âm Đại ra Đại; những người sau cứ thế gọi là Cửa Đại. Đại trong chờ đợi, mong đợi gặp nhau.

Bỗng dưng, tôi nhớ đến NTH. Tuần này tôi không về nhà, cũng không báo cho H biết; không hiểu H có ra bến đò Hội An đứng đợi tôi về hay không. “Đi một mình em sợ lắm” - H từng nói như thế. Mặc dù ngày ấy H đã lớn hơn một chút nhưng tôi cũng không nên bỏ H đi trên đường quê một mình. Tự nhiên, tôi cảm thấy có lỗi với bạn. Con nhóc ít nói, không biết có giận không nữa đây.

Con rắn



Ó bao giờ bạn đem một con rắn vào lớp dọa bạn học của mình không nhỉ? Lớp đệ tứ của tôi năm 1963 đã có người chơi nghịch ngợm như vậy rồi đó. Tên của hắn là thằng Phạm Hữu Bài.

Thằng Bài nhỏ con, đi học thường đội một cái mũ cối dày, ở ngoài bọc vải kaki trắng đàng hoàng. Thằng này nghịch ngợm. Chữ nghịch được người Quảng Nam chúng tôi gọi là hoang. Hắn hoang ghê gớm mặc dù bên ngoài hắn giả khờ hiền queo, ít nói.

Một ngày trung tuần tháng 5-1963, lớp ăn liên hoan. Sau liên hoan, lớp sẽ được nghỉ học. Hôm sau, trường sẽ phát phần thưởng cuối niên học. Đứa nào được phần thưởng thì đi dự, lãnh thưởng. Đứa nào lo văn nghệ cũng phải đi. Tôi vừa được phần thưởng, lại phải lo cho các cô em đệ lục múa *Đây, Mừng Luông* nên

phải đi. Còn bá tánh ai về “dinh” nấy, học bài ở nhà để đầu tháng 6 thi lấy bằng diplôme.

Nói ăn liên hoan là nói cho oai, thật sự quỹ lớp chỉ còn mấy đồng, xuất hết ra mua bánh kẹo, trái cây, hộp dưa. Mỗi tổ chỉ được một đĩa, ăn ít ăn nhiều cũng chỉ một đĩa. Theo lệnh của giáo sư hướng dẫn - tên gọi có nghĩa như thầy cô chủ nhiệm ngày nay, mỗi đứa phải làm một món quà tặng bạn trước lúc chia tay. Tất cả các món quà phải được đánh số thứ tự, đứa nào nhận được số nào phải lãnh món quà ấy và mở ra trước lớp.

Tôi vừa nhận được học bổng, mua một cái *carnet noir* (sổ tay bìa đen), nhờ bà chủ hiệu sách bao lại cho đẹp làm quà. Đó là lần đầu tiên, tôi có một món quà tươm tất cho bạn, không biết là bạn nào sẽ được.

Chúng tôi quay bàn lại thành hình chữ U, ngồi hai vòng khá trật tự. Tôi chơi guitare, ca hát. Các “bà” HTH, HTT cũng ca hát râm ran. Giáo sư hướng dẫn chúc cả lớp thi đậu, dặn đi dặn lại rằng cái bằng trung học là bằng quan trọng. Cầm văn bằng này trong tay, đã có thể bảo người ta... gả con gái cho mình được rồi! Cả lớp nghe vậy cười ồ nhưng đó là thực tế thời ấy. Người có bằng diplôme đã được coi là người “trí thức”.

Dặn dò năm điều ba chuyện xong, thầy lên văn phòng phê học bạ và chứng chỉ học trình cho chúng tôi. Tôi điều khiển lớp rút thăm nhận quà. Phần tôi nhận được một gói kẹo, chắc là do “bà” nào đó mua. Quà được

khui ngay tại lớp, ai muốn mời ai thì cứ việc mời. Gói kẹo được cả tổ hưởng ứng tại chỗ.

Đến phiên một “bà” lên nhận quà. “Bà” này vốn người Huế, gia đình rất gia giáo, ăn nói nhỏ nhẹ, lịch sự nên đám “quần hùng” thô lỗ trong lớp không thẳng nào dám giỡn mặt. Bà nhận được một cái lon, có vẻ như là lon mạch nha Quảng Ngãi. Một giọng nào đó hét lên: “Mở ra đi!”. Thế là bà cầm cái mối dán lon bằng băng keo, mở ra.

Bục một cái, nắp lon bật ra. Từ trong lon, một con rắn mái gầm khoen xanh khoen đỏ ngóc đầu lên, vươn cái cổ dài lúc la lúc lắc. Người nhận được quà hoảng quá, la lên một tiếng, mặt mày tái xanh, liệng... con rắn xuống đất, chạy ra khỏi lớp.

Diễn biến bất ngờ khiến thằng nào cũng hoảng. Nhưng lạ chưa, con rắn nằm im dưới đất, dính cứng vào chiếc lon. Tôi thu hết can đảm, nhìn... con rắn. Hóa ra, đó là một con rắn giả, phía trong là chiếc lò-xo, phía ngoài bao vải và dùng sơn vẽ khoen xanh khoen đỏ y như rắn mái gầm thật. Khi ta mở nắp, lò xo bung ra đẩy cái bao vải bên ngoài khiến con rắn ngẩng lên y như thật!

Thằng Nhựt lớp trưởng hỏi: “Đứa mô chơi ngăng¹ vậy bay?”. Không có thằng quái vật nào trả lời. Mấy “bà” vội chạy ra lôi bà sợ rắn vào lớp lại. Tuy biết là con rắn giả nhưng mấy bà vẫn ghê ghê. Bà nào đi ngang cũng

1. Chơi ngăng: Nghịch ngợm.

né, ngại ngần cứ y như là đang thấy động vật nguy hiểm. Con dân nhà sang thành phố mà, hồi nhỏ chừ có thấy rắn rết chi mô. Chỉ có mấy đứa sinh ra ở rừng rú như tôi mới biết đó là “tác phẩm” đặc tả con rắn mái gầm mà bà con thường gọi là rắn cạp nia.

Buổi liên hoan tan sòng. Chuyện con rắn trở thành một tràng cười thú vị. Quý ông, quý bà rủ nhau viết lưu bút, ký tên lưu niệm. Mấy cô em đệ lục chạy sang tìm tôi, bắt cóc tôi xuống lớp họ hát *Đây, Mừng Luông*. Kỳ này thì họ mua nước cho tôi uống tử tế, lại mua ba đồng bốn điệu Ruby “điệu đóm” nghiêm chỉnh. Cô XN lại dụ: “Mai anh hát cho tụi em múa xong là tụi em mời anh đi ăn chè bà Sở nghe”. Cứ y như đang dụ con nít.

Trước khi thi tốt nghiệp, thằng Bài ghé tôi mượn xem tập toán. Hấn thú nhận chính hấn là tác giả của con rắn mái gầm. Cái thằng thiệt bá đạo. Hấn lấy làm tiếc là sao người nhận lại không ngã lăn đùng ra khi thấy rắn ngóc đầu lên. Hấn khoe hấn làm con rắn đó rất công phu mà kết quả thu lượm lại không lấy gì làm khoái chí! Đặc biệt là cái lò-xo đã phải mua hết 2 đồng. Hấn tiết lộ rằng hấn đã... thu hồi lại con rắn, hẹn năm tới làm quà cho một đứa nào đó nếu lớp đệ tam có tổ chức liên hoan.

Cái thằng thiệt hoang!

Tôi học như thế nào?



Đân “bản địa” ở Hội An thường là con nhà sang, nhà giàu. Họ đã học giỏi, lại có tiền đi học thêm các lớp Ngoại ngữ, Toán, Lý, Hóa. Họ đã giỏi, lại càng giỏi thêm. Họ sống trong gia đình, có cha mẹ chăm sóc. Tôi là con nhà nghèo, đi xa nhà, lo kiếm ăn đã mướt mồ hôi; làm chi có tiền để học thêm? Chính vì vậy mà từ khi vào trung học, tôi đã quyết tâm lấy cần cù, chịu khó để bù vào cái nghèo. Học là con đường của tôi. Và không còn con đường nào khác.

Ai nói gì thì nói, tôi vẫn coi chuyện học thuộc lòng là quan trọng. Bài nào tôi cũng học thuộc lòng. Cái thi, cái học thời ấy là như vậy. Tôi “tụng” bài như các thầy tụng kinh. Ai đó phê bình chuyện học thuộc lòng là nhồi nhét thì kệ họ; tôi vẫn chủ trương học thuộc sách giáo khoa là con đường tốt nhất. Bởi tôi nghĩ không có mẫu

mã, mô hình, công thức thì khó có sự sáng tạo riêng cho mình về sau. Bởi tôi nghĩ muốn suy luận hay nhận định thì phải có một nền tảng trước. Thí dụ viết một bài nghị luận văn học, không thuộc thi ca văn chương các tác giả thì lấy gì mà trích dẫn? Về sau này khi ra đi dạy, tôi cũng buộc học sinh của mình học thuộc lòng một số đoạn nhất định. Và tôi bảo đảm những học sinh học môn của tôi đi thi đều đủ điểm đậu.

Tôi thuộc bài một cách ghê gớm. Những đoạn văn mẫu của nhóm Tự Lực văn đoàn in trong sách quốc văn tôi cũng học thuộc luôn. Với những môn như Toán, Lý, Hóa; tôi học thuộc những công thức và bài giải. Với ngoại ngữ, tôi học thuộc từ, học thuộc cách dùng từ đặt câu, học thuộc cả lối chia các thì của động từ... Tôi tự hào thuộc bài như một chiếc... cát-sét!

Đêm nào tôi cũng thức thật khuya để học bài. Những đêm hè trời nóng quá, tôi tắt đèn trong nhà, nhẹ nhẹ mở cánh cửa hông ra ngồi dưới trụ điện bên đường, học bài từ ánh sáng ngọn đèn đường hắt xuống. Học như vậy vừa mát mẻ, vừa tiết kiệm được điện cho chủ nhà, lại vừa không ảnh hưởng đến giấc ngủ của mọi người trong nhà. Tôi học ròng rã một năm đệ tứ; lòng không dám nghĩ đến chuyện gì khác.

Thỉnh thoảng có được đồng tiền, tôi dành dụm mua sách. Quyển sách mà tôi thích nhất là *Những đề Toán mẫu*, gồm toàn những đề thi Toán bậc trung học ở Pháp, Anh, Đức. Tôi nhận ra một điều: Trình độ học

sinh của những nước này cũng tương đương với trình độ học sinh Việt Nam chúng ta. Tôi giải được tất cả các đề Toán đó. Hơn thế nữa, có những bài tôi tìm ra được cách giải gọn gàng hơn.

Giờ học của tôi là từ 8 giờ tối đến 12 giờ khuya. Tất cả những bài học đều được tôi viết ra thành dàn ý tổng quát. Nhìn vào một điểm, tôi có thể đọc thuộc nội dung của đoạn đó y như trong sách giáo khoa đã viết. Tôi còn hình dung được cả dấu chấm, dấu phẩy trong câu văn nữa cơ.

Từ năm đệ ngũ trở lên, tất cả các môn thi học kỳ - lúc bấy giờ gọi là thi lục cá nguyệt, các thầy cô đều giao tôi làm chemise. Làm chemise có nghĩa là xếp danh sách theo thứ tự từ điểm lớn nhất đến điểm nhỏ nhất. Bởi vì những môn thi ấy tôi đều đạt điểm cao nhất. Nhà nho trẻ cố gắng viết chữ thật đẹp, làm danh sách cho thật sáng. Thời đó, tất cả các điểm đều cho trên 20; riêng các môn Văn, Toán, Ngoại ngữ hệ số 3.

Thí sinh đi thi lấy bằng trung học, tú tài 1, tú tài 2 đều được xếp theo bốn loại: Ưu, bình, bình thứ và thứ. Tôi không dám nghĩ tới hạng ưu nhưng tôi tin với cách học của mình, chuyện đậu bình hay bình thứ là chuyện trong tầm tay. Và cũng nhờ tin như thế nên tôi còn thì giờ để... đi chơi, chơi nhạc, đọc sách.

Năm 1963, nhân một dịp tình cờ đi thuê sách đọc, tôi gặp một tài năng lớn trong văn chương Trung Quốc:

Kim Dung. Quyển sách đầu tiên của ông đến với tôi là *Tiểu anh hùng Hồ Phỉ*, bản dịch của Tam Khôi. Tôi say mê cách viết của ông. Tôi đọc đi đọc lại không sót một chữ. Sau đó là *Lãnh nguyệt bảo đao*, *Độc bá quần hùng*, *Cô gái Đồ long*. Không ngờ đúng 30 năm sau, từ chuyện say mê đọc văn chương Kim Dung, tôi trở thành nhà biên khảo đầu tiên của Việt Nam có tác phẩm chính quy nhất nghiên cứu về tiểu thuyết của ông.

Thi trung học, tôi đậu hạng bình¹. Thi tú tài 1, tôi đậu hạng bình thứ². Ấy là vì do tôi làm không đạt bài tiếng Anh. Tiếng Anh là sinh ngữ 2 của ban C, hệ số 2. Nhưng thời ấy tôi lại có mặc cảm với ngoại ngữ này, cho nó là tiếng... Mỹ, tiếng nói của bọn xâm lược! Dầu sao thì anh Hai tôi - một cán bộ Việt Minh, bị chế độ ông Diệm bắt và tra tấn chết đi sống lại, cũng thường tuyên truyền với tôi về tư tưởng chán ghét người Mỹ. Tôi ghét con người, ghét lây đến một thứ ngôn ngữ đã thành ngôn ngữ quốc tế.

Học xong đại học, tôi mới biết mình nhầm lẫn. Tiếng Anh là một thứ ngôn ngữ quốc tế mà mọi dân tộc với khoảng 4 tỷ người đều có thể dùng để giao tiếp. Trong khi đó, tiếng Pháp lại chỉ có khoảng 1,2 tỷ người dùng. Thì thôi vậy, vào đại học tôi đành lòng cam chịu học theo *chi, hồ, giả, dã* của Hán văn cổ, làm một anh nhà nho nửa mùa cổ điển.

1. Hạng bình: Sau hạng ưu. Đây là một cách đánh giá thi cử, không phải học hành nên không nói là hạng nhì được.

2. Hạng bình thứ: Sau hạng bình.

Tôi đã đi qua những trời mây trắng, những rẻ rúng phụ bạc của cuộc đời. Tôi nhận ra một điều: Cái học và kiến thức đắc thủ từ cái học làm nên nhân cách, làm nên giá trị của con người. Thí dụ nhờ học một chút đạo học phương Đông mà tôi hiểu ra rằng cái dũng là sức mạnh tinh thần của con người biết tự thắng mình; cái cường chỉ là sức mạnh cơ bắp thắng được người khác. Tôi tiếc là những năm ra đi làm việc, không còn có cơ hội học nữa. Tôi đành học trong sách vở. Mấy chục năm đều thế, ngày nào tôi cũng đọc trên một trăm trang sách và càng đọc, càng thấy ra những điều mới lạ dù là từ một cuốn sách rất cũ.

Tôi thi trung học



Tháng 6 năm 1963, tôi thi lấy bằng trung học - diplôme, ngay tại hội đồng thi trường Trần Quý Cáp, Quảng Nam. Toàn tỉnh Quảng Nam chỉ có một hội đồng thi này, con dân học xong lớp đệ tứ các nơi đều về đây ứng thí.

Số ký danh của tôi là 648. Mỗi phòng thi có 34 thí sinh; mỗi bàn ngồi hai mạng. Bên tay trái của tôi là thằng Lê Hợi, học cùng trường khác lớp; sau lưng tôi là thằng Châu Toàn Huệ, học cùng lớp. Trước khi thi, cả hai thằng đều gặp tôi và có ý định... liên gia thông cảm.

“Liên gia thông cảm” tức là tôi phải giúp đỡ cho bọn hăn chép bài hoặc địa bài¹. Thằng Lê Hợi dụ dỗ một cách vui vẻ: “Tau yếu môn toán quá. Có chi, mi cho

1. Địa bài: Xem bài.

tau bản... giấy nháp để tau chép theo; tau sẽ mời mi ăn bún bò bà Thế”. Thằng Châu Toàn Huệ dụ dỗ một cách suồng sã: “Tau sợ ba môn Vạn vật, Lý và Hóa. Mi giả bộ... để tờ giấy làm bài ra phía tay mặt để tau chép theo nghe. Thi xong, tau tặng mi... con chim hoàng yến”. Tôi sợ những việc gian dối, chỉ thuận cho nó xem bài. Làm bài xong, tôi sẽ để qua một bên cho đứa nào cóp-pi được thì cóp. Vậy thôi.

Đại để, đó là lời ong tiếng ve của hai thằng bạn. Thời gian thi sẽ kéo dài trong bốn ngày tròn, gồm chín môn Văn, Toán, Lý, Hóa, Vạn vật, Công dân, Sử, Địa, Pháp văn. Tôi khẳng định sẽ giúp bọn Bùi Kiệm này một cách kín đáo. Tôi tin mình kinh sử lâu thông, có thể giúp chúng chứ không phải vì tô bún bò bà Thế quá ngon hay con chim hoàng yến chi chi đó hót hay cực kỳ.

Mà tôi cũng chưa bao giờ thích chuyện nhốt một con chim hoàng yến trong lồng. Đời tôi không chơi chim, không chơi cá. Cảnh chim lồng cá chậu thật tội nghiệp, bởi sống như vậy là mất tự do. Tôi thương thằng Huệ hơn bởi thằng này... không bao giờ thuộc bài, dù rằng mỗi khi đi ngang nhà hấn vẫn nghe tiếng hấn “tụng” bài một cách chăm chỉ. Hấn tụng bài thì bảy xã cũng nghe chứ đừng nói là khu vực chùa Bà Mụ nghe.

Sáng đầu tiên thi Văn, phần ai nấy làm, hồn ai nấy giữ. Chiều đó thi Vật lý, tôi giúp hai thằng em trai bằng cách cho chúng... chép hình vẽ và công thức hiệu thế hai đầu của một điện trở trơ. Hai thằng mừng ra

mặt, sáng hôm sau mang đến nào xôi, nào bánh ú “bồi dưỡng”. Tôi tuổi con Heo, ăn như Trư Bát Giới nhưng ít được ăn. Nay có cống vật của hai thằng hiếu kính, tôi thọ trai¹ một cách vội vàng, bụng no như con cóc chứa. Bèn phân công: Cho thằng Huệ chép phần đại số, vẽ hình và giải cho thằng Lê Hợi phần hình học. Trời ạ, đề ra ngay chóc hai bài Toán trong bộ đề thi trung học của hai thành phố Lyon và Toulouse bên Pháp. Chiều ấy quất liền hai môn sử và địa lý. Thằng Huệ nháp nha nháp nhồm, chép bài say mê cứ y như một nhà viết tiểu thuyết đến hồi cao hứng.

Sáng ngày thứ ba thi tiếng Pháp, mỗi cậu được biểu không một cái động từ chia theo thì tương lai. Phần bài luận tiếng Pháp hồn ai nấy giữ, không cứu nhau được. Hai thằng Bùi Kiệm vẫn ân cần điều dóm. Chiều ấy thi Công dân và Hóa học. Mỗi thằng được biểu không câu giải dài dòng về hóa tính và lý tính của amoniac.

Cuộc thi tốt nghiệp kéo dài bốn ngày ròng rã. Thằng nào thằng nấy cũng mệt đừ, đầu óc căng thẳng như dây đàn mùa hạ. Sáng hôm sau, thằng Lê Hợi đến sớm, dẫn tôi đi ăn bún bò bà Thế. Hai thằng đường hoàng bước vào cà phê Tiêu kêu hai ly sữa cacao, hai tô bún bò. Ăn của chùa sao mà ngon lạ lòng đã man đến vậy?

1. Thọ trai: Ăn.

Sáng hôm sau nữa, thằng Châu Toàn Huệ đến, bảo tôi lên nhà hăn... bắt chim. Tôi nói: “Thôi, tau không dám chơi chim mô. Mi cứ giữ mà nuôi”. Thằng nhỏ có vẻ mất hứng, dẫn tôi đi ăn phở đình Ông Voi. Hăn không biết gì hết. Hăn là con của thầy CDC – giám thị trong trường. Chim là của thầy nuôi. Nếu thầy biết hăn bắt chim tặng tôi, không chừng thầy phạt... cấm túc tôi thì bỏ bú luôn. Có đau khổ nào lớn hơn đau khổ vì mất chim? Ngu sao đi... bắt chim của thầy?

Thằng Châu Toàn Huệ có vẻ xót xa, sau đó lại mời tôi đi ăn chè bà Sở. Cái này thì được, vừa hợp pháp vừa hợp vệ sinh, lại vừa hợp tỳ vị của người phương Đông. Chè bà Sở là tiệm chè sang trọng nhất Hội An, nằm trên đường Lê Lợi. Đi ngang nhà YN, thấy “bả” đang ngồi nhìn ra đường, mái tóc xõa tung bốn phương, khuôn mặt đẹp như thiên thần không biết buồn hay vui. Bèn không dám chào nữa, lẳng lặng vào kéo ghế ăn chè chùa vậy.

Kết quả kỳ thi thật dễ chịu: Tôi đậu hạng bình, thằng Lê Hợi và thằng Châu Toàn Huệ đậu hạng thứ. Thằng Huệ thật có hiếu, lấy chiếc xe đạp chở tôi ra biển Cửa Đại ngồi chơi, đi ăn chè đậu đen bà Chỉ rồi về. Mặt hăn tươi như những bông tường vi thầy CDC trồng nở khắp trong vườn nhà hăn. Hăn hỏi: “Mi ghi danh học ban nào?”. “Ban C” - tôi đáp. Ban C là ban văn chương, chủ yếu là văn chương Việt Nam, tiếng Pháp và tiếng Anh. “Tau cũng học ban C như mi” - thằng Huệ nói.

Bạn thân mến, đó là lần đầu tiên trong đời, tôi... tham nhũng! Bề nào thì tôi cũng ăn của đút do hai thằng bạn hiếu kính. Tôi không tốn một đồng nào để mua những thức ăn ấy mà. Nếu mai sau, tôi trở thành một thứ công chức tham nhũng thì cũng do hai thằng này dạy tôi phải “ăn”. Dù tôi không đòi hỏi nhưng những thằng này đã... đút cho tôi ăn sau khi cho chúng coi bài hoặc giúp chúng giải bài trong kỳ thi trung học. Ăn “*cơm vua*” phải *vừa*¹ việc nước - tục ngữ dạy vậy. Từ đó, tôi cứ mang thêm thằng Huệ trong cuộc thi tú tài 1 sau này.

1. Vừa: làm, ôm lấy mà làm.

Ban nhạc Ngũ Hành Sơn



*N*gũ Hành Sơn là tên năm cụm núi nằm bên vịnh Đà Nẵng thuộc làng Hòa Hải, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Ngày ấy, Đà Nẵng trực thuộc Quảng Nam, chỉ là thành phố nhỏ của một tỉnh lớn. Người Quảng Nam quen gọi năm cụm núi ấy là Non Nước. Dưới chân núi này, biển xanh đẹp như ngọc. Hàng phi lao - người Quảng Nam gọi là dương liễu, chắn cát và chắn gió, mát không thể chê vào đâu được.

Cuối năm đệ tứ, sau kỳ thi, tôi được đi họp trại ở đó một lần. Có lẽ đó là lần đầu tiên trong đời, tôi được đi chơi xa. Thật ra, con nhà nghèo như chúng tôi không bao giờ có đủ tiền để đi chơi xa một mình. Cuộc họp trại dành cho các học sinh giỏi là cơ hội để chơi xa, giao lưu và gặp gỡ các bạn học sinh Phan Châu Trinh, Đà Nẵng.

Ngũ Hành Sơn để lại trong tôi những ấn tượng khó quên. Nó không đơn giản chỉ là khung cảnh tươi đẹp của một thắng cảnh nổi tiếng. Nó chính là sự gợi mở cảm hứng trong tâm hồn con người lãng mạn như tôi. Chẳng vậy mà ba năm sau, tôi đã một mình lên núi này và viết *Lên Non Nước*:

*Trưa im bóng ngả chân đồi,
Hồn phiêu du bước đưa người lên non.
Mùa thơ đại cũ rêu mòn.
Mây đi, nước lạc, non còn đứng trông.
Ruộng bình nguyên cỏ mênh mông.
Sầu xưa đến bóng chim hồng cũng xa.
Ôm cây khóc với sơn hà,
Ôm rừng xưa ngủ nhớ hoa nhớ người.
Tám phương lồng lộng mây trôi,
Lòng ta riêng chỉ ngậm ngùi một phương.*

Năm đệ tam, tôi chọn học ban C - ban văn chương. Tôi chọn ban C, vốn là một ban chỉ nhằm đào tạo ra những anh ăn chơi, nói dóc, viết lách chút đỉnh. Bạn biết đấy, dân Quảng Nam rất yêu thơ và rất thích làm thơ. Thành phố Hội An có nhiều nhà thơ trẻ là học sinh Trần Quý Cáp.

Tại thị trấn Vĩnh Điện, bạn đi bảy bước đã gặp một nhà thơ. Tôi cũng mê thơ và tập tễnh làm thơ. Nói thì nói vậy nhưng tôi vẫn mong sẽ học xong đại học và ra trường làm giáo sư dạy triết học lớp đệ nhất. Con

đường ấy chỉ còn bảy năm nữa. Tôi đã... học trước với cha tôi và bác ruột tôi môn Hán văn để làm nền cho việc nghiên cứu văn chương Việt - Hán và triết học Đông phương sau này.

Năm đệ tam là năm người ta quởn¹ nhất. Hễ thừa giấy thì vẽ voi; tôi thừa thời gian nên cứ la cà ca hát. Thời ấy có ông Đỗ Nhuận làm chương trình phát thanh của Ty Thanh niên trên Đài Phát thanh Quảng Nam. Biết tôi nghèo, ông Nhuận thơm thảo tặng cho tôi một chiếc xe đạp dàn ngang cũ. Tôi có năm mơ cũng chưa bao giờ dám mơ mình có được chiếc xe đạp. Ấy vậy mà tôi lại có một chiếc xe! Sửa sang một chút, chiếc xe đã trở thành một món đồ quý hiếm với tôi. Từ đó, tôi có xe đi.

Một hôm, ông Nhuận bàn với tôi nên lập một ban nhạc hát trong chương trình này mỗi tuần 30 phút. Một ban nhạc? Ý tưởng thật hay nhưng ngặt nỗi chúng tôi không có nhạc cụ xứng đáng để có thể chơi thành ban nhạc chính quy. Ông Nhuận cung cấp nhạc cụ. Tôi phân công tôi chơi mandoline và guitare solo; Châu Văn Hội chơi trống và guitare accord; Lê Phổ chơi dàn âm gõ. Tôi mời thêm các bạn trong trường tham gia hát. Ban nhạc Ngũ Hành Sơn ra đời tháng 11-1964. Ngọc Bội là giọng ca nữ duy nhất của ban. Về sau, Đĩnh Trầm Ca - sau này là nhạc sĩ, cũng tham gia hát. Tiếp theo là hai anh em Hồ Luân và Hồ Kế.

1. Quởn: Rảnh rỗi.

Lỗ Tấn nói: *"Xưa kia không có đường, người ta đi lại nhiều mà thành đường"*. Tôi giờ hết sách vở soạn nhạc nền (arrangement) ra, học lại mớ lý thuyết hỗn độn ấy rồi... viết đại hòa âm cho từng bản nhạc. Thu thanh thời đó là thu trực tiếp, cả kênh ca và kênh nhạc cùng vào máy một lúc. Máy thu là magnétophone chạy bằng 1800 feet. Nếu chỉ sai một chi tiết nhỏ, thí dụ như phát âm không rõ một từ, thì phải bỏ hết bài hát đó để làm lại từ đầu. Đài lại chỉ có ba chiếc micro sắt, việc cân chỉnh âm thanh thật khó. Thế nhưng, tuổi mới lớn có thừa tinh thần... liều mạng. Chúng tôi chơi đại.

Buổi phát thanh đầu tiên, ban nhạc chơi năm bài. Ông Nhượng trả thù lao một trăm đồng. Chúng tôi kéo nhau vào cà phê tiêu xài hết tiền rồi mới giải tán. Tối đó mở radio nghe lại, tôi nhắm mắt hình dung từng chỗ hay, chỗ dở của từng bài. Và tôi điều chỉnh lại, theo ý mình.

Đài Phát thanh Quảng Nam dời về Ty Thông tin, cuối đường Phan Châu Trinh, cạnh trường Trần Quý Cáp. Ký giả Đường Thiên Lý (tức nhà báo Lê Văn Sâm) làm quản đốc đài. Ông đề nghị ban Ngũ Hành Sơn chơi cho đài mỗi tuần một chương trình 30 phút nữa. Tôi đồng ý. Thế là cả bọn có... việc làm và có tiền một cách ngay ngắn, đầy tính văn hóa - văn nghệ!

Trong hai năm 1964 - 1965, ban nhạc Ngũ Hành Sơn chơi trên Đài Phát thanh Quảng Nam, được nhiều người ưa thích. Tôi mày mò viết những ca khúc mới,

dem đến cho hai thầy Lê Chấn Quang và La Gia Đình duyệt trước và chỉ dẫn thêm cho về chuyên môn hành âm. Những bài hát đầu tiên của tôi ra đời như thế.

Trước đó, chúng tôi chỉ hát những bài tình ca của Phạm Duy, Văn Cao, Hoàng Giác, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn... trên đài. Nhìn một cách nào đó, những ca khúc tôi viết ra gần gũi với tuổi vào đời của chúng tôi hơn là những ca khúc có sẵn của thời đó. Sau này, tôi mới biết những bài ấy tình ý chân thành thì có thừa nhưng kỹ thuật âm nhạc thì non kém. Tuy nhiên, được cái là những suy nghĩ, ý tưởng trong các ca khúc do tôi viết ra lại rất gần gũi và gắn liền với tuổi của chúng tôi. Trong cái non dại hồn nhiên, có một cái gì đó rất hiện thực.

Bạn tôi



Dường Phan Châu Trinh thành phố Hội An có chùa Tỉnh hội Phật giáo và chùa Bà Mụ. Đó là con đường thẳng và đẹp, quanh năm gần như im ắng. Khu vực chùa Bà Mụ có những ngôi nhà nhỏ, mùa xuân nở rộ bóng tường vi. Bạn của tôi, ở trọ trong một căn phòng trên một đường kiệt (hẻm nhỏ) của con đường ấy. Bạn học dưới tôi hai lớp, ở trọ cùng nhà với một bạn cùng học lớp tôi. Nhà của bạn trọ không cách xa ngã tư Lê Lợi - Phan Châu Trinh bao nhiêu.

Lên lớp đệ tam, tôi đã tương đối có tiền, thường đi uống cà phê ở cà phê Đạo ngay ngã tư. Thế nhưng, tôi ít khi dám đến thăm bạn dù chúng tôi là bạn bè của nhau. Vả chăng, cũng chẳng có gì để phải đến thăm nhau bởi hai chúng tôi chiều thứ Bảy nào cũng đi bộ chung về nhà và chiều Chủ nhật nào cũng đi bộ chung từ nhà qua

Hội An. Bạn thật kín đáo và hay mắc cỡ. Tôi cũng không khác gì hơn. Ngày ấy, người ta thường giấu đi những tình cảm của mình. Vả chăng, cái nhìn của người Hội An thường là rất nghiêm khắc đối với những mối quan hệ trẻ. Tôi muốn giữ cho bạn, cho tôi một thế giới riêng nên ít đến chơi với bạn.

Bạn tôi thật hiền, có đôi mắt thơ mộng nhất tỉnh Quảng Nam. Mái tóc bạn đẹp, óng ả một cách khác thường. Khác với những người bạn gái cùng trang lứa, cùng học một cấp lớp, bạn tôi sống khép kín, không tham gia một hoạt động tập thể nào. Tôi thấu hiểu điều đó hơn ai hết bởi chúng tôi cùng có một quê nhà và từ quê nhà ấy mà ra đi. Cha của bạn đã qua đời trong chiến tranh, một cuộc chiến tranh khốc liệt đầy rẫy những oán thù. Tôi đau chung niềm đau của người bạn nhỏ. Tôi thương bạn thật nhiều nhưng không hiểu phải nói lời gì để chia sẻ tâm trạng đau thương ấy.

Chúng tôi cùng đi học qua những con đường quê rất nhiều năm. Chúng tôi đi mà không nói với nhau một lời. Viết lên những điều này có làng quê, đồng lúa, nương dâu làm chứng cho tôi: Niềm xúc động thiêng liêng và thánh thiện nhất đầu đời của tôi là để dành riêng cho bạn. Và tôi biết bạn cũng dành cho tôi niềm xúc động thiêng liêng và thánh thiện nhất đầu đời của mình. Tôi luôn cảm thấy hạnh phúc và muốn giữ kín điều ấy trong lòng như giữ một bảo vật.

Thời chúng tôi mới lớn lên, tâm hồn tràn đầy những hương hoa của văn chương Tự Lực văn đoàn và giai điệu âm nhạc tiền chiến thơ mộng. Hai thứ ấy như hai liều thuốc chủng ngừa tinh thần, hướng tuổi trẻ chúng tôi đến những suy nghĩ lãng mạn nhưng cao đẹp. Đối với tôi, hai thứ ấy là lý tưởng để tôi yêu mến cuộc sống và vươn tới tương lai. Có một lần trong đời, tôi cao hứng hứa với bạn sẽ trở thành nhạc sĩ, sẽ viết những bài tình ca cho bạn. Và tôi đã làm được điều ấy, bắt đầu từ những năm tôi đôi mươi.

Bạn sống thật lặng lẽ. Một ngày Chủ nhật tháng hai năm 1964, tôi đến thăm bạn. Mùa xuân đang đến bên cửa sổ, một chút nắng sớm tươi đẹp hiếm hoi vừa đến với thành phố sau mùa đông giá lạnh. Bạn mỉm cười chào tôi: “Em phơi áo. May quá, hôm nay có nắng, em phơi áo”.

Qua khung cửa sổ nhỏ, tôi nhìn bạn treo những chiếc áo dài đi học, áo ngắn ở nhà lên sợi dây kẽm căng ngang. Có lẽ mùa xuân vui, nắng xuân mới về khiến tâm hồn bạn vui hơn một chút. Nụ cười hàm tiếu đã nở trên đoá môi hồng của bạn. Hình tượng ấy khiến lòng tôi xúc động và tràn đầy cảm hứng. Tôi làm bài *Thơ tháng Hai* đăng trên tạp chí *Ngàn Khơi* tặng bạn. Bài thơ đi lạc khỏi tâm hồn tôi đến 47 năm. Tôi gần như quên mất nó cho đến năm sáu mươi ba tuổi, tôi tình cờ tìm thấy nó trên mạng Internet.

Tôi xa bạn cuối năm đệ nhị, vào giữa tháng 8 năm 1965. Từ đó đến nay, tôi chưa hề gặp lại bạn, mà nếu có gặp nhau thì cũng chưa chắc đã nhìn ra nhau. Thời gian đã xóa đi bao nhiêu đường nét tươi đẹp của hình ảnh cũ. Thời gian đã xóa đi tuổi thơ, niềm vui giản dị, những ngày thơ mộng đầu đời. Có lẽ, những đường nét ngây thơ, trong trắng ấy không còn trong đời này nữa nhưng trong tôi vẫn còn hình tượng thân yêu của bạn.

Tôi nghĩ hai chúng tôi như cặp cá hanh trắng của sông Thu, chỉ có thể gặp nhau ở vùng nước chè hai - nơi thủy triều của biển vốn rất mặn gặp gỡ dòng nước ngọt của thượng nguồn sông Thu đổ về. Quê nhà chúng tôi ở cuối sông Thu - nơi hai dòng nước gặp nhau, tạo thành vùng nước chè hai. Nếu ra khỏi cái vùng nước ấy là người ta mất tất cả. Là không bao giờ, đôi ta còn thấy nhau nữa. Câu thơ của Apollinaire *"Nous ne verrons plus, sur terre"* – *Rằng đôi ta không còn nhìn nhau nữa/ Cõi trùng lai không có ở trên đời* ám ảnh mãi tâm hồn tôi. Bạn cũng thích câu thơ ấy.

Tôi không gọi đó là tình yêu. Tôi cũng không gọi đó là tình bạn thuần túy. Nó kết tinh lóng lánh, vượt lên trên cả tình yêu và tình bạn. Nó là chất ngọc của đời người. Tôi gọi đó là sự hòa quyện những cảm xúc trong sáng nhất, ban sơ nhất của mỗi đời người chúng tôi. Nó thoáng qua ngắn ngủi, như có như không giữa đời người nhưng thật cao đẹp và thuần khiết. Nó làm nên

tâm hồn tôi, dĩ vãng tôi. Nó đóng dấu hình tượng bạn vào tâm hồn tôi, mãi mãi một đời.

Các đài phát thanh nước ngoài, mạng Internet và báo chí thù dệt nhiều lời đồn đãi, đưa ra nhiều phỏng đoán về hình tượng người bạn trong âm nhạc của tôi qua ca khúc *Thu, hát cho người*. Người ta phỏng đoán và thậm chí là gán ghép cho rằng tôi say mê một phụ nữ nào đó ở cách quê nhà khoảng bảy chục cây số. Quyền của người ta là nói và viết. Cô gái tôi thương yêu là người bạn nhỏ của tôi ở cuối sông Thu. Tôi không bao giờ muốn cải chính bởi tôi không biết phải cải chính thế nào và có cải chính cũng chẳng ai tin. Người ta đặt ra quá nhiều giả thuyết, quá nhiều lời đồn đãi. Quyền của tôi là giữ lại một góc riêng tư, một khoảng trời hồn nhiên, thơ mộng cho chính mình. Và cả cho em nữa, bạn tôi ạ. Vì vậy, tôi không muốn lên tiếng cải chính hay nói lại cho rõ.

Tôi không giỏi vi tính, không lập trang web, không viết facebook, không ghi blog, không chat với ai. Tôi né hẳn những giao du qua mạng. Những điều được đưa trên mạng internet hay báo chí là do những người hâm mộ viết ra. Ít ai đến gặp tôi để hỏi. Mà dẫu có thì tôi cũng không muốn nói rõ bạn tôi là ai. Điều chắc chắn là bạn tôi không phải là người phụ nữ mà báo chí thường nhắc đến. Chuyện chỉ có hai chúng tôi biết và đó là một giai đoạn thăng hoa nhất của tâm hồn thơ đại.

J' ai cueilli ce brin de bruyère.

L' automne est morte, souviens t' en.

*(Tôi ngắt đi một cụm hoa thạch thảo.
Mùa thu chết rồi, em nhớ cho).*

Apollinaire đã viết như thế. Và hai chúng ta cũng chỉ có thể nói với cuộc đời như thế. Em đi với ai, em sống với ai - tôi không biết. Tôi vẫn luôn luôn cầu mong cho em được sống một đời bằng an, hạnh phúc. Em xứng đáng được hưởng sự bằng an, hạnh phúc. Trong lòng tôi, vẫn sáng lung linh hình tượng thơ ngây, hồn nhiên của em ngày cũ. Tôi yêu hình tượng ấy.

Tôi phân biệt rất rõ hai khái niệm hình tượng và hình ảnh. Ngay trong thời anh em mình mới lớn lên, tôi cũng chẳng bao giờ nhìn rõ hình ảnh em. Nhưng tôi nhớ hình tượng ấy. Và chỉ cần như thế là đủ, cho cả một đời người, một kiếp người.

Cơn lũ 1964



Năm 1964 là năm Giáp Thìn. Người Quảng Nam vẫn tin rằng năm Thìn là năm bão lụt lớn bởi biểu tượng của nó - con rồng, là linh vật chuyên làm mưa. Trong đời mình, tôi đã chứng kiến một cơn lũ lụt kinh hoàng như vậy vào tháng 12 năm 1964.

Như đã nói, làng quê tôi là nơi hợp lưu của ba dòng sông lớn của tỉnh Quảng Nam: sông Thu, sông Ly Ly và Trường Giang. Mỗi năm mùa lũ tới, đặc biệt là từ tháng 10 dương lịch trở lên, quê tôi trở thành cái rốn lũ của tỉnh Quảng Nam. Nước từ thượng nguồn theo ba dòng sông lớn về đây ào ạt tuôn ra cửa biển. Nước chảy không kịp. Do vậy, nước tràn ra bốn bề, gây lũ.

Một buổi chiều tháng 12 năm 1964, trời mưa lớn và mưa liên tục. Hôm ấy, anh Tám tôi còn đi học xa chưa

về. Theo kinh nghiệm những năm trước, tôi nghĩ nước lũ sẽ vào nhà. Nhà tôi có nền cao, nước mấy năm trước tràn vào nhà thông thường chỉ ngang tới rốn. Trước đó, cha mẹ tôi mua về mấy chục bao xi-măng. Tôi vác tất cả số xi-măng đưa lên cao và an tâm chờ cơn lũ tới.

Thế nhưng, 5 giờ chiều, nước bỗng tràn về như thiên binh vạn mã. Tốc độ nước dâng lên thật nhanh khiến người ta nghĩ có một hồ đập nào đó trên thượng nguồn bị vỡ và hàng tỷ mét khối nước đang tràn về hạ du. Xa xa trong những thôn xóm yên bình ngày nào, có tiếng kêu cầu cứu thất thanh. Nước như một bầy ngựa bất kham từ trời phi xuống, chảy với tốc độ kinh hoàng; cuốn theo nhà cửa, tủ giường, heo bò...

Tôi bất lực nhìn nước lên nhanh, thấm ướt cả cái kệ cao để mấy chục bao xi-măng, chụp lên luôn cả cái vựa muối vốn kỵ nước. Những người thanh niên có kinh nghiệm chống bão lũ trong xóm giăng dây thừng qua chợ, cột vào những cây sào đông. Họ bám theo những sợi dây đó, chống xuống vào từng nhà, cứu mạng những người già, em bé.

Cha mẹ tôi được xuống chở ra khỏi nhà lúc 7 giờ tối. Tôi và đứa em út mới mười hai tuổi tình nguyện ở lại giữ nhà, đưa con chó lên gác. Gác gồm bốn tấm ván, bắc sơ qua hai cây trính của nhà. Chúng tôi không quên cầm theo một cây rựa, sẵn sàng trổ mái nhà thoát lên ngòi trên ấy.

Đêm tối mịt mù. Nước lên đã ngập hết cửa lớn của nhà tôi. Ngồi trong nhà, tôi lắng tai nghe trong mưa gió mùa đông tiếng nước lũ ầm ầm chảy, tiếng những người bị nạn kêu cứu. Và tôi thấy hết cái bất lực của đời người, cái đau thương của bà con quê tôi. Trước thiên nhiên hung bạo và vô tri, số phận con người mỏng như sợi tơ, có thể đứt bất cứ lúc nào không biết.

Tôi thắp cây đèn dầu, thức nguyên đêm ấy. Đứa em trai và con chó ngoan ngoãn nằm ngủ. Nước dâng, chỉ còn cách mặt ván trên một tấc tây. Tôi dự định nếu nước dâng lên tới mặt ván, tôi sẽ dùng cây rựa phá mái nhà. Hai anh em và con chó sẽ lên ngồi trên nóc nhà và cất tiếng kêu cầu cứu. May mắn, khoảng 1 giờ sáng, mưa tạnh, nước không lên nữa.

Bình minh lên. Một bình minh ảm đạm, nặng như chì. Mưa đã ngừng nhưng trời tháng 12 lạnh như cắt da cắt thịt. Nước đã vào tràn đầy nhà tôi, nhấn chìm tất cả mọi thứ tài sản của cha mẹ tôi. Tôi đánh thức em dậy, bảo trông con chó. Và tôi quyết định phá nóc nhà.

Tôi đưa em tôi lên trước, dẫn em ngồi dạng hai chân ra theo hình chữ A của mái ngói. Tôi bồng con chó lên cho em giữ và tôi lên sau. Trời ơi, làng tôi và những làng lân cận chỉ còn là một biển nước vàng mênh mông. Nước đã nhấn chìm tất cả mọi thứ. Những ngọn tre cao nhất trên biển nước ấy chỉ còn phơ phất như ngọn rau muống trong ao.

Nước trôi băng băng. Trâu bò, heo gà trôi theo về hướng biển, cất tiếng kêu thống thiết. Cả tỉnh Quảng Nam là một đại dương bao la, không còn nhận ra đâu là làng xóm, đâu là nhà cửa. Mái nhà tôi chỉ cao trên mặt nước khoảng một mét rưỡi.

Anh Hai tôi cùng bốn người thanh niên bám theo những sợi dây thừng đã căng sẵn, đến đón tôi, thằng em út và con chó ngoan đi “tỵ nạn”. Nỗ lực của hai anh em tôi ở lại giữ nhà và cứu chút tài sản nhỏ nhoi của gia đình trở thành công cốc. Nơi chúng tôi đến là một ngôi nhà lầu cao nhất trong làng. Ở đó, hàng trăm bà con khác đã đến.

Trong khó khăn hoạn nạn, gạo được góp chung vào để nấu cơm. Thức ăn thì quá đổi ngon lành. Những con bò, con heo trôi ngang qua đó bị những người đàn ông bắt lại và làm thịt. Một điều giản dị là người ta không biết chủ nó ở đâu mà trả về và cứ để cho chúng trôi thì chúng cũng chết trong dòng nước hung bạo này. Không còn thì giờ để làm lòng, người ta vớt lòng, vớt đầu những con vật bị nạn, chỉ giữ lại phần thịt. Những người phụ nữ cứ thế mà cắt thịt ra, xào thịt bò, kho thịt heo. Ai thích thì cứ ngồi ăn thịt không, đừng ăn cơm. Người ta sang đến nỗi không thềm bắt gà vịt làm thịt bởi chẳng ai có thì giờ mà nhổ lông, cắt tiết.

Nghe radio nói mới biết ở đâu đó trên Trung Phước - một làng miền núi, có một thung lũng bị vỡ. Nước từ thung lũng tuôn ra, xóa sổ hẳn một làng, làm nhiều bà con tử nạn.

Cơn lũ Giáp Thìn 1964 ngâm cho ba ngày, phá nát toàn bộ hoa màu, giết toàn bộ bầy gia súc gia cầm của tỉnh, làm kinh tế tỉnh Quảng Nam kiệt quệ. Khi nước rút đi, có nơi độ lằng của bùn non lên đến ba tấc, dẻo quẹo như mạch nha.

Trước hết, tôi tham gia cùng các anh thanh niên đi chôn cất những người không may chết đi. Xác họ nằm vất vẻo trên các bụi tre, phải khó khăn lắm mới đưa xuống được. Có người còn cắn cước, có thể báo lại cho thân nhân. Có người trong bụng không mảnh giấy lộn, chẳng biết báo tin cho ai. Thương nhất là những gia đình biết mình chết, tự cột tay nhau để được cùng chết bên nhau. Nghĩa tử là nghĩa tận, chúng tôi chôn cất những bà con xa lạ mà không cầm được nước mắt.

Rồi điều đáng sợ không ai ngờ tới đã xảy ra. Xác trâu bò chết không trôi ra tới biển, gặp lúc triều lên lại trôi ngược dòng về làng tôi. Vài ba ngày sau, xác chúng bắt đầu phân hủy; mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Thật khó khăn khi phải vớt những con trâu nặng cả tấn lên bờ và thiêu hủy chúng đi. Bởi sau cơn lụt, cái thiếu nhất vẫn là củi đốt.

Tôi ở làng mấy ngày, đợi cho nước xuống hẳn mới qua lại Hội An nhập trường. Năm ấy, tôi đang học đệ nhị, đợi đến tháng 6 năm 1965 thì thi tú tài 1. May mắn, những bạn bè trong lớp vẫn còn đầy đủ. Thế nhưng, ai cũng trở thành con nhà nghèo. Bởi qua mùa lụt kinh hoàng của năm ấy, không một gia đình nào còn món tài sản gì quý giá. Bạn của tôi mất người cha thân yêu.

Văn hóa bấp đùi



Tháng 6-1965, tôi thi tú tài 1 ban C. Không hiểu làm sao mà ngay từ khi vào lớp đệ tam, tôi lại chọn học ban C - ban Văn chương và Ngoại ngữ. Đối với nhiều người thời ấy, ban C chỉ là... ban ăn chơi, nói dóc, hoàn toàn không có một định hướng nào rõ ràng cho tương lai.

Bạn bè tôi nhiều người mơ ước trở thành bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư các ngành nên sau khi tốt nghiệp trung học, họ đã chọn ban A - ban Lý Hóa Vạn vật hoặc ban B - ban Toán. Tôi thì chỉ耿耿 ngơ say mê hai môn “đồ chơi” là Văn chương và Triết học. Cho nên, tôi học ban C. Tôi chỉ mong ngày mình lớn lên, trở thành giáo sư dạy Triết ở bậc trung học. Hình tượng người giáo sư trung học trong tôi rất lớn. Thời đó, khái niệm giáo sư



(professeur) đã có từ bậc dạy trung học, khác hẳn học vị giáo sư ngày nay.

Vâng, ông giáo sư trung học dạy môn Triết tại trường trung học tương lai đã phải trải qua một thời kỳ vất vả. Lên lớp đệ tam, tôi chủ yếu... ăn chơi nháy múa quanh năm. Ai rủ đi đâu, tôi cũng đi. Không có đình chùa nào tôi không vác mặt đến, không có cuộc vui nào tôi bỏ quên. Tôi lại dẫn ban nhạc xi lô cổ¹ đi biểu diễn các nơi. Khác xa với thời “sôi kinh nấu sủ” đệ tứ, năm đệ tam là năm người ta... hưởng nhàn, thư giãn. Tôi bỏ hết năm đệ tam cho chuyện vui chơi, chỉ học cầm chừng và đọc sách tưng bừng. Mà sao tôi mê sách quá vậy? Qua năm đệ nhị, tôi mở công suất học như trâu, chăm chỉ một cách thái quá để thi tú tài 1.

Thời ấy, thằng con trai nào vô phúc rớt tú tài 1 là trại lính của chế độ cũ sẽ “rước” ngay. Không biết con nhà giàu nhà sang ra sao chứ con nhà nghèo là phải khăn gói vào tận Đồng Đế (Nha Trang) cầm súng học các món lăn lê bò toài và ra trường với hai cái lon nhọn nhọn trung sĩ trên ve áo. Mà trung sĩ thì rất cay chua bởi lính không ra lính, quan chẳng ra quan. Có một đoạn thơ làm chứng của Cung Văn Nguyễn Vạn Hồng về thân phận anh chàng trung sĩ như vầy:

Rớt tú tài, anh đi trung sĩ.

Em ở nhà, lấy Mỹ nuôi con.

1. Ban nhạc xi lô cổ: Tiểu hòa tấu, gọi theo tiếng Quảng Đông; chuyên chơi đám ma, đám cưới.

Mai này, yên chuyện nước non.

Anh về, anh có Mỹ con anh bằng.

Tôi chẳng muốn đời mình dừng lại ở ngõ cụt đó. Tất nhiên, tôi cũng chẳng ham bằng Mỹ con, Mỹ cháu chút nào. Khi lên đệ nhị, tôi tiếp tục học chăm chỉ như thời đệ tứ. Phải học để thi đậu tú tài 1 và tú tài 2.

Ngày ấy, tôi có một nhận định sai lầm. Tôi cho rằng tiếng Anh là tiếng của... đế quốc Mỹ nên đâm ra thù ghét nó, chọn sinh ngữ chính là tiếng Pháp. Lên đệ tam chọn ban C, tôi phải học hai sinh ngữ Pháp văn và Anh văn, lại vẫn ghét tiếng Anh dù tiếng Anh thuộc hệ số 2. Thi tú tài 1, Văn học Việt Nam hệ số 3, Pháp văn hệ số 3, Anh văn hệ số 2 cùng với Sử, Địa lý và Công dân giáo dục. Còn lại bốn môn ăn chơi Toán, Lý, Hóa và Vạn vật học đều hệ số 1.

Bởi bốn môn ấy điểm hệ số 1 nên trong lòng các cô cậu học trò không khỏi có chút rẻ rúng trong khi học và cả trong khi thi. Ngay đến một nhà nho chăm chỉ như tôi mà vẫn cứ nghĩ lấy điểm học bài từ ba môn Công dân, Sử ký và Địa lý là dư sức bù điểm kém cho bốn môn khoa học còn lại. Ấy, cái não trạng dân ban C nó hạn hẹp góm ghiếc như vậy đó.

Khóa thi tú tài 1 mở ra tháng 6 năm 1965 trên toàn tỉnh Quảng Nam có khoảng 1.200 thí sinh dự thi. Thời chúng tôi thi, đề thi là đề thống nhất toàn quốc của Bộ Giáo dục. Thôi thì cả năm non, bảy núi đều tề tựu về

Hội An ứng thí. Tôi biết thế nào sau khóa thi này cũng có ít nhất mấy trăm thằng phải ca bài ca trung sĩ. Tôi đi thi với tâm trạng tự tin, hưng phấn. Dẫu sao, tôi cũng là một thằng con nhà nghèo chăm chỉ. Số báo danh của tôi là 594.

Ngồi bên trái của tôi, sát trong vách tường là bạn gái MH, không biết học sinh trường nào nhưng dáng vẻ rất... tân thời. Bạn gái đi thi thường mặc áo dài trắng đi học nhưng cô bạn này lại chơi đồ đầm. Ngày ấy, tôi thường ngại những bạn gái như vậy. Ngồi sau lưng tôi vẫn là thằng Châu Toàn Huệ, con của thầy giám thị CDC. Như lệ thường, trước ngày thi hẳn đã sang nhà tôi ở để cưỡi cầu tài năn nỉ cho xem bài thi và giúp cho hẳn làm bài thi. Tôi nói: “Tau đồng ý. Tau để bài thi ra phía tay trái, mi chép chi đó cứ chép”. Chỉ với một lời hứa như vậy mà trong bốn ngày thi, sáng nào hẳn cũng mua xôi gà “cúng” cho tôi ăn, chiều nào hẳn cũng rủ tôi đi ăn chè bà Sở. Cái thằng thiệt dễ thương và hiếu thảo hết sức!

Buổi đầu tiên vào phòng thi, cô MH chủ động làm quen với tôi. Lời oanh thủ thỉ mà rằng: “Anh giúp em chia động từ môn tiếng Pháp với nghe. Em dở môn này lắm”. Trời ạ, trước nay đa phần thiên hạ kêu tôi là thằng này thằng nọ, kể cả thằng *nhà quê cứt dê kêu thuốc tễ, hũ bể kêu hũ lành, củ hành kêu củ nghệ*. Cho đến hôm ấy mới có một bạn cùng lứa tuổi xưng em với tôi và gọi tôi là anh. Tôi vừa xấu hổ vừa sung sướng, như anh nghị gật, gật đầu lia lịa. Nào có mất mát gì đâu, tôi cứ để bài

thi tên hên hơ ra đó, đưa mô chép cứ chép. Thăng Huệ phía sau dòm tới, cô MH bên trái “địa” sang là được. Cũng chẳng ảnh hưởng chi đến hòa bình thế giới.

Nhưng bạn gái không chỉ “địa” mỗi một môn Pháp văn. Từ tiếng Anh, Địa lý, Công dân, Sử thế giới, Vạn vật học... môn nào cô cũng “địa” tốt lướt. Tội nghiệp, cô bặm môi, chép bài một cách hết sức chăm chỉ. Thầy giám thị liếc nhìn xuống, cô ngồi yên như một nhà thơ lớn đang suy tư đề tài, đi tìm vần điệu. Tôi liếc qua thử, thấy cô ghi sai tên của các nhân vật trong cuộc cách mạng Pháp 1789 mà không biết làm răng để giúp đỡ. Thăng Châu Toàn Huệ ngồi phía sau thì tôi không biết làm sao để ngó lui.

Còn lại ba môn Toán, Lý và Hóa học thi ngày cuối cùng thì cô MH nhăn nhó kịch liệt. Cô hỏi tôi: “Anh học ba môn nớ có kỹ không?”. Tôi nói: “Tui chỉ học lơ phơ, chưa chắc đã giúp MH được”. Sau một hồi nhăn nhó, cô cười: “Đã có cách rồi. Nhưng anh không được cười em đó nghe”.

Ngày thi cuối cùng, MH mặc bộ váy trắng dài đi thi, cứ y như là nàng Bạch Tuyết đi dự hội nghị với bảy chú lùn. Tiếc rằng phòng thi không có được bảy chú lùn. MH nói với tôi một cách chắc nịch: “Bữa nay, em có thể cho anh... coi”. Câu nói nửa úp nửa mở khiến tôi mơ hồ, không hiểu coi là coi cái giống gì. Tôi lại càng đỏ mặt, tía tai vì mắc cỡ.

Đến giờ thi môn toán, tôi đọc qua đề thi, còn đang loay hoay với câu hỏi phương pháp tìm đạo hàm thì một... phép lạ xảy ra. MH bắt đầu ghếch chân trái qua chân mặt và gọi nhỏ: “Anh Hợi coi đi”. Tôi còn đang ngơ ngác thì cô sè sẹ kéo cái váy maxi lên gần tới đầu gối. Trời ơi, tôi dị chi mà dị. Hóa ra cô chơi bùa ngải rừng thiêng. Toàn bộ hình vẽ môn hình học và các công thức của môn đại số đều được MH dán bằng băng keo đầy cả hai bắp chân. Tôi vốn là nhà nho thông minh (?) “địa” sơ một phát đã nhớ lại phương pháp tìm đạo hàm, vội vã cúi xuống tờ giấy thi viết lia lịa.

Nói nào ngay, tôi cũng rất mắc cỡ khi nhìn... chân giò của một người bạn gái mới quen. Ngày đó chưa có khái niệm “chân dài” ra đời, các bạn gái cũng ít khi dám mặc quần ngắn nên nói thật tôi không hiểu chân cẳng bạn gái ra làm sao. Cho nên, đây là lần đầu tiên, tôi nhìn thấy chân giò của MH mà nhìn đến... hai lần; một lần để nhớ lại phương pháp tìm đạo hàm môn Toán, một lần để chép một công thức Hóa học. Nếu không có chân giò của MH, tôi đã mất hai điểm tròn. Dù Toán và Hóa học của bạn C chỉ hệ số 1 nhưng mất hai điểm tròn quả thật uổng phí một đời trai. Cái đó kêu bằng vì hoàn cảnh bó buộc và vì chủ nhân cho phép mà phải nhìn chân giò bạn gái chứ không phải vì háo sắc!

Vả chăng, cũng chẳng có sắc gì ở đây để háo bởi cặp chân giò đó không còn hở hang da thịt nữa. Chúng đã được băng bó tùm lum tà la bởi những công thức,

định nghĩa, định đề, công lý và hình vẽ chẳng chịt. Chúng là hiện thân của Toán, Vật lý và Hóa học. Chúng đích thực là một cặp giò văn hóa, dù là văn hóa quay cóp. Và người nhìn cặp giò ấy cũng là một người có văn hóa vậy!

MH chiếu phim rất khoa học. Hễ thấy thầy cô giám thị bắt đầu đi rôn¹, cô sẽ sẹ thả chân xuống. Khi thầy cô trở lại ghế ngồi, cô lại sẹ sẹ gác chân lên. Cứ vậy mà cô làm bài thi. Sau khi thi xong, MH hỏi tôi: “Em có giúp anh được cái chi không?”. Tôi thành thật nói: “Có. Được hai câu, một Đại số, một Hóa học. Nếu không được MH giúp, chắc tui mất hai điểm rồi. Nhưng tui lo cho MH quá”. Cô cười: “Em sợ đến run bắn người lên. May mà các thầy giám thị không thấy”.

Tôi đậu tú tài 1 hạng bình thứ. Thành tích này có vẻ kém hơn so với khi thi lấy bằng trung học. Năm học sau, tôi sẽ lên lớp đệ nhất và thi tú tài 2. Lại phải nấu sủ sôi kinh như đã từng sôi kinh nấu sủ. Thế nhưng, ngày 20-8-1965, tôi bị Trung tâm Tình báo tác chiến của Quốc Dân đảng Quảng Nam bắt giữ tại quán cà phê Đạo, ngay ngã tư Lê Lợi - Phan Châu Trinh. Từ biến cố đó, cuộc đời tôi đi trót quót.

1. Đi rôn: đi kiểm tra, đọc trại từ chữ controle (Controle: tiếng Pháp).

Ra đi



Tháng 11 năm 1965, người ta mới thả tôi ra khỏi trại giam. Thật sự, tôi không biết mình đã làm cái gì để bị bắt. Lòng tôi vừa công phẫn, vừa xót xa. Tôi chỉ sợ những dự tính cho ngày mai của mình gãy đổ. Phải vất vả lắm tôi mới “Làm lại cuộc đời” như người ta vẫn thường nói. Dẫu sao, tôi cũng đang chuẩn bị bước vào tuổi 18 và chỉ còn học một năm học nữa để lên đại học. Tháng 11-1965, tôi mới xin được vào học lớp đệ nhứt C 1 trường trung học Phan Châu Trinh, Đà Nẵng. Trong cái thành phố xa lạ này, tôi được xem là một thằng... siêu nhà quê.

Tôi tự hứa với lòng phải tập trung học hành, thi cử. Tôi đã thua bạn bè cùng lớp ba tháng học, vậy thì không có lý do gì để tôi không nỗ lực bắt kịp các bạn. Năm ấy, anh Trần Ngọc Châu học dưới tôi hai lớp, tổ

chức được một tờ báo của học sinh trong trường. Tờ báo in roneo, bài vở khá thú vị. Tôi viết một bài duy nhất trên báo của Châu và bị một người thầy dạy mình mắng như tát nước. Trần Ngọc Châu sau này là một nhà báo nổi tiếng.

Giấc mộng được... giữ bò, cỡi bò của tôi đã có từ lâu lắm. Bởi có giữ bò thì mới được phép cỡi bò. Nguyên là, tôi sinh ra tại một làng nghèo; làng nằm ven biển nên bị tác động bởi hiện tượng cát bay. Cát bị gió thổi, xâm thực sâu vào đất liền. Rừng dương liễu (phi lao) và rừng sim mọc lên tự nhiên, giúp con người chắn cát, bảo vệ ruộng đồng.

Có rừng sim, đồi sim nên mới có cỏ mọc cho bò ăn. Nhà tôi không làm nông, không nuôi được con bò nào nhưng tôi lại tha thiết với giấc mộng cỡi bò đến quên ăn mất ngủ. Ngày nào như ngày ấy, tôi vác mặt lên đồi sim, xin bạn bè cùng xóm... giữ bò giùm không lấy thù lao. Than ôi, bộ môn của tôi ngày ấy ít thịt nhiều xương, là bộ môn nghèo nàn lạc hậu nhất miền Trung Trung bộ! Những con bò tinh quái và thông minh của cái làng biển này nhận ra điều đó. Do vậy, chưa bao giờ chúng ưng thuận cho tôi cỡi lên cái lưng cao quý của chúng. Dù có ráng lo lót, nịnh bợ bao nhiêu, chúng cũng không cho cỡi. Đúng là người ốm thì bò cũng chê!

Chuyện bị bò phụ bạc đã qua trên chục năm. Thế rồi, cơ may xảy ra. Mùa hè năm 1966, chúng tôi chuẩn bị học tháng cuối cùng của bậc trung học để thi tú tài

2 thì cuộc đấu tranh của Phật giáo và phe ly khai miền Trung chống chế độ hai ông Thiệu - Kỳ diễn ra. Ông Nguyễn Văn Mẫn - bác sĩ thị trưởng thành phố, đứng đầu phe chống đối. Ông Đàm Quang Yêu - đại tá, lập ra lực lượng Trần Hưng Đạo thách thức ông Kỳ. Các cuộc biểu tình nổ ra ở Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng và Huế. Lực lượng Phật giáo đồ đưa bàn thờ Phật ra đường đấu tranh theo sự chỉ đạo của thượng tọa Thích Trí Quang và các giáo hội Phật giáo tỉnh, thành phố. Không một trường học nào mở cửa, không một học sinh nào đi học. Phần lớn học sinh tham gia phong trào đấu tranh đô thị.

Ông Nguyễn Chánh Thi - tướng tư lệnh Quân đoàn 1, bị triệu tập về Sài Gòn và bị ông Kỳ đưa vào bệnh viện Grall bắt... chữa bệnh viêm mũi. Không hiểu nhờ đâu, ông Thi thoát ra được khỏi bệnh viện và về lại Đà Nẵng. Một đêm nọ, ông Thi đăng đàn, đọc diễn văn tại Phòng Thông tin trên đường Hùng Vương. Bài diễn văn ứng khẩu của ông rất tức cười: "Thưa đồng bào, tôi không đau lỗ mũi nhưng thằng Kỳ hắt biểu tôi đau lỗ mũi. Hắt bắt tôi nhốt vào bệnh viện Grall. Chừ tôi trốn về đây với đồng bào. Đồng bào biểu tôi làm cái chi thì tôi làm cái nớ. Các em nhỏ rất là chịu chơi!".

Ông Kỳ tuyên bố trên Đài Phát thanh Sài Gòn sẽ đưa quân ra dẹp "bọn phiến loạn miền Trung". Mà quả nhiên, ông đổ quân ra thật. Máy bay của không quân chở lính thủy quân lục chiến đổ bộ xuống sân bay Đà

Năng tới tấp. “Lực lượng Trần Hưng Đạo” của ông Yêu tan rã nhanh chóng. Những người cầm đầu phe ly khai bị bắt. Được trón, lính của ông Kỳ ra tay càn quét tài sản của người dân trong các chợ Hàn, chợ Cồn và nhà giàu có. Ban đêm, anh em họ hành quân lùng bắt sinh viên học sinh tham gia phong trào tranh đấu.

Nhà tôi ở trên đường Hoàng Diệu, chỉ cách sân bay Đà Nẵng vài cây số. Bạn học tôi là Nguyễn Hữu Tú tham gia phong trào đấu tranh nhưng tôi không tham gia. Tuy nhiên, tôi lại là thằng có “tiền sự” tại Hội An ra đây mà lính ông Kỳ quần thảo khu vực này khá kỹ. Anh ruột tôi sợ tôi bị bắt lần nữa nên đưa tôi qua vùng núi Non Nước. Tại đây, tôi ở chung với Huỳnh Bá Thành một tuần. Chúng tôi... không có việc gì làm, phải leo lên ngọn Thổ Sơn trong năm cụm Ngũ Hành Sơn, xin mấy em bé cho phép... giữ bò giùm.

Thành là người Hòa Hải (trực thuộc Hòa Vang). Anh học lớp đệ nhất B 1, tôi học lớp đệ nhất C 1. Ngày còn đi học, tôi thường ghé vào nhà Thành trong một hẻm nhỏ cùng nằm trên đường Hoàng Diệu, thường bới cơm ăn chung với nhau. Những ngày qua Hòa Hải “lánh nạn”, tôi và Thành hay lên ngọn Thổ Sơn trong năm cụm núi Non Nước để... giữ bò. Nhà Thành không có con bò nào. Chúng tôi lên đây là để giữ bò... giùm thiên hạ. Cái đó kêu bằng vì tha thiết với cuộc đời mà làm ông Tô Vũ bất đắc dĩ. Thế nhưng, Tô Vũ chỉ giữ dê, không giữ bò bao giờ.

Khóa thi tú tài 2 mở ra tháng 6 năm 1966 trên toàn miền Nam. Thí sinh vùng “Miền Trung ly khai” gồm Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên và Quảng Trị không được dự thi. Phải sau đó ba tuần, chúng tôi mới được đi thi. Tôi chỉ học được có sáu tháng rồi gặp vụ biến loạn, chỉ sợ mình thi không đậu. May mắn là phần thi viết (*écrit*) tôi làm khá tốt; qua đến phần thi vấn đáp (*oral*) hai môn tiếng Pháp và tiếng Anh cũng trơn tru. Tôi đậu tú tài 2, lần này chỉ đậu hạng thứ¹.

Giấy chứng chỉ tốt nghiệp tú tài 2 trừng phạt các thí sinh vùng “ly khai” bằng một hàng chữ đỏ rất giật gân: “*Đậu dưới sự ân giảm của hội đồng*”. Người ta coi việc chúng tôi thi tú tài 2 là một sự kiện được thi ân bố đức, đáng lẽ là trừng phạt không cho thi để “rước” đi lính hết ráo. Hai chữ ân giảm đóng trên chứng chỉ tốt nghiệp tú tài 2 đã gây ra không biết bao nhiêu phiền phức cho lớp “Học trò miền Trung ly khai” sau này trong việc học hành, thi cử và xin việc làm.

Tôi vào Sài Gòn tháng 8 năm 1966 với một cây violon, một chứng chỉ tốt nghiệp, mấy bộ đồ cũ và 200 đồng bạc trong túi. Giữa miền đất lạ không hề có một người thân quen, tôi một mình đi tìm kiếm tương lai của mình. Tôi ghi danh vào học Đại học Văn khoa rồi sau đó thi đậu vào Đại học Sư phạm. Tôi học cả hai bên

1. Hạng thứ: Hạng đủ điểm đậu, không cần đánh giá.

để hoàn thành mong ước của mình: Ra trường làm một giáo sư Triết bậc trung học.

Giã từ những tháng ngày tươi đẹp của thời học sinh trung học. Giã từ tuổi thơ. Tôi xa người bạn thân, người bạn khổ từ đó. Cuộc sống đưa tôi phiêu du trên đường đời qua những đồi mây trắng. Hai năm sau, trở về Đà Nẵng để tang cha và lên đồi xưa ở Quảng Nam viết bài tình ca đầu tiên *Thu, hát cho người*, tôi biết đời mình sẽ đi qua những bờ bến lạ.

Tôi thành nhạc sĩ



Tôi là con một gia đình nghèo, sinh ra trong thời chiến tranh, phải đến bảy tuổi mới được đi học. Lên lớp đệ thất trung học, tôi mới được học âm nhạc trong nhà trường với hai người thầy tài hoa Lê Chấn Quang và La Gia Đình. Tôi say mê âm nhạc, ước mong trở thành nhạc sĩ.

Ngày thi đậu vào đệ thất, tôi đã tự học nhạc với cây đàn mandoline của anh ruột cho rồi sau đó học lóm thầy Lê Chấn Quang để chơi guitare. Mười sáu tuổi, tôi đã viết những ca khúc đầu tiên đem trình hai thầy xin được chỉ vẽ thêm. Những ca khúc đó được hát trên đài Phát thanh Quảng Nam các năm 1964 - 1965.

Những ngày làm học sinh thơ mộng ấy, tôi phải ở trọ tại Hội An. Chiều thứ Bảy hàng tuần, tôi đi bộ qua những đường quê để về nhà và trưa Chủ nhật cuối tuần

mới đi từ nhà qua Hội An. Giữa làng quê tôi và Hội An, ngoài quãng đường bộ, còn phải qua hai lần đò. Cô bạn gái xinh xắn học dưới tôi hai lớp, ở cùng quê, rất sợ phải đi một mình nên thường đợi tôi ở bến đò để được đi chung.

Bạn rất lạ, bao giờ cũng giành đi trước. Ấy bởi vì bạn sợ tôi đi trước mà đi nhanh thì bạn theo không kịp, sẽ lạc mất đầu đò vào trong sương mù vùng hạ du sông Thu. Bạn từng dặn: “Đừng bao giờ bỏ em một mình nghe”. Tôi đồng ý. Tôi đi phía sau, nhìn mái tóc óng ả của bạn, vẫn thường tức cười vì cái đuôi gà lúc lắc, đong đưa. Chúng tôi đi như vậy mà chẳng bao giờ nói chuyện với nhau nhưng trong cái ngôn ngữ vô thanh đó là một trời cảm xúc.

Có một lần, bạn đập cây gai tre. Tôi tháo chiếc giày từ chân bạn ra, nhổ cây gai tre. Chợt nhìn lên, tôi bắt gặp một đôi mắt hồn nhiên, trong sáng, đẹp tuyệt vời. Người ta có cảm xúc với nhau thì nắm tay. Bàn tay là... hình nhi thượng. Tôi chỉ nắm (và nâng niu) được bàn chân bạn. Cái đó hình như chữ Hán kêu bằng là... hình nhi hạ thì phải (?).

Có một lần, tôi rủ bạn đi chơi. Ngày ấy, tôi đã đậu tú tài 1 và bạn đã đậu trung học. Lạ thay, giữa biển dâu xanh ngát không hiểu sao lại mọc lên hai cụm glaieuil¹ thật đẹp. Tôi hái hoa tặng bạn. Đó là lần đầu tiên và cũng

1. Hoa Glaieuil: Bây giờ ta gọi là hoa lay-ơn, Đà Lạt trồng bán đầy phố.

là lần duy nhất trong đời, tôi tặng hoa cho bạn. Chúng tôi nắm tay nhau. Bàn tay của bạn đẹp lạ lùng.

Có một lần, bạn ngồi, mái tóc dài xõa qua một bên, đôi mắt mơ màng, nghe tôi hát những bài tình ca với cây đàn guitar. Bạn chỉ nói: “Ngày sau nếu trở thành nhạc sĩ, anh nhớ viết cho em một bài hát nghe”. Tôi hứa: “Anh sẽ viết tặng em một bài”. Đồi núi, tháp cổ, dòng sông, phố thị mơ màng này làm chứng cho tôi lời hứa ấy.

Năm 1966, tôi vào Sài Gòn, thi đậu và học đại học. Tháng 9 - 1968, cha tôi qua đời. Tôi trở về để tang cha. Nhớ tới bạn, tôi tìm về căn gác bạn trọ học ngày xưa ở gần ngã tư Phan Châu Trinh - Lê Lợi. Bạn tôi đã đi rồi, không biết về đâu giữa cuộc đời điêu linh cổ quái này.

Tôi lại cầm cây guitar lên đời xưa. *“Không ai cứu vớt linh hồn tôi. Hỡi đức Giêhôva tôi kêu cầu cùng ngài; Mà rằng ngài là nơi nương náu của tôi; Phần tôi trong đất kẻ sống”* – Thi thiên trong Thánh kinh viết như vậy. Tôi chỉ mong thay chữ Giêhôva bằng tên bạn tôi. Tháng 9 mùa thu, màu sim tím nở rộ thật lãng mạn nhưng chỉ còn mình tôi với sông Thu, đồi sim và tháp cổ. Tôi thật cô đơn và nhớ bạn biết bao nhiêu. Nhớ lại những lời bạn từng dặn: “Đừng bao giờ bỏ em một mình nghe” và “Ngày sau nếu trở thành nhạc sĩ, anh nhớ viết cho em một bài hát nghe”, tôi trải tờ giấy viết nhạc lên thùng đàn và viết:

Dòng sông nào đưa người tình đi biển biệt.

Mùa thu nào cho người về thăm bến xưa.

Hoàng hạc bay, bay mãi bỏ trời mơ.

Về đôi sim, ta nhớ người vô bờ...

Ca khúc *Thu*, hát cho người đã ra đời như thế. Âm hình của ca khúc thật đẹp; kết cấu của hành âm rất cổ điển, đúng quy chuẩn của nhạc pháp Tây phương. Đặc biệt, đoạn Coda biến hóa lung linh, tạo cho bài hát phong vị vừa cổ điển vừa hiện đại. Chút tình cảm ngày ấy trong sáng quá, long lanh quá, lại đứng giữa tình bạn và tình yêu nên ca khúc hồn nhiên một cách lạ lùng:

Ta vẫn chờ em trên bao la đôi nương,

Trong mênh mông chiều sương.

Giữa thu vàng bên đôi sim trái chín,

Một mình ta ngồi hát tuổi thơ bay.

Rồi trong mạch nguồn cảm hứng đó, tôi viết *Chiều mơ*. Bài hát cung Sol trưởng, vẫn là hình tượng của bạn xưa:

Chiều mơ, anh trở về từ đèo cao hút gió;

Có hoa xưa chờ người xưa đó.

Chiều mơ, anh thấy em buông tóc bên trời;

Buồn một mình trên tuổi xuân phai.

Chiều mơ, anh cầm đàn về bờ xưa suối biếc;

Hát em nghe ngàn lời thương tiếc.

*Tình em, anh hứa muôn đời vẫn tôn thờ;
Dù ngày về chỉ có chiều mơ.*

Năm 1968, *Thu, hát cho người* và *Chiều mơ* được hai danh ca Anh Ngọc và Hà Thanh hát với hòa âm của nhạc sĩ Trần Nhật Bằng trên Đài Phát thanh Sài Gòn. Sau đó là tiếng hát của các ca sĩ Lệ Thu, Mai Hương, Vân Hà, Vân Quỳnh, Ngọc Long, Phượng Bằng... Hai bài hát vụt nổi tiếng. Năm 1971, các ca khúc của tôi được in ra lần đầu tiên tại Sài Gòn. Đặc biệt, *Thu, hát cho người* trở thành một trong những khúc tình ca kinh điển của mùa thu và làm nên thương hiệu của tôi. Tôi trở thành nhạc sĩ có tác phẩm để đời ngay trong tuổi hai mươi.

Cám ơn bạn của ngày xưa! Em đã biến tôi trở thành nhạc sĩ. Em đi đâu, về đâu? Tôi viết cho em không chỉ một bài, mà cả chục bài: *Chiều mơ, Đường về, Cõi tiêu dao, Người xưa, Phượng ca, Phố Hoài, Đôi mắt...* Bởi lòng tôi vốn yêu cái gì trong sáng nhất, hồn nhiên nhất. Mà em là con người tiêu biểu cho tố chất trong sáng và hồn nhiên ấy. Và bởi tôi muốn thực hiện với em lời hứa đã từng được núi rừng, đồi sim, tháp cổ, dòng sông và phố thị làm chứng cho tôi.

Tôi là người đàn ông lãng mạn, đa tình. Bây giờ tôi còn có cả *Điệu buồn phương Nam, Đêm Gành Hào nghe điệu hoài lang, Tiếng quốc đêm trắng, Đau xót Lý chim quỳên, Trở lại Bạc Liêu...* Nếu ai hỏi tôi yêu ca khúc nào nhất, tôi vẫn nói tôi yêu *Thu, hát cho người*. Tại sao vậy?

Bởi vì ngày ấy, tôi chưa bao giờ nói tiếng yêu bạn. Đó là ngôn ngữ vô thanh.

Đến đây thì tôi già từ tuổi thơ. Năm mươi năm qua, nhìn lại tuổi thơ của mình, tôi thực sự hạnh phúc khi được trải qua những tháng ngày hồn nhiên, tươi đẹp. Cái cánh cửa thời trung học là cánh cửa mà mỗi chúng ta đã, đang và sẽ bước qua. Làm sao để tìm lại những tháng ngày đó? Những bạn bè tôi có người đã già, có người đã qua đời. Tôi luôn nhớ họ và yêu quý họ. Họ đã giúp tôi hình thành một phần đời mình, một phần tuổi thơ mình.

Năm mươi năm sau, *Thu, hát cho người* lên năm mươi tuổi. Tháng 8-2018, tôi được vinh danh và tặng thưởng biểu tượng Sol Vàng do kênh truyền hình quốc gia VTV9 và Jet Studio trao tặng vì những cống hiến cho nền âm nhạc dân tộc.

Thu, hát cho người

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Nhẹ nhàng - Thanh thoát

Dòng sông nào đưa người tình đi biệt. Mùa thu
nào cho người về thăm bến xưa. Hoàng hạc bay, bay mãi bỏ trời
mơ. Về đôi sim ta nhớ người vô bờ. Ta vẫn chờ
em dưới gốc sim già đó. Để hái dâng người một đóa dâm tương
tư. Đêm nguyệt cầm ta gọi em trong gió. Sáng linh lan, hồn ta khóc bao
giờ Ta vẫn chờ em trên bao la đôi nường, trong mênh mông chiều
sương. Giữa thu vàng bên đôi sim trái chín. Một mình ta ngồi hát tuổi thơ
bay. Thời gian nào trôi bẽnh bồng trên phận người. Biệt ly
nào không muộn phiền trên dấu môi. Mùa vàng lên biêng biếc bóng chiều
rơi. Nhạc hoài mong ta hát vì xa người. Thu, hát cho
người. Thu, hát cho người. Người yêu ơi!

Mời bạn scan mã QR code
để nghe ca khúc *Thu, hát cho người*.



Mục lục

<i>Lời nói đầu.....</i>	5
<i>Bài hát Phụng ca</i>	7
1. Làng tôi	11
2. Một chuyện quê mùa	19
3. Ai ăn chè bà Chỉ?	26
4. Tôi bị phạt cấm túc.....	32
5. Lại... cấm túc	39
6. Người cho mượn áo	46
7. Cá sông quê	53
8. Làng lắm ma.....	59
9. Đây, Mừng Luông!	65
10. Phở Mộng Thu.....	70
11. Học đàn qua cửa sổ	74
12. Ngủ biển.....	80
13. Con rắn	84
14. Tôi học như thế nào?	88
15. Tôi thi trung học.....	93
16. Ban nhạc Ngũ Hành Sơn	98
17. Bạn tôi.....	103
18. Con lũ 1964.....	109
19. Văn hóa bắt đui.....	114
20. Ra đi.....	121
21. Tôi thành nhạc sĩ.....	127
<i>Bài hát Thu hát cho người.....</i>	133

(5620/5)

Phượng ca

Vũ Đức Sao Biển

*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

Hochiminh City Culture-Literature and Arts Publishing House

88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

ĐT: (028) 38216009 - 39142419 - Fax: (028) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhoavannghe.org.vn * nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn

Website và bán hàng trực tuyến: www.nxbvanhoavannghe.org.vn

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc, Tổng Biên tập: Đinh Thị Phương Thảo

Biên tập: Phạm Thị Thanh Phượng

Sửa bản in: An-Khánh

Trình bày: Lâm Đệ Hùng

Bìa: Hà Thảo

*

In lần thứ nhất. Số lượng: 1.000 cuốn, khổ 13 x 20,5 cm.

Tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng.

Địa chỉ: Số 510 đường Trường Chinh, P.13, Q.Tân Bình, Tp.HCM

Số đăng ký KHXB: 3602-2019/CXBIPH/4-143/VNTPHCM.

Quyết định xuất bản số: 506/QĐ-NXBVHVN ngày 17/9/2019.

ISBN: 978-604-68-5852-2. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2019.